

midol

Thuốc viên bọc đường

TRỊ ĐAU NHỨC, CẢM CÚM, ĐAU LÚC KINH K

M.N. SỐ 091 BYT NGÀY 21/1/64

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Wason Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

AP95
VL P57

140

15-12-1964

- Bức thư Paris **NGUYỄN-VĂN-CỒN**
- Đề-Thám vị anh hùng dân-tộc **NGŌ-THÀNH-LONG**
- Người chiến quốc **THIỆU-SON**
- * Lễ tặng giải Tao Đàn
- Bạch Nga **NGUYỄN-VẠN-HỒNG**
- * Danh nhân trên thế-
- giới : Léon **TOLSTOI** **HOÀNG-THẮNG**
- Động yêu nhên nhện **TRẦN-TUẤN-KIỆT**
- Thôn thế và sự nghiệp Freud . . . **THÁI-DƯƠNG**
- * Minh ơi ! **DIỆU-HUYỀN**
- Tâm sự vụn **MINH-ĐỨC**
- Sự thật về Người Tuyết . . . **MAI-HƯƠNG-VÂN**
- Sự tích bà Bìa Moshik **PARICHÀM**
- Chết của linh hồn **JEAN PAUL SARTRE**
- Tuấn, chàng trai nước Việt . . . **NGUYỄN-VỸ**
- * Tuyên ngôn của Tao-dàn Bạch-Nga . : **T.Đ.B.N.**
- Giải Nobel hóa học 1964 : nữ bác học **CROWFOOT-HODGKIN.** . . . **VŌ-QUANG-YẾN**
- Ông Hoàng Bé **SAINT EXUPÉRY**
- * **THƠ** : Trương-Phổ, Lâm-vị-Thủy, Kiên-Giang, Đào-thanh-Khiết

TRUYỆN DÀI

- **Người tù 69** **NGUYỄN-VỸ**
(xem mục lục đầy đủ ở trang 5 - 6)

CARDIOCORINE

Thuốc giọt



BỘ TÂM ĐIỀU HÒA HƠI THỞ

Cardiocorine

Cardiocorine

DÙNG CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: YẾU TÂM, CỨU NHỮNG
MỆT MỎI, NGẤT SỤU



Viện bảo chế NGUYỄN-CHÍ
Số 2, Tự-Đức Saigon

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CARDIOCORINE

LE SECOURS

Công-Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo-Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chính :
30-32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông
16, đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hay hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia

Giúp nước thêm nhà ta thêm của

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN. MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI
CỨ MUA VÉ SỐ
THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

PHỔ-THÔNG

TAP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO-BIEN VAN HOA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Địa-sởn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VII ★ số 140 ★ 15-12-1964

1.— Lễ tặng giải Tao Đàn Bạch-Nga 1994	Nguyễn-vạn-Hồng	7 — 19
2.— Vị anh hùng Yên-Thế : Đê-Thám	Ngô-thành-long	20 — 26
3.— Tháng này còn mưa không em (TĐBN) Lâm-vị-Thủy		27
4.— Sự thật về Người Tuyết	Mai-hương-Vân	28 — 35
5.— Bức thư Paris.	Nguyễn-vân-Côn	36 — 39
6.— Người chiến quốc	Thiếu Sơn	40 — 45
7.— Ngày về xứ Huế (thơ)Kiên-Gi ng	46
8.— Danh nhân thế giới : Tolstôï	Hoàng	47 — 52
9.— Ai ? (thơ)	Tương	53
10.— Động yêu nhên-nhện (truyện ngắn)	Trần-Tuân-Giết	54 — 59
11.— Tâm sự vụn	Minh	60 — 65
12.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	66 — 68
13.— Sự tích bà Bia Mòhik.	Paris	69 — 71
14.— Chết của li h hồn (truyện ngoại quốc)	J.P	72 — 80

15.— Tuyên ngôn của Tao Đàn Bạch-Nga	T.Đ.B.N	81 — 85
16.— Thân thể và sự nghiệp Freud	Thái-Dương	86 — 93
17.— Niu gót chân yếu (TĐBN)	Đào-thanh-Khiết	94
18.— Giải Nobel Hóa học 1964	Võ-quang-Yến	95 — 101
19.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	102 — 106
20.— Sách báo mới	P.T.	107 — 108
21.— Người tù 69	N.V.	109 — 111
22.— Ông Hoàng Bé	Mạc-triều-Linh	112 — 115
23.— Đáp bạn bốn phương	D.H.	116 — 130
• Trình bày	Nguyễn-Minh	
• Tranh vẽ	Ngọc Dũng	



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lại cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lại cáo không đăng, không trả lại.
- * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Đông-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 • Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 • Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS 7^e
 (vente — abonnements — Publicité)

Lễ Tặng Giải

TAO-ĐÀN BẠCH-NGA 1964

★ Nguyễn-văn-Hồng
 (Đại-học Văn-khoa Saigon)

Nhằm mục đích nâng đỡ và khuyến khích những thi sĩ có chân tài thuộc thế hệ trẻ của hôm nay và mai sau, hàng năm, TAO ĐÀN BẠCH-NGA có lập những giải thưởng cho các bộ môn văn nghệ được gọi là « Giải Tao-Đàn Bạch-Nga ». Đặc biệt cho những năm đầu Tao đàn Bạch Nga chỉ tặng riêng về bộ môn thơ. Mọi thể lệ cũng như điều kiện cần thiết và phải có để tham dự giải này đã được trình bày trong tạp chí PHỒ-THÔNG.

Hôm nay tôi xin lược ghi lại vài nét về buổi lễ tặng giải T.Đ. B.N. 1964 đã được long trọng khai mạc vào hồi 17 giờ ngày 29-11-64, tại nhà hàng Thanh-Thế, đường Nguyễn trung Trực, Saigon. Tham dự buổi lễ, ngoài sự hiện diện của đông đủ đàn-viên trong TĐBN Saigon: (chỉ trừ những đàn viên ở Hải-ngoại), còn có rất đông các văn nhân, thi-hữu, quý vị giáo-sư và ký-giả.

Sau khi chị Tuệ-Mai, (trong Tao-đàn Bạch-Nga) tuyên bố khai mạc và đọc chương trình buổi lễ, Bác sĩ Anh Tuấn (trong TĐBN) lên micro trình bày về ý nghĩa của Giải thưởng Tao-Đàn Bạch Nga, như sau đây :



Tuệ-Mai khai-mạc,
đọc chương trình buổi lễ

«Thưa quý Bạn Thi-Văn-Nghệ,
Trong tạp-chí Phò-Thông số
120, phát-hành ngày 1-2-1964.
Đặc-biệt Xuân Giáp-Thìn, chúng
tôi có tuyên-bố thành-lập Giải
Tao-Đàn Bạch-Nga hằng năm.

Mục-đích của Giải Tao-Đàn
Bạch-Nga là :

1.— Khuyến-khích những Thi-
sĩ có chân-tài của những Thế-hệ
trẻ hôm nay và ngày sau.

2.— Nâng cao tinh-thần và
kỹ-luật thơ Việt-nam.

Theo nguyên-tắc mà chúng tôi
đã quyết-định, thì Giải Tao-Đàn
Bạch-Nga hằng năm phải được
tuyên-bố kết-quả vào ngày lễ
Trung-Thu. Nhưng năm nay, vì
tình-hình rối-loạn trong Nước,

nên lễ Trung-Thu vừa qua, chúng
tôi đã loan-báo dời cuộc tuyên-
bố kết-quả của « Giải Tao-Đàn
Bạch-Nga 1964 » vào ngày 1-11,
vừa là ngày lễ Kỷ-niệm Đệ-lục Chu-niên của Tạp-chí Phò-Thông,
vừa là ngày kỷ-niệm Cách-mạng.

Hôm nay chúng tôi hân-hạnh làm lễ Tặng Giải Tao-Đàn Bạch-
Nga 1964.



Thưa quý Bạn,

Giải Tao-Đàn Bạch-Nga năm nay có tất cả 57 người dự. Hầu
hết đều là những thi-sĩ trẻ của thế-hệ mới, có chân-tài, có căn-
bản văn-hóa vững-chắc, và đã có thơ đặng khá nhiều trên các
Tạp-chí Văn-nghệ ở Thủ-đô.

Ngoài ra, còn có hai Thi-sĩ ở Hải-ngoại cũng đã sốt-sắng
gởi thi-phẩm về tham-gia Giải-thưởng.

Chúng tôi vô-cùng cảm-động trước sự hưởng-ứng nhiệt-
thành của các bạn, và vì thế chúng tôi rất thận-trọng trong việc
định-đoạt những người trúng giải.

LỄ TẶNG GIẢI TĐBN

Theo thể-lệ đã công-bố, Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1964 đã
được ấn-định như sau đây :

Giải nhất	:	10.000 đồng
Giải nhì	:	8.000 đồng
Giải ba	:	6.000 đồng

Hôm nay, chúng tôi hân-hạnh tuyên-bố danh-sách 3 Thi-hữu
trúng Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1964 :

Bạn : **NGUYỄN-KIM-TUẤN**

Bút-hiệu : **THÙY-DƯƠNG-TỬ** Giải nhất

Bạn : **NGUYỄN-HÙNG-TRÁT** Giải nhì

Bạn : **ĐỖ-QUÝ-BÁI**

Bút-hiệu : **LẠC-THỦY** Giải ba

Đồng thời, c'úng tôi xin thành-t'ật cảm-ơn tất cả các Thi-
hữu ở khắp nơi đã vui lòng hưởng-ứng Giải Tao-Đàn Bạch-Nga.
Giữa quý bạn và Tao-Đàn Bạch-Nga vẫn còn tồn-tại mãi mãi mới
duyên văn nghệ chân thành lưu-luyế..

Chúng tôi xin trân-trọng cảm-tạ toàn-thề quý vị Thi-văn-Hữu
đã có thịnh tình nhận lời mời đến dự lễ tặng Giải Tao-Đàn Bạch-
Nga 1964. Thật là một hân-hạnh đặc-biệt cho chúng tôi.

B.S. Phát dứt lời, cử tọa vỗ tay nhiệt liệt. Ai cũng biết rằng
Tao-Đàn Bạch-Nga hiện nay gồm có các nhà Thơ :

NGUYỄN-VỸ — TRẦN-TUẤN-KIỆT — NGUYỄN-TUẤN-PHÁT

TUỆ-MAI — PHƯƠNG-ĐÀI — LÂM-VỊ-THỦY

NGUYỄN-THU-MINH — MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

TÔN-NỮ HỸ-KHƯƠNG — THU-NHI

NGUYỄN-VĂN-CỒN (Paris) — THANH-NHUNG (Tokyo)

ĐÀO-THANH-KHIẾT (Manille)

Tiếp sau B.s. Nguyễn-tuấn-Phát, chị Thu-Nhi lên micro nói về những đặc-diêm của Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 64. Với tiếng nói thanh-thanh, giọng Phan-Thiết, tác-giả tập thơ « Trăng đêm » nói :

« Thưa quý Bạn,

Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1964 có 4 đặc diêm sau đây :

1.— Trong lúc tình hình nước nhà đang trải qua thời kỳ vô cùng rối loạn, tinh thần nhân dân bị khủng-hoảng trầm trọng, Văn-Nghệ và nhất là Thi-Ca cũng do đó mà tiến triển rất khó khăn, chậm-chạp. Bao nhiêu biến cố sôi động kể tiếp không ngừng khiến cho con người văn-nghệ thường giàu cảm hứng và tư tưởng, cũng chịu ảnh hưởng làm giảm mất nhiều năng lực sáng tác của mình.

Mặc dầu vậy, và chính là vì vậy, anh chị em nhóm Tao-Đàn Bạch-Nga chúng tôi quyết định đặt Giải Tao-Đàn Bạch-Nga để nuôi dưỡng không khí Văn-nghệ và Thi-ca thuần túy, cố gắng nâng cao giá trị của Thi-ca Việt-Nam hiện đại, và đồng thời khuyến-khích các nhà Thơ của thế-hệ hôm nay.

Đạt giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1964, chúng tôi không có kỳ-vọng nào khác hơn là tìm kiếm những tài hoa này nở, hương vị bản-g-trình, thuần-khiết, giữa mùa tao-loạn.

2.— Chúng tôi rất vui mừng tiếp nhận được một số khá đông các bạn làng thơ hưởng-ứng Tao-Đàn Bạch-Nga và mục phiêu thuần-túy văn-nghệ của nó.

Trong số trên 57 nhà Thơ của thế-hệ hôm nay có hảo-ý tham gia



Bác-sĩ Nguyễn-tuấn-Phát, trình bày ý-nghĩa Giải Tao-đàn Bạch-Nga hàng năm

Thu-Nhi nói về 4 đặc-diêm của Giải Tao-đàn Bạch-Nga

giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1964, chúng tôi nhận thấy có : 38 bạn sinh viên các phân-khoa và học sinh trung học khắp các trường trong toàn quốc, từ Quảng-Trị, Huế, Qui-Nhơn, Nha-Trang, đến Saigon, Vĩnh-Bình, Vĩnh-Long, An-Xuyên, v.v...

5 bạn công chức.

6 bạn tư chức.

6 bạn quân nhân, trung úy, đại-úy và một trung-tá.

2 bạn sinh-viên hải ngoại : một bạn ở Đại-học Sorbonne Paris, và một bạn vừa đỗ kỹ sư ở Mỹ.

Thật là một triệu chứng đáng mừng cho Thi-ca Việt-Nam, và tiện đây chúng tôi xin có lời chân thành cảm tạ sự tham dự sốt sắng của tất cả quý Bạn.

3.— Anh chị em nhóm Tao-Đàn chúng tôi đã lựa chọn một cách thận-trọng, đề rất nhiều thì giờ xem Thơ và nhận xét về nội dung của mỗi bài. Đến nỗi, anh Nguyễn-văn-Cồn, Tiến-sĩ Văn-chương Pháp, hiện làm việc tại bộ Quốc-gia Giáo-dục Pháp ở Paris, đã phải xin nghỉ phép hai tuần lễ và đem cả mấy xấp thơ dự giải mà chúng tôi gửi sang, đến một nơi thôn quê thanh vắng ở miền Bretagne để đọc cho kỹ và cân nhắc cẩn thận trong việc lựa chọn.

Chị Thanh-Nhung ở Tokyo, mặc dầu đang bận học lo thi, cũng đã phải dành nhiều thì giờ để xem các tập thơ dự-thí do Tao-Đàn gửi qua.





Minh-Đức trao tặng giải Thi-sĩ Đỗ-quì-Bái

Do một sự ngẫu nhiên mà chúng tôi cho là một triệu-chúng có ý nghĩa vô cùng tốt đẹp, đó là bao nhiêu sự lựa chọn đã đưa đến một kết quả không ngờ : 3 nhà Thơ trúng giải thì một anh sinh-trưởng ở Bắc Việt, một anh ở Trung Việt, và một anh ở Nam-Việt.

Một anh đã đỗ tú tài, hiện đang theo đuổi nghề viết văn, làm thơ và dạy học. Một anh học ở Đại-học Luật-khoa. Một anh đã có hai chứng-chỉ cử-nhân Triết và đang tiếp-tục học ở Văn-khoa.

4.— Chúng tôi sung-sướng tự đặt Giải Tao-Đàn Bạch-Nga với phương-tiện tài-chánh riêng của Tao-Đàn Bạch-Nga, và một phần của Phở-Thông tạp-chí. Tao-Đàn Bạch-Nga không treo giải với món tiền trợ-cấp của một ngoại-nhân nào, hoặc của một cơ quan văn hóa nào của chánh-phủ hay của ngoại quốc. Chúng tôi tự xây-dựng lấy nền tảng của Giải Tao-Đàn Bạch-Nga mỗi năm, bằng số tiền lợi-tức của nhà xuất-bản Tao-Đàn Bạch-Nga và Phở-Thông tạp-chí.

Sau cùng chúng tôi xin tuyên bố rằng những nhà thơ trúng Giải Bạch-Nga đều mặc-nhiên trở thành Đán-viên của Tao-Đàn Bạch-Nga. Tao-Đàn chúng tôi rất hân-hạnh được tiếp nhận năm



Nguyễn Thu-Minh trao tặng giải Thi-sĩ Nguyễn-hùng-Trát

nay thêm 3 Thi-hữu mới mà tôi xin giới thiệu với quý ngài và quý bạn.»

Sau khi Thu-Nhi đọc tiêu sử của Thi sĩ Thùy-Dương-Tử, chị long trọng nói :

— Xin mời bạn Thùy-Dương-Tử lên nhận giải.

— Xin mời anh Nguyễn Vỹ, trong Tao-Đàn Bạch-Nga, lên tặng giải.

Cử tọa vỗ tay vang dậy trong phòng lúc nhà Thơ trúng Giải Nhất bước lên diễn đàn, cùng một lúc anh Nguyễn Vỹ với dáng điệu rất nhã nhặn, hai tay trao một tấm bằng và một bao thư lớn, trong đó có 10.000 đồng giấy bạc mới.

Đứng gần anh Nguyễn Vỹ, chúng tôi nghe tác-giả «Hoang-vu» vui vẻ nói với anh Thùy Dương Tử :

— Từ hôm nay, chúng tôi rất hân hạnh được thêm có anh trong Tao-Đàn Bạch-Nga.

Anh Thùy-Dương-Tử rất cảm động nhận bằng và giải thưởng. Kế tiếp; chị Thu-Nhi đọc tiêu sử của Thi-sĩ Nguyễn-Hùng-Trát, rồi nói :

— Xin mời bạn Nguyễn Hùng-Trát lên nhận giải.

— Xin mời anh Nguyễn-Thu-Minh, trong Tao-Đàn Bạch-Nga, lên tặng giải.



Nhà thơ Thùy-Dương-Tử, giải nhất, đang ngâm bài thơ của mình, « Hai mươi ». Người ngồi ghế (bên mặt) là anh Nguyễn-Vũ

★

Thi-sĩ Kiên-Giang Hà-huy-Hà và ban Máy-Tàn, ngâm thơ giúp vút



LỄ TẶNG GIẢI TĐBN

Cũng theo nghi lễ đó, chị Minh-Đức với nụ cười tươi và chiếc áo « décoll-tée » màu hồng, trao tặng Giải Thi-sĩ Đỗ-cụy-Bái.

Mỗi lần trao tặng giải, toàn thể cử tọa đều nhiệt liệt vỗ tay hoan nghênh. Không khí buổi lễ lại ấm lên dưới bóng đèn của những camera thuộc Trung Tâm Quốc gia Điện-ảnh đến quay phim thời-sự. Đúng thế, vì đây là một thời-sự quan trọng về sinh hoạt Văn-hóa của Văn-nghệ-sĩ miền Nam.

Sau lễ Tặng-Giải, ba nhà Thơ kế tiếp lên micro nói vài cảm-tưởng chân-thành và cảm-động của mình.

Chương trình được tiếp nối với phần văn-nghệ do Thi-sĩ Kiên-Giang Hà-huy-Hà, trưởng ban Máy-Tàn phụ trách. Bằng một giọng ngâm tha thiết đầy truyền cảm, cô Thu Thảo (tức cô giáo Thảo, có lẽ trời sinh ra để ngâm thơ) đã diễn tả tâm sự « Hai mươi », bài thơ trúng giải nhất. Sau đó theo lời đề nghị của nhiều người

Tiệc trà. Nữ-sĩ Phương-Đài mời bánh. Người cười tươi như hoa ở cuối bên mặt là nhà Thơ Trần-Tuấn-Kiệt



LỄ TẶNG GIẢI TĐBN

bạn Thùy-dương-Tử cũng « đăng đàn » với bài thơ đầy nước mắt. Đây là những giòng nước mắt khóc cho quê-hương đau khổ. Đây ải, phân chia, tù tội, chối bỏ, chấp nhận và cuối cùng tai nạn lại đeo đẳng suốt một đời người. Những giòng nước mắt mà chúng tôi tưởng thể-hệ này đã khô cạn — ấy thế mà Thùy-dương-Tử đã khơi lại làm nhiều bà, nhiều cô phải sụt sùi xếp lại khăn tay.

« *Cường vọng* » lại e ấp trong lòng, cô Mai-Lan (nữ sinh Gia-long) đã khơi lại hình ảnh đam mê của người con trai đòi thoát xác với những ảo tưởng mơ hồ trong ý nghĩa « *cường vọng* » của Nguyễn hùng-Trát, Nàng thơ bắt gặp một tình cờ hay đã hơn một lần vo tròn giấc mộng...

Tiếng sáo của Đặng quốc Khánh, và cây đồng tiêu độc nhất vô nhị của Nguyễn đình Nghĩa hòa với tiếng thồn thức chấp chùng của cây độc huyền cầm quen thuộc trên đài phát thanh quốc gia đã tạo nên sự lãng quên đôi phút, chùng như xa cách với thế giới tiếp tục đương chém giết bên ngoài.

Ngoài ra cũng có thêm vài giọng ngâm độc đáo của các cô Mỹ lan Thanh, Thanh Tùng với những sáng tác tại chỗ đề tặng T.Đ. B.N. của các nữ sĩ Thanh Quan, Vân Hương (tức Bà Lê ngọc

Quý vị Nữ sĩ của Tao-đàn Quỳnh-Dao



LỄ TẶNG GIẢI TĐBN

Chấn và Bà Quì Hương, (cả ba nữ sĩ đều ở trong thị xã Quỳnh Dao). Huy Cận cũng được Trần tuấn Kiệt nhắc đến trong một bài thơ bênh bồng và súc tích. Người ta cũng không quên một Nguyễn nhược Pháp nhà thơ đã vĩnh viễn ra đi, và một Hữu Loan với *Màu tím hoa sim*, một Nguyễn Vỹ với một đoạn bài « *gửi Trương-Tửu* » và còn rất nhiều, rất nhiều... Bạn Kiên-Giang đã kéo mọi người trở về với thực tại; thực tại của Sài Gòn mang nhiều thương tích với những vấn nạn đỏ lửa, thực tại của kiếp sống cơ hàn của người nghệ sĩ... và thực tại của hơn 2.000.000 đồng bao miền Trung đương chói với và chờ đợi sự cứu giúp của mọi người. Bưởi lễ kết thúc ở đó, và ban tổ chức hứa hẹn ngày tái ngộ với những dự ước trọng đại và tươi vui hơn. Hy vọng giải T.Đ.B.N. năm 1965 sẽ gặp nhiều bộ mặt mới và ghi thêm được vài hình ảnh của những người thơ... Chúng ta sẽ lại có dịp họp mặt với nhau, ăn bánh uống nước trà và kể cho nhau nghe những điều chưa kể được hoặc còn sót lại của một năm dài dằng dặc, một năm mà V.N. chuyển mình sang một giai đoạn mới: Giai đoạn của tình thương hay của một phán quyết lịch sử — Tất cả đều ở ngoài dự đoán của chúng ta. ● ★

Tiệc trà. Nguyễn-thu-Minh mời bánh các thi-văn-hữu



GIẢI TAO - ĐÀN BẠCH - NGA 1965



* Thẻ - lệ

I.— Trong mấy năm đầu, **Giải Tao-Đàn Bạch-Nga** chỉ **tặng riêng về bộ môn thơ**. Về sau, Giải Tao-Đàn Bạch-Nga sẽ có thể mở rộng và có thể tặng cho các bộ môn Văn-ngệ khác, do quyết định hậu lai của Tao-Đàn Bạch Nga.

II.— Thơ dự giải phải là Thơ Việt-Ngữ và **sáng tác theo đúng chủ trương trong Tuyên ngôn của Tao-Đàn Bạch-Nga**.

Đại cương bản tuyên ngôn ấy như sau đây:

a) **Về nội dung**: Thơ Bạch-Nga là tiếng Thơ thuần túy, thanh tao, cảm thông với Loài Người và Vũ-trụ, bao quát dĩ vãng, hiện tại và tương-lai. Không chú trọng nhiều về tình cảm cá nhân riêng biệt của thi-sĩ. Không chấp nhận các lối thơ giả-tạo, ủy-mị, bại hoại, suy đồi — Xu hướng về mục tiêu tư-tưởng và tình cảm trong sạch, cao siêu.

b) **Về hình thức**: các thẻ thơ Bạch-Nga văn liền, liền tếp, văn ôm, từ 2 chữ đến 12 chữ, hoặc số chữ không hạn định.

Riêng về Giải Tao-Đàn Bạch-Nga, không nhận các thẻ thơ Đường luật bát cú, ngũ ngôn, tứ-tuyệt, lục bát, ca trù, hoặc lối thơ phóng túng, không văn, không điệu.

III.— **Mỗi nhà Thơ dự Giải chỉ được gửi mười bài Thơ** chưa xuất bản, hoặc đã xuất bản trong năm 1964-1965.

IV.— Thi-phẩm dự Giải phải đánh máy sạch-sẽ hoặc viết tay thành 5 bản, chữ thật rõ ràng, dễ đọc, **không được sửa chữa**, thêm bớt, xóa bỏ.

LỄ TẶNG GIẢI-TĐBN

Đánh máy hay chép tay, đều phải dùng giấy khổ 21x27, và viết một mặt.

V.— Tác giả có thể ký tên thật, hoặc bút hiệu. **Mỗi tác-giả chỉ được ký một bút hiệu mà thôi**. Tác giả phải ghi trong thư xin dự kèm với tác phẩm:

Tên họ và địa chỉ thật rõ ràng của tác-giả.

Có thể ghi thêm về nghề nghiệp, nhưng không bắt buộc.

VI.— Các Thi-nhân Việt-nam ở hải-ngoại đều được dự giải.

VII.— Thư và tác phẩm dự giải, xin gửi bảo đảm đến: Ông Nguyễn-Thu-Minh, Thư-ký Thường-Trực Tao-Đàn Bạch-Nga, Tại Tòa-soạn Tạp-chí Phê-Thông, 233 Phạm-ngũ-Lao Saigon.

VIII.— Ngày bắt đầu nhận tác phẩm dự Giải: 1-12-1964. Kỳ hạn cuối cùng là ngày 1-5-1965.

IX.— Kết quả sẽ được công bố trong Tạp-chí Phê-Thông vào ngày 1-11-1965, Kỷ niệm Đệ Thất Chu niên Phê-Thông Tạp-chí.

X.— Nhân viên Tao-Đàn Bạch-Nga không dự giải.

* Giải thưởng

I.— Có ba giải:

một **Giải Nhất**: 10 000 đồng

một **Giải Nhì**: 8.000 đồng

một **Giải Ba**: 6.000 đồng

II.— Tao-Đàn Bạch-Nga sẽ xuất-bản ba thi-phẩm trúng giải in chung thành một tập Thơ: « **Giải Tao-Đàn Bạch-Nga 1965** ». Mỗi tác-giả trúng giải sẽ được tặng riêng 50 quyền đặc-biệt để biếu các bạn hữu.

Sàigòn, ngày 1-11-1964



● Sơ-lược vài nét chính
về Đê-Thám



Đê-Thám hay anh-hùng Yên-Thê, là cái danh lịch-sử đặt cho nhà cách-mạng có công kháng-chiến chống Pháp, ròng-rã hơn 20 năm trời tại rừng sâu Yên-Thê. Còn danh-từ « Hùm xám Yên-Thê » hay « Hùm thiêng Yên-Thê » là tiếng của một số người đặt ra cho uy-danh của Đê-Thám, thêm vang dội trong dân-chúng và cũng đề cho thực-dân Pháp e-dè, kinh-sợ.

những nghi vấn
về cái chết của
vị anh hùng
Yên-Thê

Công-lao kháng Pháp của Hoàng-Hoa-Thám đã được ghi đậm trong sử sách, nhưng về cái chết của Cụ lại có nhiều quan-điểm khác nhau.

Nếu vấn-đề này ra, chúng tôi mong các nhà viết sử xác-định chắc-chắn cái chết của Đê-Thám, hầu tránh được mọi thắc-mắc về sau.

ĐÊ
THÁM

★ Ngô-Thành-Long

ĐÊ-THÁM

Đê-Thám tên thật là Trương Văn-Thám, cha là Trương-văn Vinh, mẹ (không rõ tên), quê quán thuộc thôn Ngọc.Cúc, phủ Yên-Thê, miền Thượng-du tỉnh Bắc-Giang. Ngày và năm sanh của Đê-Thám chưa có sách nào viết rõ, chỉ thấy tài-liệu của Thanh-Vân (1) ghi Đê-Thám sanh năm 1864.

Năm 18 tuổi Đê-Thám lấy vợ và sanh được một người con trai tên là Cả Trọng — một võ-tướng trong hàng-ngũ Đê-Thám, bị tử thương sau nhiều trận đánh Pháp.

Được biết khoảng 1862 — 1863, triều-đình ký hòa-ước nhượng-bộ Pháp, Đê-Thám tỏ ý bất-phục, tình-nguyện vào nghĩa-binh Trần-quang-Loan chống Pháp tại Bắc-Ninh (năm 20 tuổi). Cũng trong năm này, Đê-Thám kết bạn với Lương-Tam-Kỳ. Vì Kỳ lớn tuổi hơn nên Đê-Thám tôn là đàn anh và khi hai người kết bạn, hai người có lấy máu ở hai ngón tay hòa nhau, mỗi người uống một nửa để tỏ tình keo-sơn gắn bó. (1)

Năm 23 tuổi, Đê-Thám sang Tàu, lấy tên là Hoàng-Hoa-

Thám rồi trở về vận-động nghĩa binh giúp Cai Kinh, đầu đảng Đông-Nai ở Lạng-Son. Thấy Thám có tài về chiến-lược và quân-sự, Cai Kinh phong cho Thám chức Đê-Độc, do đó mọi người quen gọi là Đê-Thám.

Tháng 7 năm 1888, Cai Kinh chết, Đê-Thám một mình đứng ra triệu-tập nghĩa-quân về Yên-Thê, lập đồn. Phồn-Xương (Nhã.Nam) trường-kỳ kháng Pháp.

Sau khi lấy Yên-Thê làm căn cứ điếm, Đê-Thám chia quân ra đóng rải-rác khắp vùng Yên-Thê, chiêu mộ thêm nghĩa-quân Cán-vương, liên lạc với Cụ Phan-bội-Châu bàn tính việc thu-dụng nghĩa-quân ở miền Thanh Nghệ, mở thêm đồn, mua thêm vũ-khí, dùng chiến-thuật du-kích đánh Pháp. Chẳng bao lâu Yên-Thê trở thành một địa-điểm trọng-yếu nhất, nguy-hiểm nhất đối với Pháp, khiến chúng hao tổn không biết bao nhiêu quân-lực

(1) Theo tài-liệu của Thanh-Vân, vì tài-liệu quá cũ, chúng tôi không biết được là xuất-bản từ bao giờ. Theo ước-đoán thì có lẽ tài-liệu ấy viết ra sau vài năm từ lúc Đê-Thám chết

suốt 20 năm trời vẫn không chiếm được toàn-diện Yên-Thê. Quả thật Đề-Thẩm là một nhà Cách-Mạng chống Pháp bằng quân-sự lừng-lẫy danh tiếng nhất thời bấy giờ. Bao nhiêu lần quân Pháp tiến vào Yên-Thê đều bị thất-bại nặng-nề. Năm 1894 chánh-phủ Pháp phải viện Đại-tá Grimaud qua đánh dẹp Đề-Thẩm, nhưng trận này hai bên đều thiệt-hại ngang nhau. Sau đó, thầy quân-lực yêu-thê, Đề-Thẩm trá hàng với điều-kiện là người Pháp không được khai-phá vùng Yên-Thê. Trong thời gian trá hàng, Đề-Thẩm ngấm ngấm hoạt-động tu-bổ quân-lực rồi trở lại đánh Pháp.

Biết được âm-mưu cao-sâu của Đề-Thẩm, thực-dân Pháp cử một danh tướng khác là Đại-tá Gallieni sang Việt-Nam mở đại hùng binh đánh vào Yên-Thê. Trận này Đề-Thẩm bị thất-bại nặng, lực lượng suy-yếu, hàng ngũ tan rã, Đề-Thẩm trá hàng lần thứ hai (năm 1901). Đề dự-đỡ Đề-Thẩm lần này quân Pháp cho Cụ làm

chủ ập đồn Phôn-Xương; trái lại Đề-Thẩm, cao kê hơn, giả-vờ làm chợ quân Pháp tin-nhiệm cho để bề hoạt-động nên bề ngoài Đề-Thẩm tỏ vẻ rất trung-thành, nhưng trong thâm tâm vẫn thâm suy tính mọi mưu kế đánh lại quân Pháp.

Thời-gian này Đề-Thẩm hoạt động ráo-riết trong bí mật để thành-lập đảng Nghĩa-Hưng, với tầm hoạt-động thiết thực và nguy-hiêm là phải gây cơ-sở trong hàng ngũ địch, phải cán-bộ len-lỏi vào các đô-thị, các vùng địa-phương, dịch vận lính khò xanh với mỹ-nhân-kê, chờ ngày nội-công ngoại-kích.

Năm 1905 Đề-Thẩm táo-bạo khởi cuộc đánh bật quân Pháp từ trong lòng địch, nhưng bị chúng phản-công mãnh-liệt, hàng ngũ nghĩa-quân lại ly-tán rồi dần dần tan rã. Bấy giờ Đề-Thẩm cùng một số ít nghĩa-quân tạm lánh thân ở Thượng-yên.

Mãi đến năm 1912 không thầy cuộc kháng-cự nào đáng

kê của Đề-Thẩm, quân Pháp tuyên bố chấm dứt cuộc hành-quân đánh Đề-Thẩm.

★

Ngày tàn của Đề-Thẩm và cái chết còn trong nghi-vấn

Về cái chết của Đề-Thẩm, có nhiều quan-điểm khác nhau. Có sách viết:

— Đề-Thẩm bị chặt đầu do quân Pháp mượn Lương-Tam-Kỳ và hai bộ-hạ thi-hành với giá 25.000\$00 (1). Tác-giả cũng có đặt nghi-vấn:

— Đề-Thẩm chết già tại một làng Thổ thuộc vùng Lạng-Sơn (2).

— Pháp thuê Lương-Tam-Kỳ, sai ba thủ-hạ người Tàu xin nhập đảng của Cụ. Lúc đã được Cụ tin dùng, ba tên này thừa lúc Cụ ngủ giết Cụ (3).

— Năm 1913 toàn-quyền Sarraut mua được Lương-Tam-Kỳ. Lương sai ba thủ-hạ thân tín lên Thượng-Yên

tim vào căn cứ của Đề-Thẩm, giả là người của đảng cách-mạng Trung-Hoa, hứa đem giúp vũ-khí cho Thẩm. Đêm 9-2-1913 Thẩm bị ám-sát (4).

— Có ba người Tàu biết nơi trú-ân của Đề-Thẩm và biết rõ Đề-Thẩm là bạn thâm-giao với Lương-Tam-Kỳ và vì lòng tham số bạc 25.000\$ của thực-dân Pháp. Cả ba tìm đèn sào-huyệt của Đề-Thẩm, mạo danh là đồ-đệ của Lương-Tam-Kỳ, được Kỳ sai đèn để giúp đỡ Đề-Thẩm, sau đó thừa cơ chém đầu Đề-Thẩm (5).

(1) Theo quyền Đề-Thẩm của Văn-Quang, nhà Sống-Mới xuất-bản 1957.

(2) Theo Đề-Thẩm, Hùm-Thiêng Yên-Thê của Huyền-Quang, Á-Châu xuất-bản 1950.

(3) Theo quyền IV Lịch-Sử Việt-Nam của Phan-Xuân-Hòa, Trường-Thi xuất-bản 1956.

(4) Theo quyền Việt-Sử đệ Nhất của Tăng-Xuân-An, Tao-Đàn xuất-bản 1960.

(5) Theo tài-liệu của Thanh-Vân, có ghi ở trang đầu.

 **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

 **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Vừa đây chúng tôi được biết một tài-liệu đáng tin và lời thuật lại của ông giáo-sư Sĩ Địa (trên 50 tuổi) cùng tương tự nhau rằng : « Đề-Thám chết vì bệnh lỵ ».

— *Điều thứ nhất* : Theo ông Hoàng-Nam-Hùng (1) việc Đề-Thám bị giết chỉ là một giả-thuyết của thực-dân Pháp dựng nên, vì sau ngày loan tin Đề-Thám chết, có một người đến đồn Pháp nhận là đầu của một người Tàu buôn bán tại Bồ-Hạ. Người này vì giống Đề-Thám nên quân của Lương-Tam-Kỳ giết đi để thay thế, mục-dịch để tạm yên cho Đề-Thám khỏi bị thực-dân Pháp truy-nã. Và theo lời thuật lại của chính ông Hoàng Nam-Hùng, năm 1947, ông có đến nhà vợ hai của Đề-Thám ở làng Trùng được biết chắc chắn Đề-Thám có tròn về đây và sau chết vì bệnh lỵ.

— *Điều thứ hai* : Theo lời ông Đoàn-Phô-Vinh, giáo-sư Sĩ Địa thuật lại thì chính ông được ông Hồ-Phú-Viên, quan Nam-triều thời ấy vô-tư kể lại cho vài người thân như : « Sau tin Đề-Thám chết, ông được phái đi điều-tra, cũng được tin chắc chắn Đề-Thám chết vì bệnh lỵ chứ không

phải chết vì bị chặt đầu ».

Viết bài này mục-dịch chúng tôi đã nói ở đoạn đầu, mong minh xác được cái chết của tiền-nhân đối với lịch-sử.

Và trong khi viết, chúng tôi còn nghe vài học-sinh thuật lại khi học về Đề-Thám, giáo-sư giảng rằng Đề-Thám bị chặt đầu !

Dù trong bài này chúng tôi có dẫn-dụ vài quyển sách viết về Đề-Thám. Tuy không dám quả-quyết rằng sai, song thấy các sách ấy đều nêu lên những giả-thuyết khác nhau và, sỡ dĩ chúng tôi có thể tin được lời ông Hoàng-Nam-Hùng, vì :

1— Xin nhắc lại đoạn trên, năm 1947 chính ông Hoàng-Nam-Hùng có đến nhà vợ hai của Đề-Thám, được biết chắc chắn Đề-Thám chết vì bệnh lỵ.

2— Ông Hoàng-Nam-Hùng có lần được cụ Đề-Kiểu cử đến hội-kiện với Lương-Tam-Kỳ tại vùng Chợ Chu (Thái-Nguyên). Dù rằng Lương-Tam-Kỳ thật-thề trước quân Pháp, nhưng dư tướng Cờ Đen vẫn mong có thời cơ thuận-tiện giúp Việt-Nam đánh

(1) Theo Hồi-ký « 50 năm Cách-Mạng ở Hải-ngoại », xuất-bản 1960.

pháp. Hơn nữa, Lương-Tam-Kỳ trước kia là đồng-chí với Đề-Thám lúc Lương còn trong phân-bộ cách-mạng ở Trung-Hoa.

Giờ đây đã ra hàng Pháp (1890), không phải để làm tay sai cho Pháp; trái lại, để nương thân trong lúc tuổi già (năm ấy Lương hơn 70 tuổi) trong thời - thế bất lợi.

Muôn dự-đổ họ Lương, thực-dân Pháp cho ông hưởng mọi điều sung-sướng, hằng ngày tự-do vào rừng săn bắn, ăn hút, chúng còn cho ông trọn quyền thu thuê khắp vùng Chợ Chu.

Vậy thử hỏi với tuổi hơn 70 của Lương-Tam-Kỳ, song nhờ trên mảnh đất Việt-Nam, đồng-chí của Đề-Thám và đã một thời vang danh như Đề-Thám, chẳng lẽ vì số tiền 25.000\$00 của thực-dân Pháp mà đi ám hại Đề-Thám !

Hãy nghe Lương-Tam-Kỳ nói với Hoàng-Nam-Hùng —

nhờ về thừa lại với cụ Đề-Kiểu : « Cháu về thừa với quan lớn, ở đây tôi vẫn hằng chờ đợi và mong mỗi những công cuộc kháng Pháp của quan lớn đề-xướng lên. Tôi thì hiện nay không có cái thể tự mình mưu-định được đại sự.

Nếu sau này có cơ-hội nào đem đến, tôi xin nguyện theo ý-kiến của quan lớn để cùng chung sức và cõ - gắng cho công cuộc nước Nam. Cháu nhớ nói lại với Cụ, tôi ở đây đêm hay ngày vẫn mong được gần quan lớn, hiếm vì một nỗi ân-hận nhất là tôi chưa làm gì được cả. »

Về quân Pháp, sau khi được bộ-hạ của Lương-Tam-Kỳ đem dâng 3 thủ-cấp và nói với chúng rằng, đó là cái đầu của Đề-Thám, đoạn chỉ 2 cái kia là đầu bộ-hạ của Đề-Thám tên Đề-Huỳnh và Lai-Nhật. Liên sau đó quân Pháp cho phổ-biên tin Đề-Thám đã bị chặt đầu, các tờ báo Pháp ở Việt-Nam như tờ *Avenir du*

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC.

Tonkin và Courrier d'Haiphong đều đăng lên những đầu đề rất lớn về việc Đề-Thám bị chặt đầu, có một người đàn bà Tàu đến đón Nhã-Nam khóc lóc khiêu-nại rằng quân của Lương-Tam-Kỳ đã chặt đầu chồng bà, vì chồng bà có bộ mặt giống hệt Đề-Thám.

Thầy cơ sự đã rối và không muốn khêu lại tin ấy, sợ dân chúng xôn-xao, thực-dân Pháp cho điều-tra lấy-lệ rồi dìm luôn tin đó.

Như vậy, ta nên tin Đề-Thám chết vì bệnh lỵ hay chết vì bị chặt đầu.

Ngày và năm chết của Đề-Thám chưa thấy sách nào viết rõ; chỉ thấy vài quyển ghi năm 1913. Duy có tài-liệu của Thanh-Vân viết rõ Đề-Thám chết lúc 4 giờ ngày 10-2-1913.

Đề kết-luận, chúng tôi dám mong những nhà viết-sử, những người thiết-tha đến tiền đồ tổ-quốc và dân tộc, hãy ra công làm minh-bạch sử sách đồng thời, hàng năm tưởng-niệm cái chết của tiền-nhân.



★ KHI NỮ TÀI TỬ PHÁT NGÔN

Trong một bể bơi tại Hollywood, hai nữ tài tử sau một lúc ngập lặn trong nước. Một cô bảo :

— Quái lạ, mỗi lần tao bơi thì nó cứ chìm mà mỗi khi tao lặn thì nó cứ nổi lên là thế nào ?

Cô kia ra vẻ thông thạo bảo :

— Có vậy mà cũng hỏi, thì tại mày phổi bị chít còn gì nữa.

Dùng midol

1360/BY.T/ĐPDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

tháng này còn
mưa không em



Tháng này còn mưa không em

Ở đây khuya vẫn đỏ đèn chày trông

Hai người như hai con sông

Ngã, mây xóa túc ng ẹn dòng nước trôi

Ôi phương trời ngóng phương trời

Ôi người đi về một người hoài mong

Sáng nay nhìn cánh chim lồng

Nhớ xưa màu áo em hồng sang tôi

Mùa xuân ngậm nửa môi cười

Tôi đem bán cả cuộc đời cho em.

Năm năm mưa bay qua thềm

Năm năm chuyện cũ thêm mềm lòng nhau.

★ LÂM-VỊ-THÙY

(Trong Tao Đàn Bạch Nga)

**PHẢI CHĂNG ĐÂY
LÀ DẤU TÍCH NGƯỜI
TIỀN-SỬ!**

**sự thật về
những**

**NGƯỜI
TUYẾT**

★ *Mai-hương-Vân*

Sự hiện diện của giống « Người Tuyết đáng sợ » đến hôm nay vẫn còn là vấn đề nan giải, nhưng sống động trong ngành khoa-học khảo-cứu.

Người ta chụp hình các vết tích tại địa-phương xuất hiện Người Tuyết và tin rằng sẽ « chụp » được hẳn. Nhưng, những cố gắng theo dấu tung tích « con người bí mật » ấy hầu như công dã tràng, thì vài bí mật tiết lộ rằng đó là một sinh vật sống lẫn lút trong các vùng hiểm trở chưa có chân người đặt tới trên hành lang dãy Hy-Mã-Lạp-Sơn.

Vậy hẳn là ai? Có liên can gì đến gốc tích loài người chúng ta không?

NĂM 1887, một trưởng đoàn y-tế thuộc quân đội hoàng gia Anh ở Ấn-Độ là ông Lawrence Austin Waddel có nhiệm vụ đi sâu vào trong nội địa vùng Hy-mã Lạp-Sơn, thuộc vương quốc Sikkim để chữa trị cho những sắc dân thiểu số chưa hề làm quen với ánh sáng Văn-minh.

Vào một ngày, trên đường đi chuyên, ông chợt chú ý tới hàng loạt những dấu chân kỳ lạ, những dấu chân ấy song song nhau, chứng tỏ thuộc sinh vật hai chân, và đặc biệt là đi chân trần nghĩa là không mang giày hay bất kỳ vật gì khác.

Những dấu chân ấy tiếp nhau liên tục và chứng tỏ đã ghi dấu rất lâu trên mặt tuyết đông lạnh buốt, vì ông nhận thấy rằng những dấu đó để lại những lỗ trũng nông trên mặt tuyết và có những đường viền chỉ rõ loài sinh vật này di động tới lui dễ dàng.

Ngay khi trông thấy những dấu chân này đám dân thiểu số mang vắc đồ đặc, dụng cụ thuốc men đã nhìn nhau lăm lét, mặt mày



Dỉnh núi Hy-mã-lạp-Sơn, nơi còn nhiều bí ẩn của người tuyết

họ tái đi và kêu lên những tiếng sợ hãi. Để trấn an đám phu này, ông phải gom họ lại, chỉ cho họ quan sát và giải thích như không hề đề tâm đến; nhưng thật ra ông Lawrence Waddel không ngớt tự đặt câu hỏi để cuối cùng quả quyết rằng đây không phải là dấu chân người, mà của loài vật cũng gần giống loài người.

Sau đó viên trưởng-đoàn ghi nhận lại các sự kiện và dấu vết mà ông nhận thấy trong quyển nhật ký. Các tài liệu đó được

coi như một trong những điều đầu tiên được biết về một con người bí mật mệnh danh là « Người Tuyết Đáng Sợ ».

Tuy nhiên, vào thời kỳ đó, người ta không mấy quan tâm tới các điều ghi nhận của ông Lawrence Waddel. Người ta kết luận rằng có lẽ: một người ăn tu nào đó chẳng chú không tin vào các nhận xét giá trị của ông Waddel, và họ cho rằng làm gì có nỗi một con người dị kỳ như vậy — thử hỏi làm sao sống nổi với sự lạnh lẽo và đói khát.

Nhưng đến năm 1902 một đoàn công chức Anh từng sự tại Ấn-Độ đi làm con đường giây điện thoại đầu tiên nối liền Lhasa thủ đô xứ Tây-Tạng và Kalimpong thuộc địa phận Darjeeling tỉnh Bengale.

Công tác đó phải liên lạc vào tận Tây-Tạng để kéo giây cáp đi lần lần tới nơi qui định, khi đoàn người thiểu số tiến tới Chumbithang, một vụ lộn xộn xảy ra mà người ta rất cần thiết gửi một báo cáo hệ-trọng về trung ương Bru-Cục:

Một buổi chiều, hơn mười hai người thợ không trở về trại tạm trú. Sáng hôm sau, viên chỉ huy liền phái một toán lính đi lùng kiếm đám thợ này. Người ta thất vọng vì không tìm ra một vết tích nào về đám thợ mất tích

kỳ bí này. Tuy nhiên để phòng bị đám lính và thợ bắt đầu bao trùm quanh trại, những ánh lửa chớp chớp dưới các thớt đá to lớn nhô lên tạo thành mái nhà thiên nhiên.

Đám lính này phần đông là Ấn-Độ, hoặc dân Hồi, tuyết nhiên không hề có người Ghurkas hay Thiều-số. Những người Ấn-độ này, không hề để phòng hoặc lo ngại khi màn đêm bao trùm vạn vật, vì họ sẵn sàng chiến đấu nếu quái vật xuất hiện bất ngờ.

Bỗng nhiên, mọi người thức giấc, khi nghe có tiếng cây lá xào xạc, rồi một người không giống hẳn mà thú không ra thú xuất hiện trong khi đó thoát trông nó mang một lớp lông rất dày.

● **Cao 3 thước và có những răng nanh dài vàng khè**

Khi đám lính nổ súng thì bóng người thú ấy hét lên inh ỏi rồi chạy vào rừng mất dạng, chỉ có thể rồi tuyết nhiên không có gì khác.

Trong cuốn sách đặc biệt của viên khảo cổ về động vật học mệnh danh Jadoo, tác giả John Keel viết rằng ông đã gặp một giống vật như thế vào năm 1957.

tại Darjee ling nghĩa là khoảng thời gian cách nhau những 55 năm. Ông xác nhận rằng ông gặp gỡ một người lính Ấn-Độ tên anh ta là Bombahadur Chetri, ngay khi hai người vừa thoát gặp, người lính Ấn-Độ vì quá sợ nên anh ta vội giết liền con quái vật; và sau đó anh lính Ấn-Độ đo thấy quái vật cao độ 3m mình mẩy đầy những lông lá dày, dài khoảng 5 cm, ngoại trừ gương mặt, và miệng có những răng nanh nhọn lều, vàng khè trông thật sợ hãi.

Tác giả John-Keel nói rằng Bombahadur Chetri tiết lộ con quái vật rất dềnh dàng, bộ xương của nó có thể nặng tới mấy chục ký. Tài liệu ấy đã khiến hàng trăm nhà vạn-vật-học coi như rất quý giá, và đã giúp cho họ nãy ra ý tưởng về nguồn gốc, của loài người thời tiền sử, và nhân chủng của thời đại chúng ta. Thiên tài liệu này tuy chưa đủ yếu tố để các nhà khảo cổ nghiên cứu, sau đó người ta lại thấy thêm một tài liệu đăng trong một tạp chí khoa học của hội: Nghiên cứu khoa học xã hội động vật Luân Đôn. Tài liệu này đăng vào năm 1915, tiếc rằng tài liệu quá ngắn do Henry J. Elwes viết, một nhà sưu khảo động vật và thực-

vật khá nổi tiếng thời ấy.

Trong tập tài liệu ấy, Elwes viết :

● Tôi gặp một kỹ sư Thủy Lâm có nhiệm vụ khai hoang tại Darjeeling, ông ta kể cho tôi biết rằng: « Hôm ấy tôi gặp một con quái vật, giống như một con khỉ to lớn mà tôi thường được nghe kêu là King-kong, có lẽ như thế, về sau tôi nghe người địa phương gọi là : Hâu nhân Ấn-Độ. Con vật này sống trên cao độ tột cùng (lạnh có khi tới 200°) Nó chỉ xuống vùng cao nguyên Phalut khi trời quá lạnh đến hơn 200°, vì nhờ ở thân thể và mặt nó đầy những lông dày, có khi dài gần tám phân, màu lông vàng cam, giống như lông loài khỉ trong vùng Bengela. Nó chỉ cao độ 1m20, đi một cách vững chắc trên mặt đất, tôi tin rằng nó cũng có thể trèo dễ dàng vì dưới hai chân và 2 tay có các móng dài nhọn như móc sắt.

Dấu vết mà quái vật lưu lại như sau : những dấu chân để lại trên mặt đất dài độ 45 đến 60 phân, hững sâu khoảng 5 phân, và hai đầu chân dàu vào nhau

chứng tỏ đó là của loài thú vật, bề ngang dấu chân độ 15 hay 20 phân. Loài này được người địa phương gọi là Jungli Admi hay Sogpa. (Một loại khỉ gốc ở vùng thung lũng tận trên đỉnh Hy-mã Lạp-Son) có nghĩa : Hâu-nhân.

Một người Choukidon thuộc vùng cao nguyên Phalut nói với tôi rằng ông ta thường bắt gặp những dấu chân ấy in trên tuyết, và xác nhận đúng là những dấu chân mà tôi ghi lại trong ảnh.

Thật là một chuyện khó tin, nhưng khó thật đối với người Anh thoát nghe như vậy, nhưng tất cả dân địa phương ở trong các làng trên vùng cao độ Hy-mã Lạp-Son đều công nhận và rập khuôn xác nhận là có thấy các dấu vết ghi lại.

Đến năm 1920, quần chúng thuộc-địa Liên-hiệp hoàng-gia Anh đã bắt đầu chú ý các tài liệu đặc biệt về loại hâu nhân, do đó người ta bắt đầu đi viếng các vùng phía Đông Á-Châu, ngay cả các đoàn thám hiểm ngày càng đông hơn, dù lắm sự nguy hiểm xảy ra vì thiếu phương tiện.

Và người ta được thấy một

Dùng **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1300/BY.T/DPDC.

tập tài liệu mới viết về Hầu-nhân dưới một cái tên mới « NTĐS » do Trung Tá Howard Bury trưởng đoàn leo núi chinh phục đỉnh Everest thuật lại.

● Hầu nhân hay « NTĐS » phát sinh từ đâu và như thế nào ?

Cuộc thám hiểm về mạn cực bắc ngọn Everest xuyên qua Tây Tạng, và trên một cao độ 5100 thước trong núi Lhapka-La, người ta quan sát và nhận ra trong kính viễn-vọng một số sinh vật hình thù giống người di động trên những địa điểm khá cao. Sau khi cố gắng leo lên được tới nơi, thì đoàn đi nhân biến mất chỉ lưu lại những dấu chân hoàn toàn giống người, chỉ khác là lớn hơn và đặc biệt chỉ có 4 ngón mà lần này ghi lại rõ ràng từng ngón một, có lẽ vì mới xảy ra. Trong lúc đó đám phu khuân vác dụng cụ có vẻ lo sợ, gọi tên các dấu chân đó là của sắc dân Metoh-Kangmi một sắc dân còn lạc hậu sống lâu năm tại đó. Họ chưa hề biết tới người khác giống và rất đáng sợ. Chỉ ăn thịt sống.

Vì thế người Anh vội đặt ngay cho đám người bí mật đó là : « Người Tuyết Đáng Sợ ».

Chính bằng vào các dấu vết vi chứng và những tài liệu, nhà khảo cổ học Henry Newman người Mỹ, đã quả quyết Người Tuyết đáng sợ xuất phát từ năm 1920 là những tàn tích cuối cùng của nhân sinh trên quả địa cầu.

Ông công bố, các tài liệu sưu khảo lên báo với đề tài « Người Tuyết đáng sợ » có phải là di tích của tổ tiên loài người còn lưu lại trong thế kỷ 20 này chăng ? Vụ này được hội các nhà khoa học nhân chủng bàn cãi sôi nổi, các chi tiết được đem ra mổ xẻ, cũng như khảo sát nhưng vẫn không gặt hái kết quả mong muốn.

Đến năm 1939, thêm một nhà khảo cổ nhân chủng là Ronald Kaulback cho công bố thêm gần như bổ túc tài liệu về N.T.Đ.S nhưng vì trận thế chiến nên không ai lưu tâm tới.

Không chán nản, mặc cho thế giới lao vào các cuộc chém giết, một đoàn các nhà nhân chủng học, động vật học do Eris Shipton

hướng dẫn lại thám hiểm Everest, quyết theo dấu hầu nhân hay N.T.Đ.S. cũng thế. Sau đó người ta được đọc trên tờ Illustrated London News đăng một loạt tài liệu phóng sự rất đứng đắn về dấu vết Hầu-nhân hay Người tuyết, có điều các chi tiết cũng rất mơ hồ qua vài hình ảnh còn lại coi như đã quá cũ.

Mãi tới năm 1954 lại thấy tờ Daly Mail đăng thêm tài liệu về Người tuyết mà lần này họ gọi tên là Yéti nhưng thay vì ở Hi-mã Lạp-Sơn thì Người tuyết lại ở vùng núi Bắc Hoa-kỳ trong dãy Rocheuse.

Tới năm 1957, Tom Shiek và A.C. Johnson làm một cuộc thám hiểm khác trong dãy Hy-mã-Lạp-sơn với nhiệm vụ duy nhất tìm ra tung tích « N.T.Đ.S. », lần đầu tiên trong lịch sử khảo cứu động vật và nhân chủng mới có hai người trực tiếp đi tìm « mục tiêu » và săn Người tuyết. Nhưng kết quả chẳng được gì. Cũng trong năm ấy, viện hàn lâm khoa học Xô-Việt triệu tập khóa họp bất thường đưa đề nghị tìm Người Tuyết. Cam đầu phái đoàn là ông hàn Khakhlov. Sau đó các

báo cáo của ông này gửi về được Viện hàn lâm cử ủy ban động vật-học hợp tác với đại-học Lénin-grad. Nghiên cứu tỉ mỉ, gồm hơn 1000 tài liệu cộng với tập báo cáo của Khakhlov thế mà vẫn vô ích, hoài công. Người ta chỉ mới thấy rằng Người tuyết có nguồn gốc phát xuất từ giống dân du mục Mông Cổ gốc Tàu.

Năm 1958, tại vùng núi Caucas, một bác nông phu tình cờ thấy xuất hiện một sinh vật đặc biệt, đi mau như gió, thân hình lông lá phủ kín, rất cao lớn, có dấu chân nhỏ chứ không to — nên được gọi là « người gió ». Một



Dấu chân Người Tuyết

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPDC.

đoàn chuyên viên khảo cổ tới nơi chụp hình, phân tích các dấu chân đó rồi đem so sánh với dấu chân đã có của NTĐS. hoặc Yéti thì khác nhau xa, mà loại dấu chân sau chỉ là của loài dười ươi thôi.

● **Những sự thật về người Tuyết đáng sợ**

Mãi tới nay, sau bao nhiêu năm bỏ công nghiên cứu và khảo tìm nguồn gốc loài người thời tiền sử phát xuất từ giống nào, những nhà khoa học lại tìm ra một sự thật mới toanh nữa về « Người Tuyết đáng sợ ».

Thì người ta ngỡ bở ra mà buồn cười vì thật ra không hề có NTĐS; chỉ có một sắc dân thiểu số — một sắc dân còn quá đông — hiện còn sống sót trong các vùng hiểm trở trên hành lang dãy Hy-mã-lạp-sơn, họ sống lẫn lút với nhau và chưa hề tiếp nhận ánh sáng văn-minh.

Theo lời nhà khảo sát nhân chủng là Bernard Heuvelmans thì năm 1959, trong chuyến đi viếng Hy - mã - lạp - sơn bằng chương trình khảo cứu của viện

dại học Californie, ông đã thu lượm rất nhiều tài liệu quý giá mà ông dự định viết lại thành tập tiểu luận cho luận án thạc sĩ nhân chủng học của ông.

Khi ông tới vùng cao-nguyên Mulgà, ông tình cờ lạc vào bộ lạc của sắc dân Meh-teh, tại đây ông đã khám phá ra Người Tuyết đáng sợ chỉ là một giống người còn sót lại từ thời tiền sử bằng cứ là ông thấy dân Meh-teh có những miếng da đầu kỳ lạ. Phía trên nhọn lều và phía dưới tròn to đường kính vào quãng 2 tấc. Có những chùm lông màu vàng cam, mỗi sợi rất cứng, dài độ 7 phân.

Ông hỏi một người địa phương họ bảo trong lúc đi săn, đã gặp loài sinh vật bí mật này nằm chết. Nên cắt mảnh da đầu về móc thịt ra làm mũ để đội.

Tò mò ông nhờ người ấy đưa tới nơi tìm thấy sinh vật, quả nhiên vì trời lạnh băng giá, con vật vẫn còn nguyên chưa rữa thối.

Ông chụp hình cũng như đo dấu bàn chân thì nó dài độ hơn ba mươi phân, chiều ngang độ một tấc rưỡi, còn cổ người cõ

không hơn hai thước. Trong người khi thử mồ một miếng da thì da quá dày, dao thường không làm sao đâm thủng mà đạn súng săn bắn cũng trượt đi.

Cổ dựng đứng quái vật dậy, ông nhận ra một con người hơn là thú vật nhưng đôi mắt lồm sấu vào, miệng có những răng sâu nhọn, tay chân đều có móng nhọn rất nhỏ mà dài, bề một chiếc răng mang về cân nặng độ hơn tám gram. Và lông dài hơn tám tấc nằm sắp lớp lên nhau, chính vì lẽ đó mà đạn và dao bị trượt. Nhưng chưa rõ vì sao quái vật chết.

Như thế là những bí mật về N.T.Đ.S. hay loài hầu nhân mà người ta — những nhà khảo cổ về nhân chủng, những khoa học gia đã khổ công tìm tòi đã ra ánh sáng.

Theo tài liệu công bố thì có ít nhất cũng còn sót lại trong

vùng hiểm trở Hy-mã Lạp-Sơn hơn năm trăm Người tuyết thời tiền sử này. Và Người-tuyết chỉ là sinh vật kỳ bí di tích của loài người có lẽ vì thời gian làm xóa nhòa khối óc vốn thông minh của con người nên họ chỉ sống lẫn lút trong vùng núi có cao độ không khí mà không hề tìm ra được vùng bình nguyên nơi mà ngày nay con người đang tranh đua giết hại nhau bằng các loại vũ khí nguyên tử hiểm nghèo.

Có điều các nhà khảo cổ tự hỏi :

— Loài sinh vật này sống sót như vậy nhờ một áp lực sinh lý nào, tại sao họ vẫn tồn tại ?

Điều ấy chỉ có chính các sinh vật người tuyết đáng sợ là đủ thẩm quyền trả lời, nhưng chỉ có một người duy nhất tìm thấy thì người đó lại chết rồi... thật hoài công.



★ **KHÉO TAY**

Quan Tòa : Sao bị can giết người và giết bằng cách nào ?

Bị can : Bẩm ba tòa, tôi không có khi giới ạ !

Quan Tòa : Thế bị can giết bằng vũ khí nào ?

Bị can : Dạ tôi chỉ cần khéo tay bóp cò hấn ạ !

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC.



★ Nguyễn-văn-Côn
(Paris)

● người Pháp và Kiều bào trước nạn bão lụt miền Trung

Bạn thân mến,

Thôi hôm nay tạm gác tất cả một bên! Tạm quên người xung quanh và quên mình để khóc hơn bảy nghìn đồng bào thiệt mạng, để chia đau khổ với bao nhiêu đồng bào miền Trung sau cơn bão ngày 11 tháng 11 vừa qua.

Tin hãi-hùng, đau đớn ấy đã làm cho toàn thể đồng bào ở Paris ngơ ngẩn, ngẩn ngơ.

Gặp ai tôi cũng thấy nét mặt buồn thảm, và lời than van lương tựa giống nhau: «Sao đồng bào mình khổ thế nhỉ? Đang tai họa chiến tranh, nay lại gặp sức hủy-hoại của bão tố!»

Tụ năm, tụ bảy, hay đôi khi một mình ngồi trước chén cà-phê nguội, mình thấy lòng mình se lại.

Miền Trung-Việt! Ôi! người dân hiền lành của thôn quê, đã mấy nghìn năm chịu khổ cực trên miếng đất của ông cha, cày bừa sinh sống, chịu đau khổ do quan lại tham nhũng, do sức mù quáng của vũ trụ gây nên, nhưng không bao giờ than van, hờn giận.

Trong hai mươi năm khói lửa, nhà cửa vườn ruộng bị phá hại, gia đình bị ly-tán, đau ốm không ai cứu-chữa, đối

BỨC THƯ PARIS

rét không ai nghĩ tới!

➤ Sức gió, sức nước ùng ùng kéo đến và chỉ chốc lát là nhà cửa tiêu tan, đám người bị lôi cuốn!

Sự nghĩ đến cảnh thảm thương ấy, và đọc các báo, nghe các đài vô tuyến, tôi cảm thấy sức bé nhỏ của con người trước Tạo vật, và sự cần thiết của mối đồng tâm, đồng lực giữa người dân Việt.

Được tin ấy, kiều bào ở Paris đã quên tất cả ý-kiến chính trị, và chỉ còn một khối dân Việt. Chưa bao giờ tôi thấy sự hiệp-hòa như thế. Liên đó đã có các cuộc tổ chức để giúp đỡ đồng-bào miền Trung bị nạn.

Các nhóm Việt-Pháp đã kêu gọi lòng từ thiện của Việt Kiều và người ngoại quốc, nhóm nghệ sĩ có cô Phùng-Há, cô Cẩm Hương, anh Trần-văn-Khê tổ chức buổi Dạ Hội.

Hội Hồng Thập Tự Quốc-tế, Hội Hồng Thập Tự Pháp, Hội Pháp-Á Ái Hữu, Hội Công-giáo Cứu-tế đã mở cuộc lạc quyên.

Đại-Tướng De Gaulle đã gửi của riêng 5 triệu quan về chánh phủ Việt-Nam.

Ngân phiếu, thuốc men, quần áo đã gửi đến các tổ-chức nói trên.

Trước tai nạn của đồng-bào Miền Trung, một mối tương thân, tương trợ đã gây nên giữa người mình và người Pháp. Tôi không hiểu ở các kinh-đô Âu-phương khác như Luân-đôn, Lămã, sự lạc quyên ra thế nào, nhưng ở Paris, ngoài các giới kiều-bào ra, người Pháp như thấy động tâm, và gần gũi với người mình trong những giờ này. Sự thân-thiện như càng thêm nổi bật.

Tôi đi bước trên đường Saint Michel Tôi cảm thấy những bộ-hành xung quanh tôi, những nam nữ sinh-viên tay xách cặp, bước đi vội vàng, đầu họ da trắng, đen, hay vàng, không còn khác biệt nhau về chủng-tộc nữa, một khi mà bao nhiêu người đã giúp đỡ đồng bào mình và tỏ lòng thương xót.

Trước cửa một vài tiệm ăn Việt-Nam hay tiệm chạp-phô đã có giấy quảng-cáo Dạ-hội ngày thứ ba 24 Novembre tại Mutualité với các nghệ-sĩ nói trên để



1360/BY.T/DPDC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

lấy tiền giúp đồng-bào Miền Trung.

Đại-hội này đã thu được kết quả mỹ-mãn. Kiều bào đã đến dự rất đông, nhứt là anh em sinh-viên và thợ thuyền.

Họ đã trích trong quỹ eo-hẹp một nghìn quan cũ để lấy giấy vào cửa, còn bỏ vài trăm quan vào hộp lạc quyền.

Tôi tự nói : « Ước gì, như những ngày này, chỉ có một nước Việt-nam, một dân-tộc Việt-nam, đồng tâm hiệp lực trước vận mạng của Tờ-quốc ! »

Qua các quán bán báo Anh, Mỹ, Pháp những « titres » lớn tướng : « Chiến tranh ở Việt-nam sẽ đi đến chỗ điều-đinh hay sẽ lan rộng ? »

Tôi tự nghĩ : Hòa-bình hay Chiến tranh ! Nhưng có ai nghĩ đến nỗi thống-khổ không bờ bến của người dân đen nước Việt hay chẳng ? Có ai nghĩ đến hàng trăm nghìn dân Miền Trung đang nổi trôi, không nhà, không cửa chẳng ?

Tôi bước vào một hiệu sách Việt-Nam. Thấy ngồn-ngang những sách Việt-ngữ bên nhà

gửi qua, tôi cảm thấy một sự rời - rạt, sự phiêu-lưu của tâm hồn nước Việt trước những tai nạn chiến tranh và phong vũ.

Đâu là sự thật trong lúc này nhỉ ? Cầm bút lúc này có hợp thời không nhỉ ? Hay ta sẽ tự đọc lại hai câu thơ của Alfred de Musset :

« Người ta không viết được gì trên cát

Khi mà giống tổ lướt tràn qua ».

(L'homme n'écrit rien sen le sable A l'heure où passe l'aquilon).

Tôi đang nghĩ vơ vẩn thì chợt qua mặt tôi, hai thiếu-nữ Việt-Nam bước lên thềm vào lớp sinh ngữ ở Sorbonne. Tại một quán cà-phê một sinh viên Việt-Nam đang bàn cãi một bài toán với ba người bạn Pháp. Và tôi lại sực nhớ ngày thứ bảy 22 Novembre vừa qua, Hội Phụ Nữ Việt Nam ở Pháp đã ra mắt công chúng tại « Nhà Quốc-Tế » (Maison International) tại số 93 đường Saint Michel.

Tôi vội đuổi mỗi buồn vẫn

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC.

vương. Tôi tự nói : « Dầu có ai bắt buộc, xui biều dân tộc mình chém giết lẫn nhau, thì cũng không có sức lực gì giết hết được toàn thể dân mình ! Dân mình còn, Tờ-quốc mình còn ! Tương lai của xứ sở nằm trong tay đám hậu-lai. Họ sẽ hòa thuận và xây dựng lại một nước Việt-Nam thống nhứt ! Và hai

thiếu-nữ nói trên, cậu sinh-viên toán học, đám thanh niên, và các chị em Hội Phụ nữ lúc ấy sẽ trở về quê hương, vì tôi tin chắc họ không quên rằng họ yên học tại Paris, thì anh em, bà con của họ ở quốc-nội đang chiến đấu cho cuộc Hòa-Bình ! Ai cũng mong như thế !



★ MỘT LỜI PHÊ BÌNH

Một hôm thi sĩ Rabindranath Tagore được mời dự tiệc. Trong tiệc, một vị tiểu vương muốn khoe tài làm thơ của mình nên vội viết ra giấy và trao cho Tagore hỏi :

— Thi sĩ thấy lời thơ của ta thế nào ?

Tagore trả lời không nghĩ ngợi sau khi đọc bài thơ :

— Trên cõi đời có ba loại nghệ sĩ : loại tập tành làm nghệ sĩ. Loại nghệ sĩ tồi, và loại nghệ sĩ chân chính. Ngài thuộc vào loại thứ hai ạ, tôi xin có lời mừng ngài.

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.T/DPDC

Calvit B12 TRỊ : CƠ THỂ SUY YẾU GÂY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN
PHONG PHU



NGƯỜI CHIẾN QUỐC

TÂY MÔN BÁO

* Thiệu-Sơn

Khi Nhạc-Dương cử binh đi đánh nước Trung-sơn thì Tây môn-Báo được đi tiên-phong. Khi ban sư hồi trào, Nhạc-Dương được công đầu thì Tây môn. Báo cũng được tuyên-dương công trạng.

Nhưng Nhạc-Dương được phong ấp rồi mất luôn binh quyền như đã nói ở bài trước. Còn Tây môn Báo vẫn được Ngụy Hầu sai ra trấn thủ ở Nghiệp-Thành.

Tới Nghiệp-thành thấy làng xóm tiêu điều, nhân dân thưa thớt, Tây-môn-Báo bèn đòi mấy ông phụ-lão tới hỏi về tình-cảnh địa-phương thì được mấy ông trả lời như sau :

— Ở xứ chúng tôi bấy lâu nay khổ về thần Hà-Bá năm nào cũng cưới vợ. Sông Thanh-Chương phát - nguyên từ núi Chương lãnh, nước chảy về phía đông ngang qua Nghiệp-Thành. Ở dưới sông có một vị thần thường muốn con gái tốt, cho nên thường năm phải nạp một người con gái, thì mưa hòa, gió thuận, năm ấy được phong-năm. Bằng không thần giận nổi trận ba đào làm nhà trôi, người chết, hư-hại mùa màng, dân-tình dở khổ.

Tây-môn-Báo hỏi :

— Sự đó ai bày đầu ?

Phụ-lão nói :

— Vì các bà bóng trong ấp

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

này bày chuyện, nói sợ thủy-hoạn nên ai cũng phải theo. Thương năm hào, lý, ty, lại, tính chung với các bà bóng, lấy tiền thuế dân hơn 300 trăm vạn, dùng 30 vạn làm sở-phí cưới vợ cho Hà-Bá, còn dư bao nhiêu thì chia với nhau.

— Tây-môn-Báo hỏi :

— Sở tiền đề cho chúng nó chia tay, dân không có một lời hỏi lại sao ?

— Phụ-lão thưa :

— Chúng nó tính tiền công-dụng, công phí. Các bà bóng thì chủ việc cầu-khẩn. Hào, lý, ty, lại, thì có công thu góp tiền bạc và tổ chức cuộc lễ. Dân-chúng khổ sở cách mấy cũng rần chịu. Có điều khổ hơn hết là đương tiết mùa xuân trong khi nhân-dân lo canh tác thì bà bóng lại đi khắp mỗi nhà hỏi thăm nhà nào có con gái thì nói rằng : « Cô này làm vợ thần Hà - Bá được. Nhưng nếu không bằng lòng thì phải đem tiền mua chuộc mới khỏi. » Nhà nào có tiền phải đem ra thế mạng cho con. Nhà nào

nghèo quá, chạy tiền không ra thì phải đành gả nỏ cho Hà Bá. Các bà bóng làm một trai cung ở bên sông, giương, chiếu, mùng, mền trần thiết đầy đủ. Người con gái được tắm rửa sạch sẽ thay đồ mới, ở trai-cung đợi bói định ngày tốt, lấy lau kết làm thuyền, khiến cô dâu lên ngồi rồi thả giữa giòng sông trôi chừng vài mươi thước thì chìm. Có nhà đã khổ nhiều về những chuyện như thế và muốn tránh những phiền phí trở lại mỗi năm nên đã đem con gái đi ở xứ xa. Vì vậy mà trong thành có nhiều nhà bỏ trống.


Tây môn Báo lại hỏi :

— Ở trong Ấp đã khi nào bị nước trôi nhà cửa hay không ?

Phụ-lão đáp :

— Bờn ấp đất cao, nước sông ít khi trào tới, gập năm trời đại hạn thì cây lúa bị khô cháy mà thôi. Và lại con gái mỗi năm đều nạp đủ như thường lệ, nên thần Hà-Bá chưa bao giờ xúc-nộ ».

Tây-môn-Báo nói :



trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BY.T/DPDC.

— Nếu quả thần Hà-Bá có linh, thì lúc rước dâu ta cũng muốn qua đưa đê cùng dân cúng Thần cho phải lễ.

Quả nhiên tới kỳ, phụ-lão bầm lại, Tây-môn-Báo liền chỉnh bị y quan đi tới mé sông, quan-viên trong ấp gồm có Ty, lại, hào, lý đều đã tề tựu đông đủ để tiếp rước. Máy ông lão dẫn một bà bóng già tới, ngó bộ hiêu-hiêu tự đắc lắm. Tây-môn-Báo ngoảnh mặt lại thấy là một người gái già, còn mấy đứa đệ-tử gái, số hơn hai mươi người, áo-khăn rực rỡ, mỗi người đều cầm khăn, lược và lò đốt hương đi theo hầu.

Tây-môn-Báo nói :
« Tôi nghiệp cho bà già lụm cùm, đã có công khó nhọc, thôi phiền bà kêu vợ thần Hà-Bá tới đây cho tôi xem. » Bà bóng già nhìn mấy cô đệ-tử khiến kêu người con gái tới. Tây-môn-Báo xem thấy người con gái ấy mặc áo mới, đi giày trắng, nhan sắc cũng đáng bực trung, ông liền nói với bà bóng và ba ông lão rằng : « Hà-Bá là một vị thần

cao sang, phải có con gái sắc đẹp tuyệt-trần mới xứng đôi, vừa lứa. Cô con gái này chưa được lịch-sự, phiền bà vì tôi xuống sông nói với thần Hà-Bá rằng :

« Tôi nói người con gái này chưa được đẹp nên tìm người khác, chờ tới ngày sau sẽ đem xuống cho. » Nói rồi ông bèn khiến hai ba người biện-lại bồng bà già liệng xuống sông. Tả, hữu đều sợ thất-sắc.

Tây môn Báo đứng nghiêm chỉnh chờ một hồi lâu rồi nói: Bà già kia đã có tuổi biện-bác không lạnh, đi xuống dưới sông tình hình ra thế nào, từ đó tới giờ đã lâu mà chưa thấy trở lại, thôi mấy cô đệ tử vì tôi xuống đò bà lên mau mau. » Lại khiến biện lại ôm một cô đệ tử liệng xuống giữa sông. Đợi mấy phút đồng hồ, Tây môn Báo lại nói : « Sao mà cô đệ tử làm gì ở dưới ấy lâu thế ? »

Rồi ông lại sai liệng một cô nữa, rồi lần hồi liệng hết bảy đệ-tử xuống sông biệt tích. Sau đó Tây môn Báo lại nói : « Vì mấy người con gái thừa chuyện

không rành tôi phiền ba ông già đi xuống sông nói cho mình bạch. Ba ông lão ý muốn thối thác thì Tây môn Báo nạt, khiến phải đi gấp. Biện lại tới lời ba ông già đi và xô các ông xuống nước. Những người đứng coi hai bên ai nấy đều nói : Đáng kiếp !

Tây môn Báo tu chỉnh y quan, tới sông van vái, chờ nửa giờ lại nói rằng : « Ba ông già tuổi tác đã cao, lại nói không xong việc thôi phải cậy mấy chú Hào, lý, ty, lại đi nói mới xong cho. » Mấy chú ấy nghe nói đều sợ thất kinh, sắc mặt vàng như đất mồ hôi chảy ướt lưng, quì xuống lạy vập đầu, máu chảy đầy trán năm dài không chịu dậy. Tây môn Báo nói : « Chờ đây hồi lâu rồi tính. » Các người này lo lắm. Một giờ trôi qua, Tây môn Báo buột miệng than rằng : « Ôi thôi rồi, xuôi theo ngọn nước thủy triều, xuống người nào thì biệt người nấy, có thần Hà-Bá nào đâu mà chúng bay dám sát hại con gái người ta không biết bao nhiêu, tội chúng bay cũng đáng chết mà thương mạng. »

Bọn này van lạy xin tha. Họ nói :

« Từ xưa đến nay làm ra cơ

sự ấy, cũng tại mưu bà bóng, chúng tôi không có tội gì. »

Tây-môn-Báo nói :

« Từ nay về sau, bà bóng đã chết rồi, người nào còn nói tới việc thần Hà-Bá cưới vợ, tức là người ấy làm mai và sẽ bắt phải qua báo trước với thần Hà Bá. » Liền truyền cho các ông Ty, lại, hào, lý trước đã thâu tiền của dân bao nhiêu, phải đem trả cho dân hết. Các cô đệ-tử đã đi theo hầu bà bóng thì khiến phụ-lão hỏi trong xứ người nào đã lớn tuổi mà chưa vợ thì gả cho. Tục đồng bóng từ đây mới bỏ hết, dân đi trốn tránh bấy lâu đều trở về làng.

Tây môn Báo lại xem xét hình thế, coi nơi nào nước sông Chưong chảy thông được thì phát dân đào kinh cho nước sông chảy ra nhiều ngã, thấm vào đồng ruộng, lúa được bội thâu, dân đều yên nghiệp. Đào tất cả được 12 con kinh.

Nguy-hầu được biết việc làm của Tây-môn-Báo ở Nghiệp-Thành liền nói với Địch-Hoàng : « Ta nhờ nghe lời người khiến Nhạc-Dương đánh được Trung-Sơn. Tây-môn-Báo trị Nghiệp-Thành. Hai người ấy đều xứng chức. »

Trước hết xin nói rằng Ấp của

Ding midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./BPDC.

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

Trung-Hoa hồi đó không như ấp của ta bây giờ. Ấp đồng-nghĩa với một thành, một địa-phương rộng lớn và ông trấn-thủ Nghiệp-Thành không phải nhỏ như một ông trưởng-ấp của ta mà là một vị quan to, có quyền hơn một ông tỉnh-trưởng.

Đọc hết bài trên ta thấy cái hại đồng bóng dị-doan tai hại đến bực nào và tài-trí của Tây-môn - Báo không phải tầm thường trong công việc sửa đổi một dị-doan nguy hại cho đất nước.

Nghe hết lời ông hỏi mấy lời ông phụ-lao từng chi-tiết một, rồi cuộc thăm-vấn của ông ngưng ở địa-thể Nghiệp-thành là một nơi đất cao không bao giờ có ngập lụt và chỉ có hạn hán.

Như vậy thì không có lý - do gì phải cưới vợ cho Hà-Bá và câu chuyện Hà-Bá cưới vợ chỉ là một chuyện bịa-đặt quàng xiên không đứng vững trước sự thật.

Ông biết chắc như vậy rồi ông mới ngăn chặn một việc làm

sát nhân, hại dân, hại nước như thế.

Trước hết ông xử thủ-phạm là bà bóng. Nhưng ông chưa vội lên án việc dị-doan vì dân còn tin nó. Họ còn tưởng rằng bà bóng xuống nói chuyện với Hà-Bá rồi cũng có thể trở về được. Tới khi bà bóng không về rồi đồ-độ của bà lần hồi bị mất hút thì họ đã bắt đầu hoài nghi. Nhưng họ vẫn đứng lý-đề coi hết màn kịch. Tới khi ba ông già bị hành-hình, lúc đó họ mới chịu mở miệng nói ra 2 chữ **Đáng kiếp.**

Phản-ứng của nông-dân chậm chạp lắm. Họ bị lường gạt và khổ sở từ lâu đời nên họ không chịu tin ngay và tha thứ ngay. Bà bóng chết rồi, họ còn chờ mấy cô đệ-tử. Mấy cô đệ-tử rồi, họ còn chờ tới phiên mấy ông già bất-lương và tông phạm. Tới đó họ mới chịu phán-quyết. Tới đó Tây-môn-Báo mới chịu ngưng tay.

Nhưng ông ngưng tay trước khi lên án bọn Ty, lại, hào, lý

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

thì cũng còn gọi được là khoan-dung. Thay vì giết trên hai mươi người đệ-tử, phải chi ông chỉ giết độ vài người làm gương rồi kêu bọn Ty, lại, hào, lý ra lên án và cũng hy-sinh vài đứa cho mát bụng dân lành.

Tội của bà bóng không ai chối cãi được, nhưng bọn đệ-tử không đáng chết khi bọn nha lại, cường hào được tha hết.

Thật ra thì chính chúng nó mới đáng tội. Chúng đã không ngăn chặn một dị-doan tai hại mà còn tiếp tay với bà bóng để sát hại dân lành và còn lợi dụng một việc làm phi pháp để chia chác với nhau. Những kẻ có quyền hành pháp trong tay lại làm chuyện phi pháp, hơn nữa chúng còn hơn đó mà hối lộ làm tiền thì tội trạng của chúng cần phải tăng gia gấp bội chứ sao lại khoan dung dễ dàng như thế được?

Ta lấy làm lạ rằng trên 2.000 năm trước đây người ta còn

tiêu diệt được nạn đồng bóng bằng những phương pháp khoa học như thế. Mà hiện nay ở miền Nam nước Việt sự đồng bóng quàng xiên vẫn duy-trì và phát triển trong một thời đại rất khoa học và văn-minh. Đành rằng đồng bóng ở xứ ta chưa đi đến chỗ cưới vợ cho Hà-Bá, nhưng thiếu gì cách chần đưng một dị-doan lạc-hậu đến mức đó.

Nhưng ta cũng không lấy gì làm lạ khi vì trùng còn được nuôi dưỡng trong không khí thì những sự đồng bóng dị-doan cũng chưa có gì là nguy hiểm mà phải cần đến những người như Tây-môn Báo.

Nước ta không thiếu bậc hiền tài nhưng chỉ vì không khí nước ta còn nhiễm độc nhiều quá nên nhân tài chưa xuất hiện đó thôi.



Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DRDC

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DRDC

Calvit B12 THÌ
CƠ THỂ
SUY YẾU
GÂY CÒM
TRẺ EM
CHẬM LỚN
PHÒNG PHỤ

Tặng họa sĩ Hiếu-Dạ

Cuối tháng, thầy võ trường võ bị
Xa rời Đồng Khánh, học trò yêu
Mưa dầm xứ Huế lạnh mình em
Nắng đục mưa trong, bất' sáo
diều

Thầy sắp đi xa, trở ở lại
Màu hoa phượng cũ úa phai rồi
Công trường bỗng hóa thành ga
nhỏ
Một chuyến tàu đi, xa trọn đời

Lần cuối, cô học trò xứ Huế
Ngồi cho thầy vẽ bức chơn dung
Nhìn trỏ, sao bút màu run quá
Thầy sợ vẽ xong nét cuối cùng

Thầy xa Huế, giữa đêm trời tối
Tránh phút giây mình tiễn-biệt xa
Thầy trẻ quá, gọi thầy... vẫn
tưởng
Gọi thầy rời yêu trong giấc mơ hoa

Khi cùng tiễn-biệt ở sân ga
Giây phút này sao khỏi lệ sa
Thầy vẫy tay chào trò cúi mặt
Hai lòng cùng khóc lúc tàu qua

Thầy mua vé chuyển đi đơn lẻ
Hành lý đơn sơ: Áo bạc màu
Vớt một trái tim tràn kỷ niệm
— Ngày về xứ Huế chắc còn lâu

Thầy ơi có biết đêm đưa tiễn
Em mặc áo đen đứng cuối đường
Khóc ngất khi nhìn qua Vỹ-Dạ
Lần đầu nước mắt ướt nhòa
gương

Khi bóng tàu qua trong ánh mắt
Khói cay nước mắt thấm mù
sương
Giám mình gác trọ, em ngồi khóc
Lá rụng đêm nay ngập mái trường

Đợi học bài xong, em đốt nến
Hái hoa phượng ủ bức chơn
dung
Nhìn màu sắc, ngỡ thầy run rã
Vì sợ vẽ xong nét cuối cùng

Đêm nay em đã thành thi-sĩ
Ngồi viết mười trang chuyện
tiễn đưa
Mai một... lấy chồng xa xứ Huế
Biết còn gặp nữa bóng thầy
xưa

HUẾ 24-11-63

(Trong tập « Tiếng hát nê đũa »,
thì phần thứ ba).

★ KIẾN-GIANG



những giờ phút
cuối cùng của
đại văn hào

LÉON
TOLSTOÏ

* Hoàng-Thắng

(tiếp theo P.T. 139)

... Và người ra đi

TÔI đi ngủ vào lúc 11 rưỡi.
Tôi ngủ được hai tiếng thì thức
giác — cũng như những đêm
trước — tôi nghe có tiếng cửa
mở và tiếng chân bước.

Mọi đêm trước tôi không nhìn
ra phía cửa buồng, nhưng lần
này, tôi đã nhìn và tôi nhìn thấy

qua khe hở, có ánh sáng nơi
phòng làm việc của tôi và có tiếng
giấy kêu sột soạt. Chính là S.A.
(Sophie Andreievna tức Sonia)
đang tìm kiếm vật gì, hình như
đọc cái gì. Hôm trước S.A. có
khẩn khoản yêu cầu tôi đừng
khóa chốt cửa.

Ít lâu nay, cả ngày lẫn đêm, tôi nhận thấy tất cả mọi hành động của tôi như bị nòng canh chừng. Bất ngờ mở một cánh cửa thì thấy nòng bước qua. Thấp cây đèn cây và vừa ngồi xuống thì nòng bước vào và hỏi thăm sức khỏe cùng tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy có ánh đèn trong phòng tôi.

Tôi thấy tôi phải ra đi. Tôi liền viết cho nòng một lá thư và thu xếp mọi thứ cần thiết để đi cho thật lẹ. Tôi đánh thức Dou-

Được yên tâm về mẹ đã có người săn sóc, Sacha tới Chamordino để tìm cha. Cùng đi với Sacha có cả Varia nữa.

Đọc mở thư của các con, Léon Tolstoi phiền muộn ra mặt. Ông biết rằng ông không trông mong gì vào sự giúp đỡ của các con được. Chỉ có lá thư của Serge còn an ủi ông được đôi phần.

Ông quay hỏi con gái :

— Con không nhận được thư của ba ư ?

Sacha trả lời những lá thư đó chắc tới khi nòng đã rời khỏi nhà.

— Ba muốn rằng con nên cắt nghĩa cho Tania và cho Serge

chan, rồi Sacha. Máy người giúp tôi đóng hành lý...

Trên đây là những giòng nhật ký của Léon Tolstoi ghi lại khi ông tới tu viện Optina ngày 28 tháng 10. Ông còn viết khi ông ra đi, sự sợ hãi một cuộc đuổi theo, sự chờ đợi sốt ruột và ngại ngần tại nhà ga, rồi khi con tàu lướt chạy thì những sự lo âu cũng lắng xuống dần. Một chuyến đi trong toa hạng ba chật ních hành khách...

Đi tìm người vắng mặt

hay rằng chúng đừng có tin tưởng là ba sẽ trở về.

Sacha hỏi cha rằng ông có hối hận về sự hành động của ông không thì ông trả lời :

— Người ta có thể cảm thấy sự hối hận không khi mà người ta không còn biết làm cách gì khác hơn nữa ?

Trong câu chuyện giữa hai cha con, Léon Tolstoi hiểu rằng gia đình ông đã nghi ngờ chỗ trú ẩn của ông và rất có thể, một ngày nào đó vợ ông sẽ tới tìm ông.

Sự yên tĩnh, kỷ luật trong các nhà tù đã gây cho Tolstoi niềm phấn khởi. Ông thường đàm đạo với các thầy tu ở tu viện Optino

và những người tu hành ở Chamordino. ông thấy ở lại Chamordino cũng không đến nỗi khó chịu lắm nên ông đã đi tìm thuê được một căn nhà với giá ba roubles một tháng nhưng những tin tức và thư từ mà Sacha — con gái ông — mang tới đã làm cho ông không dám nghĩ tới chuyện ở lại đây nữa.

Hai cha con nói chuyện với nhau trong căn buồng của bà cô Maria. Léon Tolstoi theo dõi câu chuyện mà không hề cắt ngang. Bất thành linh ông co tay lại trên chiếc ghế bành rồi vụt đứng lên và đi thẳng sang phòng bên cạnh. Ông đã có một sự quyết định.

Một lát sau ông gọi con gái :

— Con hãy gửi lá thư này về cho mẹ con.

Thư viết như sau :

... Tôi đã ở hai ngày tại Chamordino và Optino và tôi còn đi xa nữa, xa nữa... Tôi không muốn nói tôi sẽ đi tới đâu, bởi tôi muốn một sự xa cách cần thiết cho tôi cũng như cho bà. Đừng nghĩ rằng tôi ra đi như thế này là vì tôi không yêu bà : tôi yêu bà và ái ngại cho bà hết sức nhưng tôi không biết làm gì hơn khác...

... Thượng Đế sẽ giúp bà, hỡi Sonia yêu quý của tôi...

Trên đường đi trốn

Sáng hôm sau, Tolstoi vội vã rời bỏ căn nhà của cô em Marie để ra nhà ga. Ông muốn đi ngay vì sợ ở thêm lại ngày nào, e rằng vợ ông sẽ tới kịp gặp. Khi xe ngựa vừa tới, ông thúc dục xe chạy ngay không cả đợi chờ chiếc xe thứ hai tới để chờ đồ đạc ra nhà ga Kozelsk. Ông đi vội vã như vậy cũng giống như trước đó ba hôm khi ông rời khỏi nhà ở Iasnaia Poliana.

Lần ra đi này có cả Douchau,

Sacha và Varia theo. Mọi người chỉ kịp chuyển hành lý sang toa là xe chạy, và cả ba đều không biết Tolstoi sẽ tính đi đâu.

Douchau bàn nên tới Novotcherkask, ở nhờ gia đình Denis-senko (em gái bà Maria Tolstoi là cháu của họ Denis-senko) rồi sẽ tính kỹ đi tới một chỗ nhất định.

Hành khách trên xe nhận được ra nhà văn hào Tolstoi. Người này truyền tin cho người kia rồi khắp cả tàu đều biết. Nhân viên

DANH NHÂN THẾ GIỚI

trên xe lửa vội vàng kiểm một toa đặc biệt để cho gia đình Tolstoi ngồi.

Vào khoảng ba giờ chiều. Tolstoi gọi con gái tới. Ông lên con sốt. Chờ xe lửa ngừng. Sacha chạy đi kiếm nước nóng. Douchan khuyên nên cho uống trà pha chút rượu. Con sốt vẫn chưa hạ. Tolstoi run rẩy dưới lớp mền dày.

Mấy người tháp tùng Tolstoi nhận thức được rằng không thể tiếp tục cuộc hành trình được nữa nên vào lúc 8 giờ tối, khi xe lửa ngừng lại trước ga Astapovo, tất cả đồng lòng xuống xe. Douchan chạy đi tìm viên xếp ga để nhờ ông ta kiếm cho một chỗ ở tạm. Viên xếp ga vui lòng mời mọi người về nhà ông ta ở.

Mấy người xốc nách Tolstoi đi qua hành lang nhà ga trước đám đông người hiếu kỳ chạy tới coi. Khi nhận diện được nhà đại văn hào, mọi người đều chào ông. Tolstoi cố gắng uốn thẳng người để đáp lại họ.

Khi đặt được Tolstoi lên giường thì ông ngất lịm. Một

viên y sĩ được mời tới ngay lập tức. Sau đó Tolstoi thiếp ngủ được hai tiếng. Thức tỉnh Tolstoi lại đòi ra tàu. Douchan và Sacha phản đối kịch liệt. Ông mới bỏ ý định trên.

Tolstoi không ngờ rằng sự có mặt của ông ở đây đã được mọi người biết cả. Bởi vì, ngay hôm 31 tháng 10, viên hạ sỹ quan cảnh sát chính trị đã đánh điện cho vị chỉ huy đại úy của mình hay, văn hào Tolstoi đáp chuyến xe lửa số 12 đã lâm bệnh và hiện trú ngụ tại nhà riêng của viên xếp ga tên Ozoline.

Buổi sáng mùng 2 tháng 11, Tolstoi bị ho ra máu. Sacha vội đánh điện tin cho Serge hay tin cha bị bệnh nặng.

Cũng ngày này, Douchan nhận được tin bà Tolstoi đã thuê riêng một chuyến xe đặc biệt tới Astapovo vào lúc 4 giờ chiều cùng với André, Michel, Tania, một viên y sỹ và một nữ điều dưỡng.

Sacha nghe tin giật mình. Nàng không biết phải làm sao. May thay có Serge tới. Trước khi bước vào phòng, Serge còn rụt

DANH NHÂN THẾ GIỚI

rụt e sợ. Serge suy nghĩ một lúc rồi nói với Sacha.

— Không, anh phải vào. Anh sẽ nói rằng bất ngờ anh biết tin ba ở đây nên tới thăm.

Thấy mặt con trai Tolstoi tỏ vẻ lo âu. Ông hỏi Serge đủ điều. Tại sao lại biết chỗ ông ở? Serge có biết tin về mẹ không? Hiện giờ bà ở đâu? Với ai? Serge phải đáp là anh ở Moscou tới còn mẹ anh vẫn ở Iasnaia với một viên y sỹ, một nữ điều dưỡng và các anh chị.

Khi Serge bước ra anh nói:

— Không thể để cho mẹ tới đây được, sẽ có hại cho ba.

Khi Serge đi rồi, Tolstoi gọi Sacha tới hỏi:

— Con nghĩ sao về Serge?

— Còn ba?

— Nó kiếm được chỗ ba ở cũng giỏi đấy. Dù sao ba cũng sung sướng được thấy mặt nó. Nó làm cho ba dễ chịu... nó đã hôn tay ba...

Khi Tania tới, Tolstoi cũng hỏi những câu hỏi như đã hỏi Serge làm Tania không dám ở lâu trong phòng cha.

Tối ngày 3-11, bác sỹ Nikitine tới. Rồi nhà xuất bản Gorbounov tới cùng ông Goldenweiser.

Tolstoi không bao giờ có thể ngờ được rằng cơn bệnh của ông đã làm cho cả thế giới đều biết và ông cũng không biết rằng, gia đình ông tới Astapovo.

Một rừng máy ảnh bao quanh nhà ga và các ký giả rình mò chờ cơ hội để săn tin.

Tối ngày mùng 6, bệnh tình của Tolstoi coi mỗi một chút trầm trọng. Ông đã thở được dễ dàng. Ai cũng tưởng cơn nguy hiểm của Tolstoi đã qua nên chia tay đi ngủ, trừ người có nhiệm vụ phải săn sóc ông. Nhưng tới nửa đêm, tất cả mọi người đều bị đánh thức. Tolstoi sắp từ trần. Yên tĩnh! Bình thản!

Người ta vội gọi bà Sophie Andreievna và các con bà tới.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY1/DPDC

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY1/DPDC



Léon Tolstoi đứng trước căn nhà của ông ở Iasnaia Poliana

Phút ly biệt

Bình minh ngày 9-11, chiếc xe tang dừng lại trước Zasséka. Dân chúng từ mọi nơi đổ đến, đi theo sau xe tang dài hàng nhiều dặm.

Cổ hòm được các con trai của ông và dân làng Iasnaia Poliana khiêng. Đi trước đám táng, có một tấm biển đề hàng chữ : Dân làng Iasnaia Poliana không bao giờ quên được lòng tốt của Léon Nicolaiévitch.

Giữa đám cây sồi, chiếc huyệt đã được Mikhailo Zornie đào sẵn. Mikhailo chính là học trò cũ của Tolstoi.

Từ từ, cổ hòm đặt xuống lòng huyệt. Đám đông, quỳ xuống và cầu nguyện.

Phía ngoài, một hàng rào cảnh bị cưỡi ngựa im lặng nhìn.

★

ai ?...

* TƯƠNG-PHỐ

(Nha-trang)



Tranh Ngọc-Hân

Ai người chiến sĩ của lòng ta
Giệp hẳn can qua cứu Nước-nhà
Binh pháp Tôn Ngô cười xếp lại
Máu đào chẳng để ở sơn-hà

Ai người thao lược khí hiên ngang
Tài, đức, ân, uy, địch cảm... hàng
Thu cả giang sơn về một cõi
Chẳng hao binh tướng ngã sa-trường

Ai người hòa giải cứu năm Châu
Đề giống người thôi giết lẫn nhau
Tái tạo hòa bình, yên Thế giới
Khiến non sông cũ lại tươi màu

Con người đẹp ấy, đến hay không ?
Non nước xa xăm mấy dặm hồng
Tháng đợi năm chờ vợ-vườn mãi
Ước câu thơ thế tạo anh hùng !

Mùa chinh chiến năm 1952

* *Trần-Quán-Kiệt*



ĐỘNG YÊU NHÈN NHÈN

CHÚNG tôi đến Cáp vào khoảng năm giờ chiều. Vùng biển quen thuộc vẫn như ngày nắng ráo, mặt trời đỏ, lặn biển kéo vòng mút mắt và những lười buồn ngoài khơi cao vút chập-chờn. Gió thổi mạnh và trên bãi, bên cạnh mấy cây dừa,

vài người đi tắm còn ngồi phịch trên cát nhìn sóng biển vỗ vào bãi.

Chỉ thoát cái, chúng tôi bước xuống xe, đóng cửa thì màu trời đã sục xuống, mặt trời như cái nĩa lớn chúi xuống biển mông-mênh. Trong cảm-nghi ít nhiều lãng mạn của tôi, mặt trời đang soi sáng vùng thủy cung của vị Long Vương nào đó. Chiều thứ năm, ít người, lơ thơ mấy màu áo hồng, điểm cho cảnh vắng vẻ thêm một tia sáng của sự mong ước chúng tôi.

Đi đâu, rồi người ta cũng tìm người, nhất là người đẹp. Chúng tôi mong sao có vài người thiếu nữ, họ là cái hoa, họ là hương

ĐỘNG YÊU NHÈN NHÈN

thơm, là sinh khí, là tiềm lực sống của chúng tôi. Thú vị biết bao nếu tìm ra một người thiếu nữ vừa thơ mộng ở giữa cảnh nên thơ thế này. Sự cô quạnh mà chúng tôi tìm đến đây khiến chúng tôi bị một nỗi buồn tự nhiên loang rộng như biển khơi phủ mờ tâm hồn mình.

Trong lúc chúng tôi cảm sợ cái vắng bao la đó, trước mặt bỗng hiện ra một cái quán, một cái bar giải khát. Điều đó rất sung sướng, chân đi tới quán, mà tôi tự hỏi, vì sao từ nãy giờ; chúng ta lại mờ cả mắt không thấy, vào đó ghéech chân lên ghế, nhắm nháp chút cà-fê cho ấm lòng. Thụy nhìn tôi không nói gì, cả tâm hồn anh ta gửi ra ngoài mây biển. Tôi vừa ghé xác xuống ghế thời ông chủ quán từ trong thò ra nói :

— Thưa ông, quán đóng cửa !
Tôi nheo mắt :

— Buồn quá, cho chút cà-fê uống đỡ lòng.

Cánh cửa mở, tiếng ca-si trong máy phát thanh trầm bổng gieo tình tứ du dương. Lão chủ quán vận chiếc khăn tắm, đầu

hối, lùn, chỉ đứng khỏi cái quầy hàng độ nửa cảm. Lão gật đầu :

— Các ông muốn dùng chi, ế quá nên tôi mới đóng cửa,

— Hai ly cà-fê đen.

— Lớn ?

— Vâng, nhớ cho một ly có sữa nhiều. Thụy nói.

Đợi lão già mang cà-fê ra, Thụy lấy tay vỗ vào cườm tay lão, nheo mắt :

— Có... hoa không cụ ?

Lão già lắc đầu, nhưng tôi vội nói tiếp :

— Ráng chỉ giúp, tụi tôi đi tìm vui để quên chuyện buồn.

Lão chủ quán có vẻ đạo-đức :

— Buồn gì, mấy cậu thanh niên ?

Tôi cũng không biết nói buồn gì với lão. Tôi hớp một ngụm cà-fê, ngon thơm cả miệng. Tôi muốn đập một đấm vào mặt lão già cho đã... Và khen tặng bằng một câu bắt hủ nhất đời tôi; nhưng câu bắt hủ đề mà khen lão tôi không tìm ra được. Cái sung-sướng hớp cà-fê ngon, giữa trời bắt đầu lạnh và buồn đã mang đi mất ý-nghĩ bắt chợt và trí thông-minh của tôi. Đến lúc tôi tỉnh lại suy nghĩ, các thứ

Đông midol *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1540/BXT/DRDC.

nghe về những câu chuyện nói về ăn uống của lũ người quen thói trường giả mà điên đầu thật! Người ta có thể cho kẻ nào đó là bọn ăn nhậu, nhưng sự thực không biết cái phép ăn nhậu của kẻ đó sản khoái đến bậc nào, vì thế mà lão trich-tiên Lý-thái-Bạch, quên mẹ cái chuyện lẩn-nhấn lổ-nhổ chánh-chị-chánh-em của thời đại nhà Đường, lẩn vào cuộc ăn nhậu mà hát với thằng bạn cũng «khoái» nhậu, ăn rằng:

*Áo cừu đổi lấy rượu ngon
Cũng ta chúc cạn cái buồn
ngàn thu.*

hay những câu:

*Chủ nhân nếu biết làm say khách
vũ trụ đâu mà chẳng cố hương.*

Thật chua xót thay một cái thời đại mà cổ hương chỉ còn là cái quán rượu! Và cũng «khoái-lầu» biết bao quán rượu lại là cổ hương. Đó! Hỡi bọn trường giả chúng bây, có luận có bàn đạo đức thì hãy bàn với nhau cho kỹ trước khi mang ra mà kỳ-kệ với lũ ăn nhậu này!

Ừ! bỗng nhiên mà tôi nghĩ sai lệch cả cái chí hướng của hằng thanh niên ở đời!

Thụy vỗ bặt vào vai tôi:

— Con gái!
Tôi sáng mắt:

— Ừ! con gái.
— Sao mầy lại lơ đễnh thế, hay nhớ đến con Ba Tàu Hủ ở cầu Chà-và rồi?

Tiếng Thụy cười sần sặc, vang lên, đưa theo gió biển. Cát tung lên trắng xóa dưới gót nhanh nhẹn của ả.

— Rồi! rồi!
— Điền hay sao?
— Tao điên thật! rồi! rồi!
Tôi quay lại nhìn Thụy, hay hẳn đã điên thật.

— Gì vậy?
Thụy lắc đầu vỗ tay vào túi quần sau:

— Chết rồi mầy ạ!
Thì ra cái ví đựng giấy tờ và tiền bạc của hẳn bay đâu mất.

— Giờ thì sao?
— Ngụy quá, xe còn xăng về chỗ?
— Không đủ.

Chúng tôi đâm lo, thừa dịp lão chủ hí-hoáy làm việc, chúng tôi rút lui êm ra ngoài xe, vọt cho máy chạy thẳng.

Thụy tỏ ra là một tay đua có hạng, anh chạy quanh chạy quẹo một lát, xe ra khỏi châu thành và trực chỉ về hướng Bà-rịa, nơi

đó có bà con hẳn, có thể mượn đỡ tiền về.

Thụy đang cầm lái bỗng cất tiếng nói:

— Mầy thấy không, tao nói ra đường gặp gái xui lắm!

— Lơ đễnh đề mất ví, mầy đồ thừa sao được?

Bỗng Thụy hét lên tiếng lớn, xe đang phăng phăng gần hết tốc lực, thẳng ghim đứng lại, bốn bánh xe siết mặt đường rít lên rợn người.

— Đồ chó! Thụy tức quá văng tục.

Người đàn bà nhảy vọt vô đường xanh mặt nhưng chỉ một lúc sau đã đánh đá ngay:

— Đi xe ẩu quá, chạy cướp ư?

Thụy bước xuống xe, nhìn ngay vào mặt ả. Nét phản son còn lơ-mờ, ả bỗng bành miệng cười:

— Thôi mà... bà con!
Thụy nhìn tôi, biết ý, tôi cười:
— Bà con gì!

Ả được trốn:
— Đã đến đây mà làm oai với em út hoài. Đi không!
— Đi đâu? Thụy đùa.
— Hứ! quý ôn ở đâu!
— Ở Sài-gòn!

Nghe tôi trả lời, ả cười ngặt:

— Thôi đi vô, nhiều em trẻ lắm, ngon lắm!
Thụy liếm mép cho đỡ thèm:
— Bậy quá hết rồi!

Tôi định leo lên xe, ả kéo lại:

— Hết cho chịu mà!
— Hết thiệt, anh mất ví. Thụy nói thật.

Ả vương vai một cái, bộ ngực rung rinh, rồi đáp:

— Tôi nói thật, không tin cứ vào nhà xem, tụi nó trẻ mần.
— Tôi cũng nói thật, hết bạc, mất ví mà.

— Vô nhà đi, có mất ví tôi cho chịu? Tối rồi đi đâu?

Thụy cho xe đậu gần khu chợ gần đó. Rồi cùng tôi theo ả.
— Nàng ơi!

Thụy đòi giọng gọi. Tôi cũng lập lại cái giọng của Thụy trong căn nhà hẹp-tí mà chúng tôi vừa chui vào. Thụy chui trước luôn luôn, bất kỳ ở đâu hẳn cũng đi tiên-phong, tôi thì đoạn hậu.

Hai ba đứa con gái lấp-ló sau tấm màn khiến cho tôi nhớ đến cái động nhèn-nhện mà lão Tam-Tạng đi thỉnh kinh đã mắc phải lưới.

Thật là lưới tình. Tại sao lão Tam-Tạng lại không dám làm ầu, cho lũ chúng là yêu quái. Chúng dâng hiến cả tâm hồn lẫn sắc đẹp cho mình, tu làm gì cho khổ thân, ép xác cho mệt lòng.

Cô gái khoác màn, tay ngoác:

— Vô đi anh.
Thụy bèn xông tuốt vô cấm cung, vũ động binh-khí tấn công dữ-dội.

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

Một lát có lẽ thất trận, hẳn bung ra thè lưỡi thở khi.

Khi tôi vào thì gặp đúng là một người đàn bà, mục trạc ba mươi ngoài, có vẻ mẹ Tây, bây giờ có lẽ là mẹ Mỹ cũng nên.

— Lên đi!

Tôi phát cáu:

— Đi đâu mà gấp vậy?

— Thôi mà anh!

Tôi đứng nhìn ả, bỗng sực nhớ lại cái hình bóng nào xưa hiện trong nét mặt quá thời đó; tôi ngồi xuống cạnh ả, ghé sát mặt hỏi:

— Cô ở Saigon?

— Có!

— Xóm chợ-Đũi?

— Hỏi làm gì?

Tôi bật dậy... Thôi thật đúng lắm, giọng nói êm-êm và cái trán có một vết sẹo nhỏ, quả đúng là cái cô giáo đã dạy tôi học ở đó hồi còn lớp ba lớp tư. Cô giáo của tôi đấy! Tôi yên lặng một lát. Kỷ niệm học đường như chong chóng xoay về trước mắt. Ngày xưa cô giáo độ hai mươi, trang nghiêm, dạy từng bài học rõ-ràng dạy tôi biết những là: đánh bài cào, ăn cắp là xấu, và... thờ cha kính mẹ là phải. Dạy ăn ở cho phải đạo làm người. Thế mà bây giờ mười mấy

năm đó, cô làm gì? Tôi muốn hỏi nhưng sợ gây niềm đau trong lòng cô. Tất nhiên là một quãng thời gian dài chua chát. Nhiều việc đã xảy ra, ghi thành những nếp nhăn buồn trên nét mặt đó.

— Làm gì mà tần ngần vậy anh?

Tôi gượng cười, không biết phải nên làm thế nào. Trong lúc đó thì cô đã giần sẵn tấm thân mà tôi từng kính mến ngày xưa ra đó. Trên gò ngực đã nhào đi, và đôi mắt lơ là như kẻ bất cần để ý đến sự trở trên của sự lóa lờ trước mắt kẻ lạ.

Nhiều cô gái giang hồ đã hành động hơn thế nữa. Nhưng không làm tôi động được lòng. Chắc hẳn mỗi cô đều cũng có một sự chua cay gì đấy để đến chuyện bán thân như vậy. Bỗng tôi thấy nhục và giận quá, tôi đứng lên, trong lúc tôi bỏ ra ngoài, không nghe cô ta gọi gì hết.

Tôi đoán chắc không phải vì ề chề mà cô ta không gọi tôi lại, sự thật thì cô ta nghĩ tới một người quen ở cùng xóm, hay sự sực nhớ lại thẳng học trò cứng đầu lớp ngày xưa.

Mụ kia đứng cho hó ngoài cửa thấy tôi ra, lắc đầu:

— Chê ư?

— Không?

— Sao không đi, con đó khá lắm mà!

Tôi đấm một quả vào mặt, ả ôm mũi, kêu cứu:

— Trời! đồ ăn cướp, bớ tụi bay ra đây, nó đánh tao, ra đánh thấy mẹ tụi nó đi.

Ba bốn thằng ma-cô nhảy bừa ra. Lũ này mới thật là đại gian ác! Tôi nghĩ thế. Trong lúc đó thì Thụy cũng phát cáu, chúng tôi hai đứa chống bốn năm mạng, cả ma-cô cả gái điếm.

Lúc đó người đàn bà nằm bên trong đi ra, khoát tay nói:

— Nó không đi thì thôi, đánh nó làm gì?

— Nó đánh tao, sao mày ngu thế?

Cô ta nhìn mụ đàn bà chòng-chọc:

— Im!

— Mày bảo gì?

— Tao không nói gì hết, tao không rước mối cho mày ăn đầu nữa!

— Mày bênh nó.

— Không bênh ai, bọn bay tòi lắm!

— Con điếm lậu!

— Hừ!

Thoát cái mụ ta nhảy vọt vào gần cô ả, hai người không ai nhìn ai hề nhau đấm đá túi bụi.

Bây giờ đến lượt lũ ma-cô và mấy ả giang hồ phải ra tay can-thiệp, thật là sôi nổi.

Thừa dịp đó, tôi lên ra ngoài với Thụy, cho xe phóng qua khỏi căn nhà ghê gớm đó về Bãrja.



★ **ĂN MIẾNG TRẢ MIẾNG**

Một cô gái bị đuổi khỏi nhà trọ, trước khi khăn gói đi tìm nhà khác, cô ta còn cố trả miếng:

— Thưa bà chủ, trước khi đi tôi muốn nói với bà một việc này ạ.

— Được, cô cứ nói.

— Trước hết cháu trẻ đẹp hơn bà, cháu ăn vận cũng có kiết hơn bà, ngoài ra cháu còn biết yếu đương hơn bà...

Bà chủ trợn mắt bảo với cô gái:

— Ai bảo thế, thẳng tãi xế hả?

Cô gái thông thả trả lời:

— Dạ không, ông nhà?...

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC HẸN
1360/6YT/DPDC.



* MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Lầu lăm rồi không có dịp vun với bạn vì bị những lý do này lý do khác, bạn gửi thư rầy, đành xin lỗi bạn vậy. Giá gặp bạn thì tôi sẽ nói tất cả sự thực. Bao nhiêu thay đổi mà bạn không biết, vì có vun với nhau đâu mà mách bạn.

Bao nhiêu người hỏi đã thêm đi nữa chưa, có kẻ còn xúi khôn xúi dại bảo trong lúc nước nhà chưa ổn định như thế này sao không đi ra nước ngoài mà ở cho sung sướng. Quả là họ chẳng hiểu Minh-Đức tí nào, có phải bạn đâu mà hiểu, cũng đừng trách họ làm gì. May quá, đời còn có một vài tri kỷ để vun với nhau.

Mách với bạn hôm nọ Minh Đức của bạn bị mất trộm, tội nghiệp là Minh-Đức không giàu, nếu giàu thì người ăn trộm sẽ sung sướng biết mấy.

Về đây được hưởng đủ, bạn có bảo thế không, còn tội nghiệp hơn nữa là cái Poste T.S.F. của Minh-Đức ở đây rất khó mua Pile nên về xài cũng không sướng vì nó chỉ để chuyên nghe nhạc nên chẳng bắt được những đài ngoại quốc. Người ăn trộm nào đó vụng tu và chỉ đáng phàn nàn cho cái số họ xui xẻo.

Một điều thứ hai nữa mách với bạn rằng Minh Đức vừa mới biến cái hiên trước thành cái vườn, có hai cây thiên lý, cây hồng, hai cây Ngọc-Lan v.v... Nếu bạn đến thăm Minh Đức sẽ xui liền. Không phải để trồng rau mùi như cái vườn treo ở Paris đâu. Tất cả những cây hoa gì mà ngày xưa có trong vườn ở Huế, Minh-Đức đều muốn chúng nó trở lại nhưng chắc không thể được. Hàng xóm không hiểu cứ hỏi

TÂM SỰ VUN

« mua cây gì làm thế ». Thực ra có các bạn mang đến cho chứ có phải mua hết đâu.

Như thế mỗi sáng ra vườn cúi hôn lên một bông hoa, con người sẽ có cảm tưởng mình đang hôn lên quá khứ. Bạn có đồng ý hay là đang bêu môi.

Trời hôm nay hơi lạnh giống như những ngày đầu thu ở Paris, thế mà bao nhiêu quần áo lạnh Minh Đức để lại Paris chia hết cho các bạn, sáng nay ngồi nghe gió lộng qua phòng. Bạn có tin rằng rồi đây một năm vào đó Saigon sẽ có tuyết xuống không, một trăm năm, một nghìn năm nữa, biết đâu. Thấy trời lạnh muốn vun với bạn về cái « Thuyết nước đá vĩnh cửu » (Théorie de la Glace éternelle của Horbiger). Liệu bạn có chịu nghe hay là bạn đang đưa tay lên tắt cái đèn vì mới nghe đã muốn ngáp rồi. Nói thế vì trong một cái chuyện dài của Minh-Đức đang đăng ở một tờ báo, có nói đến mấy chữ ấy nhưng bị ông chủ báo rầy bảo rằng : « Phải nhớ Minh-Đức đang sống ở xứ Saigon, nói gì phải nói cho rõ, không được nói thoáng qua, độc giả không

hiểu và sẽ ghét ». Bạn có rầy không.

Thật ra thì về xứ ta có nhiều sự đáng vun lăm, đâu phải chỉ riêng đến cái vấn đề xa xôi đó. Ngạc nhiên nhất là về đây thấy phụ nữ còn bị xem thường không hiểu rằng vô tình hay cố ý. Chẳng hạn trong một buổi hội họp. Ông chủ tịch bước vào bắt tay hết các anh em rồi mới quay đến chào hai người đàn bà trong số ấy có Minh Đức.

Bạn ngạc nhiên không? Chắc tại... mà cũng chẳng hiểu tại sao, có lẽ tại nghe những lời khuyên của các tôn giáo phải xem người đàn bà như mẹ, như chị, như em. Ông chủ tịch xét đáng tuổi em nên để đây, chào sau chẳng, mong rằng ra ngoại quốc ông chủ tịch không đối xử với người đàn bà như thế. Đây là mới một thí dụ nhỏ không kể đến những lúc như lên thang gác các ông dành lên trước vì thầy Minh-Đức nhường cho vợ ông đi lên, v.v...

Bạn sẽ bảo sao mà hay lăm điều nhưng đã vun thì vun cho hết phải không bạn. Nếu trong quãng đời mỗi người có một vài giai đoạn đáng gọi là đẹp, đáng ghi nhớ thì quãng thời gian sống ở quê nhà này đời với

TÂM SỰ VỤN

tôi thật là đẹp. Sách ở đây rẻ hơn ở Pháp, có lẽ nhờ cuộc sống không đắt, đừng tìm những tài liệu khó khăn thì hơi phiền. Nhiều thứ quá không khéo Minh Đức phải xa bạn, thì giờ đâu mà vụn với nhau.

Trở lại với cái Thuyết nước đá vĩnh cửu, hôm nọ tôi mò tìm cái tên Hans Horbiger ở trong bộ Tự điển Bách khoa Larousse mà không thấy ghi. Horbiger người Áo, nổi danh ở thời kỳ Hitler còn sống, ông không phải là một nhà khoa học nhưng tự nhận mình cao hơn một nhà khoa học. Cái thuyết của ông là welt tức là welteislehre, chúng ta tạm dịch là «Thuyết nước đá vĩnh cửu». Một học thuyết đã làm đảo ngược tất cả những sự tính toán của ngành chiêm tinh học và khoa toán học. Theo Horbiger thì rồi đây vũ trụ sẽ bị nước đá bao vây, chỉ có quả đất may ra mới tránh khỏi được một đời phần. Ông tin rằng ở trong sự

tranh chấp của nước đá và lửa tức là cái then chốt của vũ trụ, có những chu kỳ xảy đến với quả đất: Cứ mỗi chu kỳ 6.000 năm thì nước đá lại tấn công vũ trụ một lần, do đó, mà có những vụ đại hồng thủy (déluge). Nhưng trong lĩnh vực địa cầu thì cứ 700 năm lại có một cơn lửa nổi dậy, tức là cứ 700 năm thì loài người lại chợt nhận thức cái sứ mệnh của mình trong cuộc tranh chấp với vũ trụ.

Nghe đến đây bạn đã đòi đi ngủ chưa? Nếu bạn buồn ngủ rồi thì thôi, chúng ta đành vụn sang chuyện khác. Kể ra vụn những vấn đề này nó cũng hơi khó tiêu. Chỉ vì sáng nay lạnh nên Minh Đức của bạn mới đâm ra nghĩ đến câu chuyện nước đá ấy. Cái thuyết của Horbiger bị chôn vùi từ khi nước Đức thua trận, nếu bạn không cần nhắc, thì rồi đây lúc vào «trà dư tửu hậu» chúng ta sẽ nói chuyện đứng đắn một hôm, nhưng hình như bạn quen nghe Minh Đức

TÂM SỰ VỤN

vụn nên khi nói đứng đắn thì cứ ngỡ rằng đây là một ông nào nói.

Mặc dầu ít người biết và nhắc đến Horbiger sau này nhưng môn đệ của ông cũng có trên một triệu. Năm 1958 nhà kỹ sư Thụy điển Robert Engstroem có gửi tập ký sự của mình cho viện khoa học ở New York để nhắc chùng xứ Hoa Kỳ khi định thử những thí nghiệm trong sự giao thông tinh cầu. Ông ấy bảo rằng: «Trước khi làm những cuộc thí nghiệm ấy xin hãy nghiên cứu lại cái cơ học thiên thể (mécanique céleste) đã. Chỉ ngại rằng một quả bom H. tung lên cung trăng sẽ gây nên một trận đại hồng thủy cho quả đất chăng». Cô nhiên là Robert Engstroem bị liệt vào hạng môn đệ thứ dũ của Horbiger. Nói dài giòng không khéo bạn cũng sẽ liệt Minh Đức vào đó, nhưng hẹn với bạn rằng để thư thả rồi chúng ta sẽ «âu đả» với nhau mà.

Nều lần này đưa những câu chuyện khô cần ra mà bị bạn «quở» thì kỳ sau một là Minh Đức tròn luôn thứ hai là sẽ vụn về vấn đề nghệ thuật cắm hoa của nước Nhật, tuy cũng không phải dễ nhưng có lẽ vui tai hơn. Khoe với bạn vì bị đạo chích viêng thăm nên Minh Đức phải đi rước thêm một con chó nữa về cho vui nhà vui cửa, đặt tên là «nụ cười» đọc theo tiếng Nga. Cũng mới mấy hôm nay cô bé mèo bị bỏ rơi ngoài đường, gầy còm tội nghiệp vira vào gia nhập trong nhà Minh Đức. Nó chỉ biết ăn thịt kho nước mắm và cơm, chứ sữa không biết uống, fromage không biết ăn nên Minh Đức đã chọn cho nó một cái tên rất thuận túy Á. đông là «Nguyễn Thị». Cô nàng đã biết tên, khi nào bạn đến gọi thứ cho mà xem, mỗi buổi ăn, cả một ban âm nhạc cũng còn thua, vạt vạt không nói được. Bạn sẽ bảo là ngu, là đáng kiếp chứ gì. Hân tại kiếp trước mắc nợ chúng

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC.

Calvit B12 TRI: CƠ THỂ SUY YẾU GÂY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN
PHÒNG PHỤ

nó, cõ nhiên là anh Mèo Á-rập đến bây giờ vẫn chưa tha cho cái tội phản bội ấy. Ngày nào Minh Đức đi, chắc mỗi một vấn đề chạy giầy tờ cho các cô các chú chó với mèo cũng đã mệt. Có bao giờ bạn đặt câu hỏi sao lại thương thú vật, sao không để tình cảm mà thương người.

Theo tôi thì nuôi con vật, hay trồng gốc cây mình cũng phải có bốn phận, con người còn biết giả dõiláo xược, chứ con vật không làm cho mình thất vọng. Hẳn vì thế mà ở những nước càng văn minh thú vật càng được quý mến hay nói theo thuyết nhà Phật, có nợ duyên kiếp trước với nhau chẳng? Mà nói thế chứ nếu bạn đến chơi nhà tôi bạn cũng sẽ yêu cô bé Nguyễn thị hay «Nụ Cười» khi nhìn chúng nó đùa với nhau.

Về đây đã mấy tháng rồi mà chưa có dịp gặp xứ Huế, qua những tin tức bão lụt, buồn chứ bạn nhỉ. Quê hương tội tình chi mà sao cứ xảy ra hết chuyện này đến chuyện khác, ai có cách gì cứu quê hương. Giá Minh Đức của bạn được một cái tài, hát hay đàn

giỏi, hoặc làm hề làm xiết gì, để nhân những dịp tổ chức ca nhạc nầy mà xung phong vào xin giúp quê hương. Thời thì đành mua vé đi xem vậy, chỉ còn một cách ấy.

Hôm nào bạn rỗi, ghé thăm cái «đẹp xá» của Minh Đức, nói chữ «đẹp xá» để tỏ cho bạn biết rằng, dầu không phải sang trọng xa hoa, nhà không có máy lạnh, cửa ngõ hơi hênh nhưng con người bao giờ cũng vui với cái gì mình đang nắm trong tay. Cõ nhiên là chỉ có mình Minh Đức cho rằng đẹp, sự thật lắm lúc mới nhìn tưởng như cái Arche de Noé trước khi có hồng thủy. Nào chó, mèo, chim, cây và người, mỗi khi tất cả ra chơi ở cái gác ngoài thì quả thật là hình ảnh, arche de Noé rất đúng. Bạn đến chắc sẽ bật cười, thế mà mấy con két đã được thả, vì thấy nó có vẻ tút tút ở trong lồng, nhất là mỗi khi nghe bên ngoài tiếng đập cánh và tiếng hót riu rít của mấy con chim. Hiện tại chỉ còn có mỗi một con xích vì bị cắt cánh nên không thể nào bay, thả một lần mà nó chẳng bay được,

Calvit B12 TRỊ: CƠ THỂ SUY YẾU GÂY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN

PHONG PHU

Đành chờ ngày mọc cánh, liệu nó có mọc dài cánh lại không bạn nhỉ? Nhìn con chim đợi mọc cánh như con người đợi xin cho được cái giấy thông hành, thật là phản thiên nhiên.

Vụn với bạn hôm nay ngắn thôi vì bạn quá, mặc dầu Minh Đức mới có người giúp việc, để thương vô cùng. Chỉ sự quen thói hư, rồi ngày nào trở

lại Pháp hay Đức (Minh Đức có ý định sẽ sang Đức ở ít lâu) chắc sẽ khổ sở vì có ai đâu mà giặt quần áo, chùi nhà v.v... Ngồi đây vụn với bạn mà mấy cái gáy của những quyển sách mới mua về chưa đọc nó cứ khiêu khích trước mắt như ma vương cảm dỗ... kỳ sau hẹn bạn.



★ MƯU NHÀ ĐIỀU DẮT

Một võ sĩ hạng lông sắp thượng đài, nhà điều dất lơ quảng cáo võ sĩ của mình sẽ thắng, nên lập mưu:

— Này em, lẽ ra tôi không nên nói cho em biết chuyện này nhưng nếu dẫu thì tôi rút rút lương tâm lắm.

— Chuyện gì hở ông nói cho tôi nghe đi.

— Biết thắng địch thủ của anh là ai không?

— Không. Nhưng đồng sức đồng tài thì đánh chó sợ gì? Nhà điều dất thờ dài:

— Như thế đâu đã có chuyện, thắng này chính là tình địch của em đó, qua thấy nó từng du dương với con vợ của em hai ba lần cơ. Võ sĩ!!!?

Calvit B12 TRỊ: CƠ THỂ SUY YẾU GÂY CÒM TRẺ EM CHẬM LỚN

PHONG PHU



✧ Nguyễn-Vỹ

(tiếp theo P.T. 139)

HÀ-Nội khởi cuộc «tấn-công» sau Yên-Bái và Lâm-Thao, và đã làm cho nhiều người thất vọng. Vì thực ra, cuộc «khởi nghĩa» ở Hà-nội không có một tiếng vang, thành phố vẫn hoạt động yên tĩnh như không có gì. Có thể nói là cuộc Cách-mạng đã bị chết ngay trong trứng, ở tại thủ-đô Bắc-Kỳ. Trái lại, ở huyện Vĩnh-Bảo, nghĩa-quân của V.N.Q.D.Đ. đã đánh lớn và đã gây được tiếng vang sâu rộng cũng như ở Yên-Bái, tuy rằng cuộc khởi nghĩa trễ hơn 5 hôm sau Yên-Bái (ngày 14-2-1930). Bấy giờ Dân-chúng Hà-Nội mới thật là xôn xao. Cái tên của anh Nguyễn-thái-Học mới bắt

đầu được nói đến ở khắp các tầng lớp đồng bào với một lòng chiêm ngưỡng sâu xa, như một vị anh hùng của Lịch-sử. Nhưng 8 giờ sáng ngày 20-2-1930 có tin đồn Nguyễn-thái-Học và ông Sư-Trạch, một đồng chí, bị bắt ở trên đường Cờ-Vịt, gần đồn Chi-Ngãi, tỉnh Hải-Dương.

Nghe tin ấy. Tuấn và nhóm sinh viên học sinh «hội kín» nhón nhào lo sợ và đau khổ vô cùng. Giã vờ nóng lạnh, Tuấn nằm trên lầu đường Général Bichot, trùm chăn kín-mít, âm thầm khóc một mình. Tuấn thấy cả một sự đổ vỡ kinh hoàng, với cảm giác gần như Lịch-sử Việt-Nam bị đứt đoạn

TUẤN, CHÀNG TRAI

nơi đây, không còn kế tiếp nữa.

Trưa, một đứa bạn đồng chí của Tuấn hót-hơ hót hải đến hỏi thăm Tuấn:

— Anh ốm hả?

— Ừ.

— Tại mình nên đi ăn núp một dạo ở nhà chị Hồng trên Bưởi.

— Anh đi trước đi. Chiều tôi mới đi được.

Trưa Tuấn chỉ giã vờ nóng lạnh, té ra đến chiều sau khi người bạn đi rồi, Tuấn bị nóng lạnh thật. Con sốt-rét hành hạ cậu học-sinh 18 tuổi lên gần 40 độ, nằm run cầm-cắp, mê-mán bất tỉnh.

Một người bạn cùng ở gác trọ nghe Tuấn trong cơn mê hoảng nói lầm nhảm những câu «dễ sợ»: «Anh Học bị bắt rồi... rồi ai cũng bị bắt hết... Hết rồi... chắc Tây nó giết...»

8 giờ tối có người bạn đến lôi cõ Tuấn ra ngồi xe cyclo-đạp, đến đường Quan-Thánh để đón tàu-điện đi Bưởi. Nhưng Tuấn muốn đi một vòng trong thành phố Hà-nội để xem tình hình, mặc dầu còn nóng liên miên và chỉ xúc dầu Khuyh-diệp Đường phố vắng teo, tuy không có giới-nghiêm

không có lính canh gác. Hình như thiên hạ bảo thăm nhau ở nhà, ít ai dám ra đường. Duy có các phố hàng Đào, hàng Gai, hàng Bông và quanh Bờ hồ phía Cầu Gỗ và đền Ngọc-Sơn là có người qua lại, dạo mát hoặc mua bán, nhưng không rộn rịp như thường lệ, trái lại có vẻ trầm lặng, bí mật, nặng nề, như có một hiểm họa gì bay lượn trong không khí.

Đồng bào trong thành phố có bộ mặt sợ sệt, nhưng có điều thật lạ, là chỉ có «lính mã tà», «lính kín» của sở Mật-thám là đi rảo khắp nơi, đông đảo, và lẫn lộn trong các đám quần chúng, chứ tuyệt nhiên không thấy có biện pháp quân sự nào cả. Nghe nói toàn thể binh sĩ đều bị cấm trại, thế thôi.

Khuya, vào khoảng 1 giờ, có một chiếc xe tank, cũ kỹ, kiểu 1918, đi rầm-rầm chậm chậm qua các đường phố Cửa-Đông, Bichot hàng Điều; hàng Cót, nhà Hòa, Boulevard Carnot, rồi trở về thành ở Cửa Bắc. Ngoài ra, khắp nơi đều yên tĩnh. Ở phố Huế, Chợ Hôm, cũng vắng người.

Tuấn đi thui thui một mình

khắp các phố phường Hà-nội, tuy trong người chàng hãy còn sốt. Chàng dòm ngó chung quanh, dưới ánh các trụ đèn điện chỉ có bóng cây, bóng lá, rung rinh trong gió buốt. Trời đầu xuân, nhưng còn bao phủ mây đen, sương mù buông rủ trên thành phố một màu tang tê lạnh.

Rét thấu xương, nhưng may là, Tuấn không bị thương-hàn, chỉ nghe mạch máu chảy phùng phùng hai bên màng-tàng, tai kêu ù-ù, môi khô, tay chân bủn rủn. Chàng vừa bước thong thả trở về

gác trọ, vừa khóc âm thầm. Nước mắt chảy từng giòng trên đôi má lạnh...

Chàng nhớ lại hình dáng gầy còm của anh Hồ-văn-Mịch bị bắt trong lúc mang bệnh ho lao, nằm nhà thương Phủ-Doãn, đã chết trong một đêm rét buốt... Chàng nhớ đến cái tin sét đánh về anh Nguyễn-thái-Học đã bị bắt ở Hải-Dương và anh Viên bị bắt trên gác trọ ở Gia-Lâm...

Tuấn gần như tuyệt vọng.

(còn nữa)



*** NU CƯỜI NƯỚC PHÁP**

Một nhà xuất nhập cảng đưa vợ ra tòa ly dị. Ông ta nêu lý do :

- Dạ bẩm ba tòa quan lớn, đây là lần thứ năm tôi bắt quả tang vợ tôi ăn nằm với kẻ khác ạ.
- Bốn lần trước thì sao ?
- Dạ cũng quả tang ạ.
- Sao mấy lần ấy ông không đưa ra tòa ?
- Dạ vì bốn người trước là thân chủ chuyên mua hàng của tôi ạ.



**sự tích
Bà**

BÀ MỒHIK
hay bà Thủy Liêm
Đại-Động
CỦA CHIÊM - THÀNH
Bình-Thuận

* Parichâm

VUA Ta Bài là một vị sơn vương, nên sau việc nước, thỉnh thoảng ông thường đi săn bắn hoặc ngao du ven rừng, ven suối. Một hôm, nhơn trời quang đặng, trong lúc ngao du bên bờ suối MaHý, bỗng ông nghe tiếng khóc oa oa giữa giòng, ông xuống vạch bóng nước ra thấy đứa hài nhi, diện mạo khôi ngô, lệ đầm cả mắt. Ông vội ẵm nó về nhà, nuôi lấy làm cháu và đặt tên là MaHý (vì sinh trong suối Ma Hý).

Thời gian qua, MaHý lớn lên, đẹp xinh như trăng rằm. Tương tá trong triều, cũng như thượng

khách hoàng cung đều đề ý và tấu tặc khen thăm nằng là một giai nhơn tuyệt sắc. Nghe thế, Vua Ta-Bài càng nuông chiều tung tiu MaHý như trứng mỏng. Một hôm, thấy cháu hơi buồn, ông muốn cho cháu giải trí, nên tổ chức một cuộc xuất gia du cảnh. Vua Ta-Bài thì ngự tượng, còn Nằng MaHý được binh sĩ khiên vồng. Đến một giòng suối sâu, nằng xuống vồng lội nước qua, vô tình nằng vén chằng lên tận bắp vế trắng nõn, làm cho vua Ta-Bài nhìn thấy rồi cảm hứng lên. Về nhà được đôi hôm thì vua Ta-Bài triệu tập một cuộc hội

hợp trong triều. Ông hỏi khéo rằng: « Rau mình trồng, mình có thể ăn được không? » Tất cả trả lời được, và cho rằng điều đó rất hợp lý. Thế rồi vua Ta-Bài thông dân cùng đũa cháu, khiến cho mùa màng thất bát, thời tiết hạn hán, sông nước cạn khô, vạn vật chết dần chết mòn. Vua Ta-Bài biết mình đã loạn luân, phạm thượng nên trời đất quả phạt. Ông bèn triệu tập quốc dân để ông tạ tội. Ông nhờ dân đan cho một giỏ tre lớn, bỏ ông và nàng Ma-Hý vào trong, đoạn đem bỏ xuống sông. Ông tự khẩn rằng: nếu tôi có phạm tội với trời đất, thì tôi xin tạ tội và xin cho mưa để cứu vớt dân gian. Hiên nhiên, giỏ ông vừa thả xuống giòng nước, thì trên trời mây mưa đổ như thác, sông núi đầy nước, vạn vật đều vui tươi trở lại. Lúc nước tràn xuống sông, thì mực nước lên cao tới ngực, ông van cầu thần dân vớt ông lên; nhưng vì quá cảm ơn khi được biết ông là nguyên nhân của tai biến, nên họ nghĩ rằng tội ông có chết trôi cũng chưa đáng. Thế là cái giỏ tre cứ lơ lửng trôi đi, mang theo hai tâm hồn đọa lạc trên giòng nước lũ.

Mực nước mỗi ngày mỗi lên cao, và lúc giỏ trôi đến xóm Nhung thuộc hạt Hòa Đa thì trời

cũng chịu lòng dân mà giết chết hai người, rồi khai một đường tiêu giang chảy theo động các đê hai cái xác trôi ngược về miền đất. Xác ông thì tấp vào cái bèo nước trên gọi là Bào Ông, xác nàng thì vào cái phía dưới gọi là Bào Bà. (Người Chiêm gọi Bào ông là Ta Piech, Bào Bà là Da Ralang). Quần chúng ở xóm Xa-Bà-Ngũ (làng Mai lãnh tỉnh Bình-Thuận) theo lấy thi hài ông mang về hỏa táng, còn nàng thì để lại.

Vài hôm sau ở vùng Bình-Nhơn có một cô gái Việt xuống Bào gánh nước. Hồn nàng Ma Hý nhập vào cho người ấy về ứng thỉnh với xóm làng rằng nếu xác nàng được vớt lên an táng thì cả xóm làng sẽ được nàng phò hộ. Sau lời cáo báo đó, nhân dân cảm động liền đua nhau xuống bến ấy xem. Trong số, có 1 ông lão thành tự nhiên ứng thỉnh như người gánh nước vậy, làm cho toàn thể càng tin tưởng mãnh liệt ở sự hiển hách của nàng hơn nữa. Người đậu vải, kẻ đậu tiền, mua hòm an táng nàng chu đáo.

Về sau mỗi lần có bệnh dịch tả, hay tai biến trong làng, nếu có nhiều ông lão khẩn vái vong linh nàng thì thấy có hiệu quả ngay. Vì vậy, dân chúng hội họp lại, chung lưng, đấu sức dựng xây

cái miếu nhỏ thờ nàng. Thượng quan địa phương sau khi được làng trình báo những kết quả do sự hiển hách của nàng, liền báo cáo lên Tỉnh đường, rồi Tỉnh đường lên Bộ. Nhà Nguyễn thời bấy giờ thấy có sự lợi ích cho nhân dân, bèn phong tặng Nàng cái danh tịch Nam triều là Thủy Liêm Đại Động và cho tổ chức triều tế thường xuyên mỗi năm tại miếu đó.

Một hôm Lê-văn-Duyệt từ miền Nam oai hùng bỗng được mang binh ra trấn an ở Bình Định, vì ở đây có cuộc khởi loạn của Nguyễn Khôi và Bột. Vì lẽ đường giao thông trước kia phần nhiều theo chơn biển nên binh hùng của ông đã phải đi ngang qua tiêu lộ trước miếu bà. Đến đó, trời gần tối, ông phải dừng binh và dõn vào trong miếu Bà Thủy Liêm để nghỉ đêm. Kỳ hào nhơn lão trong làng thấy vậy ra bái yết ông và dặn rằng: Xin ngài đừng cho binh sĩ ngài tạm trú. Còn phía trong e va phải sự linh hiển của Bà. Thượng công liền đáp lễ phán rằng: « Các ông cứ để tôi không hề chỉ cả.»

Đoạn ông vào quỳ trước diện diện bà và khẩn rằng: « Bà là một vị thần linh hiển, cứu nhân độ thế, tôi là một vị tướng giúp nước phò vua. Ai ai ở trên vùng này đều nghe thấy và kính trọng sự hiển linh của Bà. Đêm nay, tôi nhờ Bà điều binh, khiến tướng âm linh, lập con rãnh từ Bào Bà ra Biển cho gần để có đường thuận tiện cho binh sĩ tôi đến nơi mau chóng hơn. Sau khi thắng trận về, tôi nguyện không quên ơn Bà, và tôi sẽ đệ đạt lên nhà vua tặng thưởng.»

Những lời thiệu nguyện được như ý, Lê văn Duyệt hoàn toàn thắng trận trở về và có ghé lại viếng Bà, nhơn lúc đó ông có khẩn rằng:

Xin Bà hãy xoay diện về hướng Bắc mới hợp cảnh. Còn ở hướng Đông thì nhằm con đường vắng lại của quần chúng. Có như thế Bà mới không thấy được sự xúc phạm, những điều nhờ nhờ của dân chúng.

Vì lẽ đó mà Điện Bà xoay về hướng Bắc đến ngày nay, nhơn dân vùng Bình-nhơn tín nhiệm sùng bái Bà và tặng Bà cái mỹ hiệu là Bà Cố Hý.



CHUYÊN DỤNG

CORTONYL

173 BVT 20 9 52

ĐẠI TÀI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Từ
YÊU TÌM
HỒI HỢP
MÉT
CHỐNG MẮT



TRUYỆN
NGOẠI
QUỐC

chết của link hồn

(La Mort
dans l'âme)

* Jean Paul Sartre

• NGUYỄN-HƯƠNG

Buổi chiều rơi chậm chậm, thành phố này như một nghĩa trang hoang vắng, những đám mây xám vẫn đục như nỗi buồn khôn của con người trước nghĩa sống của hiện tại và ngày mai. Đại lộ buồn lá úa, hai hàng cây im ngủ không buồn đến một tiếng thở dài, vùng trời buổi chiều vắng lặng đến buồn nôn.

CHẾT LINH HỒN

César vẫn cúi đầu rảo bước, tay thọc sâu túi quần, chàng chưa biết là sắp đi về đâu, làm gì dù trước đó mấy phút César định xuống cà-phê Les deux Margots uống một tách cho ấm lòng, luôn tiện gặp Marguerite tỏ bày với nàng những niềm u-uẩn ray rứt của tâm tư.

César cũng không đọc thấu được cõi lòng của chàng lúc đó vương bận những gì, băn khoăn những gì, chàng chỉ có một điều là cảm nghe một nỗi chán chường lảng đong rồi thẳm ra tận bờ môi khô héo đặng đặng.

Mọi gói thuốc đã nhàu nát còn duy nhất một điếu thuốc lẻ loi, cô độc nằm tận cùng kẹt giấy, César vò-nhep bao giấy quẳng vào giỏ rác bên vệ đường, ghé lại mời lửa với một ả gái điếm trên hè Champs Elysées. Mụ ta nhìn chàng, môi he-hé nụ cười héo tàn mời mọc, nhưng César đầu còn tâm thần nghĩ đến xác thịt, chàng bỗng nghe lợm giọng khi trong trí hình ảnh một con đàn bà lỏa lồ nằm khiêu khích một cách trần truồng lồ bịch, César tát nhẹ má mụ điếm bảo ỡm ờ :

— Mai mất nhé...

Mụ cầu nhàu :

— Lại chê già chứ gì... đồ ngu.

César chỉ cười khẽ, chàng lại thọc sâu vào túi quần bước đi, mồm phập phập điếu thuốc tóe ra một đám lửa yếu ớt, như linh hồn chàng khắc khoải một cách chán chường uể oải.

Bước vào hiệu cà-phê quen thuộc, gã bồi đã nheo mắt hỏi chàng như thói quen :

— Lại một cách cà-phê đen cho tí bơ phải không. César gạt nhẹ, César đi vào một góc tối, ăm ngồi chờ đợi, lát sau, một người con gái bước vào, đi lại phía kết thay cho người đàn bà. César hướng đôi mắt long lanh về phía nàng ; đoạn đứng lên đi lại kết :

— Marguerite, anh chờ em từ này giờ.

TRANG 72

CORTONYL

Tru
YẾU TÍNH
HỒI HỘP
MẾT
CHỐNG MẮT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

12, rue de la Harpe, Paris

— Chờ tôi, anh còn chờ tôi làm gì, tôi đã bảo là giữa chúng ta không còn gì nữa cả.

— Marguerite...

César chỉ kêu có vậy, chàng bỗng thấy cổ thắt nghẹn, một niềm đau đớn dâng lên, chàng không còn đủ lời đủ giọng để nói. Cúi đầu quay trở lại bàn, nâng tách cà-phê tợp từng ngụm nhỏ, chất nước đen sệt trong tách chao đi, César thấy đắng và khó chịu hơn thường lệ.

Một điệu nhạc buồn — bản Sous les Ponts de Paris — trời lên. César buồn mênh mang. Chàng đã mất, mất hầu như không còn gì từ tình yêu tới Marguerite, người con gái cách đó hai tuần lễ còn yêu chàng say đắm, còn dành cho chàng mùi thơm da thịt, hương tóc dịu dàng; César nhớ lại những buổi chiều trong rừng Boulogne, khi sương rơi mờ, hai người cặp tay nhau âu yếm đi dạo, Marguerite ngã vào vai chàng, mái tóc vàng tươi bay lộng gió tạt vào cổ chàng, Marguerite thủ thủ bên tai chàng:

— César ơi, anh là tình yêu thứ nhất và suốt đời em.

César đã ôm nàng trong đôi vòng tay nóng bỏng, trao cho nàng từng nụ hôn say đắm, chàng nghe tình yêu dâng ngập lòng, men ngây ngất như dậy lên mà chàng không bao giờ hết say.

Tình yêu ấy kéo dài trong nhung nhớ, nhưng César còn phải chui đầu vào học hành, chàng không thể bỏ hồng kỳ thi lấy chứng chỉ y-khoa năm thứ sáu vì đó cũng là năm quyết-định công trình học tập của chàng. Chỉ có thế, mà Marguerite giận, nàng không đến căn gác trọ nghèo nàn của César ở khu Latin nữa. César được tin nàng giận, lòng đau như cắt, vội vã ra cà-phê Les deux Margots một chỗ quen thuộc của hai người, vì nơi đó Marguerite ngồi làm kết se mỗi chiều từ mười tám giờ tới hai mươi giờ mà cũng là nơi hai người gặp nhau, yêu nhau.



Miền mang với bao ý tưởng, César quên mất cả thời gian trôi qua trong sự suy tư. Đến khi thấy Marguerite sắp sửa ra về, giật mình César vội gọi bồi tiễn rồi đi nhanh theo nàng.

Ngang qua đại-lộ St. Michel, César theo kịp Marguerite, chàng giữ chặt tay nàng:

— Marguerite, em nhớ đoạn tuyệt với anh sao?

Marguerite cau mặt khó chịu:

— Tôi đã nói với anh là chúng ta không còn gì để nói với nhau cả. Tôi đã hết yêu anh rồi... anh buông tôi ra...

Vẫn không buông tay Marguerite ra, César đau khổ:

— Em, anh biết là em giận anh nhưng hai tuần qua đối với anh như hai thế kỷ, em không biết là anh yêu em đến thế nào, anh nhớ em ghê gớm hay sao?

Marguerite vẫn lạnh lùng:

— Yêu tôi... anh bảo yêu tôi thế mà anh bỏ quên tôi để chạy theo mảnh băng. Tôi cần tình yêu của anh chứ tôi đâu cần băng cấp.

César vỗ đầu bức tái, chàng giải thích:

— Nhưng em không chịu hiểu rằng năm nay rất quan trọng, anh cần cố gắng để thu hái kết quả, bây giờ đã xong anh chỉ cần có em.

— Anh nói thật là dễ nghe, anh gạt hái kết quả, anh vui rồi cần gì tới tôi... mà tôi đã bảo là hết rồi, hết tất cả, anh có van xin cũng vô ích... tôi không còn yêu anh nữa.

Nói xong, Marguerite giật tay, bỏ mặc César đứng thẫn thờ nhìn theo bóng nàng khuất ở ngã quanh khu phố. César lầm lũi cúi đầu bước đi, lòng quặng đau vì tình yêu, thế là đổ vỡ, chàng không ngờ người yêu của chàng lại có thể thay đổi bất ngờ như vậy.

Lầm lũi đi, César tiến về phía quán Flore bước vào, đôi mắt đỏ ngầu, chàng gọi cùng lúc hai ly séc-dúp whisky rồi nốc cạn, nước mắt trào ra, César tủi cho thân thể, tủi cho lòng người, và tủi cho tình yêu vừa chết trong lòng chàng.

Bỗng nhiên César đập mạnh tay xuống bàn gọi bồi mang

thêm rượu, thái độ của chàng khiến mọi người ngạc nhiên. Một ả điếm ông ọ tiến về phía chàng, bá cổ kề miệng là lời gợi chuyện :

— Gì thế, anh giận ai mà nóng vậy ?

César nhướn đôi mắt lơ lơ nhìn ả gái điếm, mái tóc bông bênh, môi sắp đỏ choét, nụ cười đi thõa, cô ả câu khách :

— Nào, anh không mời em uống với anh cho vui sao ?

— Mời hả... uống hả... ừ uống đi, mà em tên gì Marguerite hả ?

— Không, tên em là Simonne.

— Ừ, Simonne thì được, còn Marguerite hả... tao đập vỡ mặt biết chưa. Ờ... Em đẹp lắm, uống đi, uống với tao cho vui... hà hà... đàn bà một lũ khốn nạn.

Tối hôm đó Simonne phải đưa César về phòng riêng của ả, Simonne tự nhiên hiểu tâm sự của chàng và thấy thương hại César hơn là toan đập đồ như lúc ban đầu. Nàng đi lấy nước ấm lau mặt cho César và quấy nước muối đồ cho chàng tỉnh lại.

Đến 4 giờ sáng, César bừng tỉnh dậy, nhìn sang bên cạnh, người con gái ngủ thiếp đi từ bao giờ, đầu nặng chịch choáng váng, César nghe khô cả cổ họng, chàng ngồi dậy, mệt mỏi đi tìm



nước, ực từng ngụm cho đã khát. Trở lại giường nằm, nhìn sát vào gương mặt cô ả, những vết phấn nhám nhỏ vẫn còn đọng trên má, César bỗng đứng nghẹn ngào, trong bóng tối nhờ nhờ, chàng bất giác thở dài chán nản, thấy thương hại người con gái năm đó hơn là ghét bỏ.

Người con gái chột ú ở những lời khó nghe làm César mĩm cười, chàng chải lại mái tóc, coi ví tiền còn hơn ba ngàn quan, móc để lại hơn một ngàn quan, chàng mang giày mở cửa ra về, không buồn để lại một lời già biệt.

Một mình giữa đường phố khuya về sáng, sương rơi lạnh lạnh, César kẹp hai tay sát vào lồng ngực, co ro bước, nện mạnh gót giày phát ra một âm điệu khô khan, áo nã, César thấy rằng cuộc sống hôm nay hoàn toàn giả tạo, hoàn toàn là những màn kịch, mà mỗi con người là một diễn viên. Hôm nay người ta có thể diễn vai trò chung tình ngày mai người ta lại diễn vai phụ bạc.

Một cảm nghĩ so sánh giữa đàn ông với đàn bà ai chung thủy, ai phụ bạc lóe lên trong đầu óc César, chàng chép miệng :

— Hừ, đàn bà... toàn một loại phụ tình như nhau.

César như thích thú với ý tưởng ấy, chàng đi nhanh hơn rồi vừa chạy vừa huýt sáo, thái độ của chàng lúc ấy như một cậu bé, lúc ngang nhà thờ thánh Phêrô, chàng dừng lại cầu nguyện :

— Xin thánh cả cho đàn bà chết hết trên cõi đời này, vì họ đều là hạng phụ tình a-men.

Xoa tay khoan khoái, César bước nhanh về phòng chàng..

Được biết tin Marguerite sắp sửa lấy một ông kỹ sư già về khoáng chất nhưng rất giàu, César như điên tiết lên, chàng gầm thét :

— Hừ đồ phản bội, thì ra mày bỏ tao để đi lấy một thằng già. Con ghen tức bộc phát mãnh liệt, chàng nhất quyết phải trả thù cho được Marguerite.

Ngày sáng được tin đó, César thay quần áo tới tìm một thằng bạn của chàng ở xóm Montparnasse hỏi mượn chiếc Peugeot 203 của nó :

— Ê Paul, mày giúp tao một hôm thôi nhé !

CHẾT LINH HỒN

— Gì.

— Cho tao mượn chiếc xe Peugeot của mày.

— Làm chi, lại đèo con Marguerite chứ gì ?

— Ừ !

— Một hôm thôi nhé.

— Đúng vậy.

Sau khi mượn được xe xong, César đợi tới hiệu cà-phê Les deux Margots gặp Marguerite bảo :

— Marguerite, anh muốn gặp em.

— Làm gì, tôi sắp có chồng rồi.

— Anh biết, nhưng anh chỉ cần mong gặp em lần nữa thôi.

— Chi vậy ?

— Anh muốn chúng ta sống lại kỷ-niệm đầu tiên mà cũng là cuối cùng trước khi mình vĩnh-viễn từ bỏ nhau.

— Anh quá mơ mộng, nhưng tôi rất tiếc phải từ chối.

— Từ chối cũng không được...

Vừa nói César nắm tay lôi Marguerite ra xe trước sự ngạc nhiên của mọi người. Marguerite vùng vằng la lên :

— Buông tôi ra, anh không có quyền, buông tôi ra.

Mặc, César kéo Marguerite ra tới xe, mở cửa đẩy nàng lên, rồi chạy vòng sang bên kia mở máy phóng đi. Marguerite mặt tái mét hỏi :

— Đi đâu ?

— Rồi sẽ biết.

Chiếc xe phóng nhanh trên đường phố, qua công trường Chiến-thắng, rồi công trường Concorde hướng về phía Fontainebleau. Marguerite hoảng hốt :

— Đi xuống đó làm gì ?



CHẾT LINH HỒN

Mặt vẫn lạnh lùng nhìn về phía trước, César nhấn mạnh ga, chiếc xe lao vun vút, hai hàng cây bên đại lộ như bị chặt ngã đổ vút về phía sau. Marguerite vẫn lo lắng, lần này nàng dịu ngọt lại với hy vọng làm César bớt cơn điên :

— César em van anh, hãy trở lại; César em van anh.

Bây giờ César mới nhếch môi cười, chàng bảo như đang mơ màng :

— Bây giờ em mới chịu van xin anh à... nhưng đã trễ lắm rồi Marguerite ạ.

— Trễ... tại sao trễ !

— Vì em hết yêu anh.

— Anh không thể bắt buộc em phải làm một việc khi mà em không muốn tiếp tục.

— Bởi vì tôi nghèo, bởi vì lão già Charles giàu hơn tôi chứ gì ? Hừ, đàn bà toàn một lũ phản bội cả, tôi không cần các người nữa...

— Vậy anh bắt tôi đi Fontainebleau làm gì ?

— Để nhớ lại kỷ-niệm.

— Anh điên mất rồi.

— Phải, tôi điên nhưng tôi còn yêu và tôi sẽ chết vì tình yêu em. Marguerite, anh yêu em, anh không muốn mất em. Chúng ta sẽ sống vĩnh viễn bên nhau.

— Anh muốn nói gì ?

— Ta cùng chết... hà hà... anh sẽ chết bên em.

Marguerite hoảng hốt kêu lên :

— Không thể được, César anh không có quyền làm như vậy.

— Không được cũng phải được không có quyền... ai cấm tôi. Tôi đã chết, Marguerite chính em đã giết linh hồn anh, chính em đã đem cái chết đến từ lâu, từ tận cùng tình cảm của anh dành



CHẾT LINH HỒN

cho em.. Bây giờ anh chỉ chết thề xác thôi, thề xác này sẽ vô nghĩa khi linh hồn đã chết. Marguerite em phải chết theo anh vì chính em là kẻ đã đang tâm giết chết tình yêu của anh, giết linh hồn anh, em là thủ phạm em phải đền.

Marguerite khóc lóc van nài César bình tĩnh lại, nàng nhận chịu sẽ bỏ lão già Charles và quay về với César, nhưng đã quá trễ, đối với chàng hiện tại quá tầm thường, cuộc sống hôm nay đối với chàng hoàn toàn vô nghĩa khi mà chính tâm hồn đang dần chết, đang gục ngã lịm dần.

César vẫn lạnh cười lên từng chuỗi lạnh-lãnh, Marguerite bỗng chụp lấy tay César, hét :

— César ngừng lại, César em không muốn chết.

Chiếc xe bỗng nhiên chao đi, đảo mạnh vào một lề đường nhằm vào một gốc xối, đâm mạnh rồi lật mấy vòng lửa phát cháy ra. Người ta vẫn nghe giọng cười của César vang lên từng chuỗi lạnh lãnh và những lời kêu gào khóc lóc của Marguerite.

Hai người yêu nhau đã chết. Thân thể họ bị cháy tiêu trong lửa hồng, người ta mừng rằng linh hồn họ đã phiêu bồng quyen lẫn nhau, nhưng không, linh hồn họ đã chết, chết trước lúc thân thể họ tan nát bởi vì xã hội hôm nay, con người luôn là những kịch sĩ diễn các màn phụ bạc, phụ tình rất là linh động. ●★



★ TÌNH CÂM

Chàng gặp nàng vội ngỏ lời :

Chàng : Em có biết là anh mang trong lòng một mối tình câm từ bao nhiêu năm rồi không ?

Nàng : Thế nó bảo anh sẽ tặng em chiếc xe huê-kỳ hay chiếc nhẫn hạt xoàn hở anh ?

Chàng : ! ?

TUYÊN - NGÔN

của

TAO-ĐÀN BẠCH-NGA

(tiếp theo P.T. 139)

VỀ thực tế, lịch sử không đợi sự có mặt của tập thơ "Hoang-Vu" trường thơ Bạch-Nga mới chứng tỏ sức sống của nó. mà ngay từ 1934, 1935, và kể tiếp về sau, nhiều thể thơ của trường thơ Bạch-Nga đã được một số thi-sĩ mặc nhiên công nhận. Sau khi "Tập thơ đầu" ra đời với các thể thơ Bạch-Nga mới lạ, thì kế tiếp quyền kịch thơ *Ảnh Nga* của Phạm-Huy-Thông đã áp dụng thể thơ 8 chữ vẫn tréo theo chủ trương của Bạch-Nga :

Hãy cùng ai, nơi hương hoa, quyến luyến
Ngắm vườn lam ngây ngất dưới giăng ngà
Vì đâu biết rồi tàn, giếng xuân biển,
Và vùng hồng sẽ tắm nắng chân mây xa

Thình thoảng Huy-Thông còn dùng lộn xộn câu thơ 9 chữ trong một bài thơ 8 chữ (như câu thơ thứ 4 trên đây). Xuân-Điệu cũng đã thình thoảng áp-dụng thể thơ 8 chữ vẫn tréo.

Và nhạc phần dưới chân mừng sánh bước
 Và tơ giảng trong lời nhỏ khời ngoài ;
 Tà áo mới cũng say mùi gió nước.
 Rặng mi dài xao động ánh dương vui

(Thơ Thơ - 1938)

Huy-Cận đã dùng thể thơ 4 chữ vần tréo :

Xuân gọi tràn đầy
 Giữa lòng hoan lạc
 Trên mình hoa cây
 Nắng vàng lạt lạt

 Hai hàng cây xanh
 Đâm chồi hy vọng
 Ôi duyên tốt lành
 Ên nàng đưa vông...

(Lửa Thiêng - 1940)

Anh-Thơ trong 'Bức tranh Quê' triệt đề áp dụng thể thơ 8 chữ vần tréo :

Mưa đỏ bụi êm đềm trên bến nắng
 Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi.
 Quán tranh đứng im lìm trong vắng lạnh
 Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời

Hàn-Mặc-Tử cũng đã dùng thể thơ 5 chữ vần tréo, tuy vần không đều :

Dầu ai không mong đợi
 Dầu ai không lắng nghe
 Tiếng buồn trong sương đục
 Tiếng hờn trong lũy tre

(Gái quê - 1936)

Chế-Lan-Viên áp dụng nhiều nhất thể thơ 8 chữ vần tréo :

Rồi cả một thời xưa tan tác đờ ?
 Dấu oai linh hùng vĩ thấy gì đâu ?
 Thời gian chảy, đá mòn, sông núi lở,
 Lòng ta luôn còn mãi vết thương đau.

(Điều tàn - 1937)

Lưu-Trọng-Lưu, dùng thể thơ 5 chữ vần liền và vần tréo :

Giời hết một mùa đông
 Gió bên thềm thổi mái.
 Qua rồi mùa ân ái
 Đàn sếu đã sang sông.
 Em ngồi trong song cửa
 Anh đứng dựa tường hoa
 Nhìn nhau và lệ ứa,
 Một ngày một cách xa.

(Tiếng Thu 1939)

v.v...

Trong bài diễn thuyết tại Hội Khai-Trí Tiến-Đức, Hà-Nội, tháng 2 năm 1936, Trương Tửu đã quả quyết như sau đây :

« Tôi tin rằng không sớm thì chầy, các thể thơ Bạch-Nga sẽ được thông dụng trong Thi-dàn Việt-Nam. Hiện giờ thơ Bạch-Nga bị báo Phong-Hóa công kích, nhưng điều ấy sẽ không ngăn cản được sự bành trướng của trường Thơ Bạch Nga mà, trừ Thế-Lữ ra, có một số đông thi-sĩ tán thành. Thơ Bạch Nga nhất định không chết.»

Nay chúng ta thử xem lại sau 30 năm qua, thơ Bạch Nga có tiến triển không ? Từ sau chiến tranh đã xuất hiện vô số những bài thơ phóng túng, quá Tự-do, đã phá tất cả luật lệ, vần, điệu, viết hoàn toàn như văn xuôi. Mặc dầu vậy, đa số những nhà Thơ của Thế-hệ trẻ ngày nay đã chán bỏ các loại Thơ «tự-do» mà trở về đi tìm một lối thơ có quy cũ hơn, có vần điệu, mà vẫn không gò bó chật hẹp như các loại thơ cũ. Họ đã tìm thấy chưa ?

Xin thưa: Rồi! Từ vài năm nay, chúng ta đã thấy đăng trên các báo, và trong các thi phẩm mới xuất bản, những bài thơ 4 chữ, 5 chữ, hoặc 8 chữ, vần liền hoặc vần tréo, theo đúng các loại thơ mà trường Thơ Bạch-Nga đã chủ xướng từ năm 1934 và đã tiếp tục phổ biến trong tạp chí Phổ-Thông từ 6 năm nay. Một số các thi-sĩ hiện đại đã làm thơ Bạch-Nga mà không biết, cũng như trong bản kịch của Molière ông Jourdain đã viết văn xuôi mà không ngờ.

Lịch-sử Văn-Học Việt-Nam đã xác nhận rằng Thơ Bạch-Nga khởi xướng từ 1934, nay đã mặc nhiên trở thành sản phẩm của xã-hội, hậu quả tự nhiên của sự tiến triển không thể tránh được của thi-ca Việt-Nam giữa thế kỷ XX. Đối với thời tiền chiến, thơ Bạch-Nga bị Thế-Lữ và Hoài-Thanh công kích là lập dị (xin nhắc lại là hai người ấy vẫn công nhận giá trị của Thơ Bạch-Nga 2 chữ và 7 chữ), nhưng với Thế-hệ hiện đại, thơ Bạch-Nga đã giữ địa-vị «trung dung» giữa các loại thơ cũ và các loại thơ phóng túng không vần không điệu, phủ nhận cả nguyên tắc nòng cốt của Thơ, nghĩa là phủ nhận thơ.

Giữa lúc một số bạn trẻ vô tình xô đẩy Thơ phóng túng xuống một hố thẳm sa-đọa mỗi ngày mỗi trầm trọng, mỗi cuồng loạn, gây ra ảnh hưởng vô cùng tai hại cho thế hệ thi-ca đương thời, trường Thơ Bạch-Nga vẫn luôn luôn trung thành với chủ trương thuần túy của nó: góp vào công cuộc xây dựng một xã-hội thuần túy, tốt đẹp, và nâng thơ Việt-Nam lên nhiệm vụ thuần túy cao cả của nó.

Trường Thơ Bạch-Nga gạt bỏ tất cả mọi nguy-biến viễn vông, giả tạo và suy đồi, không thích hợp với tinh thần dân tộc Việt-Nam.

Bản Tuyên-Ngôn Tao-Đàn Bạch-Nga trên đây đã vạch rõ đường hướng tiến đến sự thực hiện một trường Thơ đặc biệt, với đầy đủ mọi khía cạnh về hình thức hòa hợp với chất của thi-ca:

Tao-Đàn Bạch-Nga nhận thức về chiều hướng văn-ngệ ngày nay và mãi mãi song song với hoàn cảnh lịch-sử, để xây dựng một đời sống tinh thần mới, một ý thức xã-hội hôm nay. Ý thức đó đã phải trải qua nhiều cơn sốt lịch-sử, không chỉ thu hẹp trong phạm vi quốc-gia, vì loài người ngày nay đang gánh chung một định mệnh. Loài người đang đau khổ vì chiến tranh, đang oằn-oại trong đói khổ và bạo lực. Văn-ngệ cũng mang đầy dân-tộc tính phù hợp với nếp sống thực tại của con người hôm nay.

Khi mà nhân dân trên thế-giới phải trải qua hai trận chiến tranh tối phi-lý của một kỷ-nguyên cơ giới hoành-hành, tình yêu đồng loại đã mất, nhất là con người hôm nay mất hẳn niềm tin về Đấng Tạo-Hóa, mất hẳn nơi an dựa tinh-thần, để đi hoang giữa cuộc đời mông mênh, như một cành củi khô lạc lỏng trên giong đời. Cảnh đời dưới tầm mắt bi-đát của người trí-thức văn - nghệ là một khoảnh tâm-u của hư-vô... Hư-Vô Chủ-nghĩa đang lan tràn và gieo rắc bao nhiêu sự kinh-ngạc, góm guốc vào lẽ sống ở đời. Những ý niệm về siêu hình đối với khoa-học trở thành những ý-niệm mù mờ nhảm chán, báo hiệu sự sụp đổ nền móng Siêu-hình-học của Tây phương và làm tan rã Tâm-thức lớn trong Văn-học nghệ-thuật ngày nay. Nhưng về Văn-học và Thi-ca của chúng ta, trường thơ Bạch-Nga sẽ tìm lại niềm phấn khởi, hòa hợp với thiên nhiên vạn vật, nói lên tiếng nói êm đẹp và xây dựng một xã-hội hướng thiện. Ở đây không có nghĩa là một công cuộc viễn vông, nhưng bằng mọi phương diện sẵn có, về tư-tưởng thi-ca, về đường lối phổ biến sâu rộng vào nhân gian, thốt lên tiếng nói thành thật rung cảm của đất nước và loài người. Thơ Bạch-Nga là những văn thơ hòa-hợp với mọi hình-thức nghệ-thuật, từ cổ-diễn đến tự-do, nhưng *Tao-Đàn Bạch-Nga* vẫn giữ riêng về đặc biệt về *tiêu-chuẩn và hình-thức* đã diễn giải rõ ràng ở trên. Tiếng Thơ của Tao-Đàn Bạch-Nga cũng sẽ lắng sâu vào lòng Dân - Tộc, với cả tâm-hồn, sáng-tạo của người Thơ. Và sẽ mang nhiều ánh sáng của Đạo Tình gieo rắc xuân ấm áp vào tâm hồn con người mãi mãi.

Làm tại Tao-Đàn Bạch - Nga
Saigon, mùa Thu 1962



★ DANH NGÔN

Giàu sang không đời được tâm mình, nghèo hèn không thể đời được tiết khí mình, uy quyền không thể chinh phục được lòng mình.

MẠNH-TỬ

THÂN THỂ VÀ
SỰ NGHIỆP NHÀ
ĐẠI TRIẾT - HỌC

DO
THÁI

FREUD

★ Thái-Dương

(liếp theo P.T. 139)

KHÔNG phải chỉ mình bạn kiểm duyệt là yêu tố làm méo mó giấc mộng, cần phải ghi thêm vào những biểu tượng là cái vẫn nói lên những ý nghĩ đang tiềm tàng. Vì thế mà trọng phép đoán mộng của người dân xưa, biểu tượng đã thực hiện được một phần nào. Theo Freud thì biểu tượng có thể cấu thành một chương đặc biệt trong thuyết đoán mộng. Chỉ một thiếu số người và đồ vật có biểu tượng ở trong mơ, thì dụ như vua và hoàng hậu làm biểu tượng cho cha và mẹ, những con thú vật nhỏ biểu tượng cho con cái, anh chị em. Nhà cửa làm biểu tượng chung cho loài người, những cái nhà có tượng trên lán là đàn ông, những cái nhà có mái hiên, bàn lán là đàn bà. Bộ phận sinh dục của người đàn ông cũng có rất nhiều biểu tượng hoặc con rắn, con cá, cành cây, gốc cây, cái gậy, cái dù, gươm, đao, dao găm, súng lục, súng dài, vòi nước, đèn, chìa khóa, cán bút, máy bay, quả bóng. Bộ phận sinh dục của người đàn bà cũng chẳng kém nào con sên, con ốc, cái hăm, cái hang, cái bình, cái chai, cái hộp, hộp đựng nữ trang, cái ví, cái va-

FREUD

li, cái túi, đôi giày, cái phòng, cái lò, cái vườn, cái tàu, lâu đài v.v... Cái mũ thì có lúc là biểu tượng cho cơ quan sinh dục của đàn ông, có lúc lại là cơ quan của đàn bà. Các thứ quả như táo, đào, biểu tượng cho đôi vú hay mông của người đàn bà. Rừng và khóm cây cũng tượng trưng cho cơ quan sinh dục. Sự giao hợp cũng có những biểu tượng riêng của nó thí dụ như, múa nhảy, cưỡi ngựa, bay lên, trèo thang, bị dọa bắn giết, bị xe cán. Kẹo, bánh đồ ngọt biểu tượng cho khoái cảm v.v...

Những biểu tượng của mộng này đã được bác sĩ Schrotter thí nghiệm vào năm 1912 (chỉ tiếc rằng sau đó ông tự tử chết mất trong lúc cuộc thí nghiệm đang tiến hành. Bác sĩ Schrotter đã bắt người mộng những đề tài ông cho. Thí dụ như ông bắt người nằm mộng đến những cuộc giao hợp bất thường (khi đã thôi miên cho người ngủ rồi) thì y như sau đó người ngủ mộng thấy những gì có liên quan đến những biểu tượng vừa kể trên. Thí dụ ông bảo một người đàn bà hãy mộng thấy mình

đang lộn xộn với một cô bạn gái, thì sau đấy lúc tỉnh, người đàn bà kể rằng «tôi mộng thấy người bạn gái đến tay cầm 1 cái ví đi đường lớn và có nhãn hiệu «dành riêng cho phụ nữ.»

Những biểu tượng đại khái như thế chúng ta thường gặp trong nhiều câu chuyện thần thoại, cổ tích, tiểu lâm, châm ngôn, ca dao bình dân v.v... Công việc phân tâm đã đưa ta tìm đến với rất nhiều thứ khoa học tinh thần, khoa học của các đạo giáo, tâm lý dân chúng. Nhờ sự tìm kiếm do phép phân tâm mà chúng ta mới thấy được trong cuộc sống tâm linh của cá nhân những sự kiện để giúp cho chúng ta giải quyết hoặc đưa ra ánh sáng những bí hiểm ở trong cuộc sống tập thể.

Ai từng đi lính, nhất là trong đồn lính Pháp sẽ nhận thấy có nhiều biểu tượng kể trên mà chúng ta có thể mệnh danh là những «symboles Freudiens» ở trong các bài ca, và những câu chuyện vui đùa của trại lính.

Mặc dầu không bị lệ thuộc vào sự kiểm duyệt, những biểu

tượng cũng có một cái gì làm cho giấc mộng trở nên khó hiểu kỳ dị.

Giấc mộng đã giúp cho ta tìm được những ý nghĩ tiềm tàng, ngược lại cũng thế, chúng ta có thể thấy những ý nghĩ tiềm tàng trở thành mộng.

Trước hết chúng ta gặp sự thèm muốn (désir) những thèm muốn do từ Vô-thức đến và lắm khi gặp thêm những sự thèm muốn khác ở trong ngày tới phụ giúp cho những sự thèm muốn trước không được thực hiện và đã bị dồn ép đi. Trong giấc ngủ, cái tôi đang tự cô đọng vào trong tôi, ban kiểm duyệt thường vẫn hoành hành ở cuộc sống tâm linh cũng kém hoạt động, có khi mất hẳn. Những khuynh hướng bị dồn ép như được giải phóng. Nhờ thế mà giấc ngủ cho phép tạo nên mộng vì nó đã dẹp bớt sức hoạt động của ban kiểm duyệt.

Có những sự ích kỷ, sự vô luân thường của những thèm muốn đến kích động cơn mộng. Cởi rã bắt nguồn từ thuở quá khứ, có khi xa lắc. Ở nguyên thủy của nhiều giấc mộng, chúng ta gặp mỗi phức

tạp E lipe bên dưới. Do đó mộng là những mảnh âu thời trong cuộc sống tâm linh ngày nay đã bị vùi chôn, hiện tượng của sự đi lùi về dĩ vãng.

Những khuynh ý dồn ép, trôi lên trong vô thức tạo thành những thèm muốn bất hợp pháp, cộng thêm với những thèm muốn, mơ ước trong ngày. Tất cả mọi giấc mộng đều có pha lẫn một ít cảm nghĩ ban ngày.

Giấc ngủ thường đặt con người trước những sự trái ngược với lòng mong ước, lo sợ, ý nghĩ buồn rầu v.v...

Tuy vậy cũng có khi ngược lại, giấc mộng cho ta hưởng toàn những sự tốt đẹp hoàn hảo.

Lệ thường có những cảm nghĩ trong ngày ngược ngạo lại hay chen lẫn vào mộng. Những ý nghĩ vô thức không thể cứ như thế mà chịu được vào trong tiền thức. Muốn vào đây nó cần phải cặp đôi với những ý nghĩ hình ảnh gì không quan hệ đã có sẵn, bảo bọc cho nó. Đây là hiện tượng của sự chuyển chuyển.

Khi ta ghi một giấc mơ lên độ nửa trang giấy lúc phân-

tích, tìm những ý tiềm tàng nó có thể kéo dài đến 3 trang giấy. Một nhà tâm phân, Silberer đã thí nghiệm nhiều lần, thử xem cái biên thể của ý nghĩ trừu tượng thành hình ảnh nó ra sao. Đợi lúc thật mệt, thật buồn ngủ, ông cố gắng tiếp tục làm việc; những ý nghĩ dần dần biên thể, ông thấy có người đến thay thế cho mình. Một lần nữa ông đang cố gắng chữa một đoạn văn khó khăn, ông mơ thấy mình đang ngồi bào gỗ.

Một lần khác ông cố gắng so sánh hai tư tưởng của Kant và Schopenhauer về thời gian và chỉ mới hiểu được có một phần ông mơ thấy đến hỏi tin tức một người thư ký cáu kỉnh, ban đầu không thèm trả lời ông, sau ném cho một cái nhìn giận dữ như muốn đuổi ông đi.

Freud đưa ra một vài thí dụ mà ông đã nghiên cứu lấy kinh nghiệm của bản thân mình.

Thí dụ câu chuyện nàng Irma, một người bà con, một bệnh nhân mà ông đã săn sóc nhưng rồi vì có sự xích mích với ông nên Irma bỏ dở không

lui tới chữa bệnh nữa. Một Bác sĩ bạn tên là Otto mách với ông rằng Irma bệnh nhiều hơn. Nghe nói Freud liền làm một bản kê khai về tình trạng của Irma rồi giao cho Bác sĩ M. là nhân vật quan trọng nhất trong nhóm. Đêm sau (23-24 Juillet 1895) Freud nằm mơ thấy có một buổi tiệc, ông gặp Irma và nói chuyện với nàng, ông trách nàng sao không theo lời để nghị của ông, Irma trước vẫn hồng hào sao đây lại xanh và xỉ xỉ ra. Nàng kêu đau trong họng. Freud đưa nàng đến cửa sổ bắt nàng há miệng để khám họng, nàng ngáp ngừng, hết như sự ngáp ngừng của những người mang bộ răng giả nên xâu hở không muốn há miệng. Trong miệng nàng có một vật trắng, ở cuống mũi lại có đầy vảy. Freud gọi Bác sĩ M. đến, nhưng sao bác sĩ M. lại thọt chân và không có râu ở cằm. Các bác sĩ Otto và Léopold đều có mặt tại đây, bác sĩ Léopold gõ vào ngực nàng qua cái yếm, tìm ra được 1 chỗ da bị cái gì lẫn vào ở gần vai bên trái. Bác sĩ M bảo đây là có chỗ sinh độc lở loét. Otto liền tiêm cho Irma 1 ống

thuộc gồm những chất pro-pyle... propylène... acide propionique... triméthylamine (mà cái công thức in bằng chữ lớn)... chắc rằng ông tiêm không sạch lắm?

Giấc mộng này thực hiện những ý muốn ban ngày (câu chuyện do bác sĩ Otto đến mách và bản kê, khai ông đã viết gửi bác sĩ M. Cái ý muốn của Freud là không thích bị mang trách nhiệm vì bệnh của Irma, vì thế mà có nhiều chi tiết xảy ra trong mơ : thí dụ như Irma đã lắm không chịu nghe lời đề nghị của Freud. Những sự đau đớn phát sinh từ các quan bên trong, vì nàng Irma góa chồng (chất triméthylamine bắt người ta nghĩ đến những hiện tượng về tính dục). Lý do vì bị chích vào những chất không thích hợp, hoặc vì cái ông tiêm không sạch. Freud báo rằng «quả là tất cả mọi chi tiết tuy lắm chỗ không tương đồng nhưng đều ngụ ý muốn biện hộ cho tôi.

Những sự biện bạch ấy (ở trong giấc mơ vừa kể) bắt chúng ta phải nghĩ đến 1 người bị ông lảng giềng trách sao anh mang giả tôi cái chào thủng. Người kia biện bạch rằng cái chào không thủng, hoặc cái chào đã thủng từ trước, hoặc tôi không hề mượn chào của anh bao giờ. Ba lời cãi ấy muốn nhận lời nào cũng được miễn người này sạch lỗi.

Irma được thay vào hình ảnh một người bệnh khác xanh xao và xỉ xỉ ra. Hàm răng giả cũng là của một bệnh nhân khác nữa. Bác sĩ M. lại giống hình ảnh người em trai của Freud thật và không có râu. Một vài chi tiết nhắc đến thời quá khứ xa lắc : những vết trắng ở họng là vì ngày xưa 1 cô con gái của Freud bị sưng phổi, những vảy nổi ở cuống mũi là 1 chứng bệnh đang dọa dẫm chính ông, vết thương ở vai bên trái là chứng phong thấp của ông mỗi khi ông thức khuya, v.v...

GASTROPAN
 Thị: ĐAU BAO TỬ
 Ở CHUA - ĐẦY HƠI

Ngoài ra Freud còn nghiên cứu những giấc mộng của người khác, thí dụ một anh chàng ngủ mơ thấy mình đi xa, có cái xe chở hành lý theo. Trong số hành lý có hai cái rương thật lớn màu đen. Anh chàng bảo với bạn rằng : « hai cái rương này không theo ra đến nhà ga đâu ».

Hai cái rương là biểu tượng cho người đàn bà, anh chàng tỏ cáo sự có hai bà của mình, hai bà ấy tóc đen mà chàng ta không muốn cho đi theo mình về Vienne.

Một bệnh nhân khác kể rằng : Tôi mơ thấy đi xe hỏa, xe hỏa ngừng ở giữa đồng quê, tôi tưởng rằng xe bị tai nạn, cần phải tìm lối thoát ; tôi bèn chạy băng qua tất cả mấy toa khác và giết hết những nhân viên hỏa xa và hành khách mà tôi trông thấy.

Sự thật, theo Freud phân tích thì ra Ông ta vừa gặp lại người yêu cũ ở rạp hát, một cô gái mà xưa kia ông định cưới làm vợ, nhưng sau này ông ta bỏ ý định vì nàng cứ

làm cho ông phải nổi cơn ghen hoài. Sự đi băng qua nhiều toa trên xe lửa là biểu tượng cho sự đám cưới. Sự xe lửa ngừng là kỷ niệm một chuyện đi của ông ngày trước, độ ấy xe lửa cũng bị ngừng, một bà hành khách ngồi cạnh dạy cho ông rằng trong trường hợp xe lửa ngừng bất thường như thế thì nên dỡ hai chân lên cao. Sự dỡ chân lên cao đã nhắc đến một cuộc đi chơi ra đồng với người yêu mà ông định cưới. Ông ta tự nhận mình với một kẻ điên mà có lần ông ta nghe kể rằng trong chuyến xe hỏa người điên ấy đã giết một hành khách. Ông ta suy luận rằng nếu mình cưới cô nàng, mình sẽ trở thành điên vì ghen, mình sẽ giết hết tất cả những ai mình gặp...

Ngoài ra Freud lại còn phân tích cả những giấc mơ cổ. Thí dụ như một giấc mơ của Bismark (nhà chính trị trứ danh của nước Đức), kể trong tập kỷ niệm của ông. « Mùa xuân năm 1863 Bismark thấy mình quần ngựa trên một con

PNEUMOREX
 Trị các chứng ho
HỒ KHAN HỒ ĐÀN
 SỨC CƯỜNG PHỔI. SUYỄN

THUỐC HO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM VIÊN VÀ SIROP

đường mòn ở núi Alps. Không làm sao tiền hay lùi hoặc xuống ngựa được, ông bèn dùng roi ngựa đập vào bức tường, cái roi dài dền vô tận. Bức tường bỗng mở toang và hiện ra một xứ đầy rừng như xứ Bohême, nhiều đoàn quân Prusse với ngọn cờ phất phới.

Đoạn thứ nhất nói đến sự khó khăn mà độ ấy Bismark đang gặp, đoạn hai, phá vỡ những nỗi khó khăn gay cấn là ý muốn của ông. Bên cạnh niềm vui tượng trưng ấy còn những hình ảnh đơn giản hơn, hình ảnh những ngọn cờ Prusse với nhiều quân lính hiện ra trên miền Bohême thực hiện ước mong một trận toàn thắng đàn áp nước Áo. Cái roi ngựa dài vô tận là biểu tượng của dương vật, ông cầm roi ở tay trái nhắc đến những tập tục ngày bé trở về. Một giấc mộng thấy có chiến tranh và toàn thắng thường che đậy một sự sẵn chiêm thuộc tính dục yêu đương. Ở đây thì sự xảy ra

ngược lại. Phải chăng đó là một thí dụ rõ ràng về sự chuyển hướng ban kiểm duyệt không bị sức mẽ mà lòng thêm muốn cũng được thực hiện.

Những sự đối lập chính, chồng lại với lý thuyết của Freud bảo rằng Freud hay tìm những giấc mộng dị kỳ, những ác mộng. Có thể trả lời rằng khi phân tích một giấc mộng ta đâu đã biết được nó chứa đựng những ý thềm khát gì.

Một bà đến biện bác với Freud đã kể: « Tôi mộng thấy muốn làm một bữa tiệc mời các bạn, nhưng không mua sắm gì được vì gặp ngày chủ nhật, cũng không gọi điện thoại được vì máy hỏng, thế là tôi đành dẹp bỏ ý định mời tiệc. Cảm giác bức tức: Freud phân tích rằng trong số khách định mời có 1 người bạn gái rất được ông chồng của bà náy ưa chuộng, cô bạn gái hơi gầy mà ông chồng thích loại đàn bà béo tốt. Bà ta sợ mời ăn thì cô bạn sẽ béo ra nên

đành dẹp bữa ăn lại, không mời nữa.

Một người nữ bệnh nhân trí thức mơ thấy ra miền quê với mẹ chồng. Có gì đâu, chỉ vì bà bệnh nhân nấy muốn gặp Freud để cãi lý sự với ông, nói rằng ông lắm...

Còn những giấc mộng khổ sở có thể đây là vì nó thực hiện những ý nghĩ xưa cũ đã biến hẳn ở trong ý-thức. Thí dụ mộng thấy người thân mình chết. Một bà mẹ mơ thấy cô con gái yêu quý mười lăm tuổi của mình phải chết, nằm trong cái hộp giầy, giấc mơ ấy nhắc đến ngày xưa lúc mang thai bà ta có ý nghĩ phá thai.

Ác mộng là sự thực hiện không dấu diếm nhưng sự thềm muốn đã bị dồn ép — sự lo sợ đi cùng với sự thực hiện được đã làm chức vụ của ban kiểm duyệt.

Con người lo sợ trước những thềm muốn quá mạnh, thí dụ thềm muốn về tính dục mà con người vẫn cố đè nén. Ác mộng thường làm cho con người giạt mình giậy sau đó. Chỉ vì mộng là kẻ canh gác cho giấc ngủ, nhưng ở đây chú lính gác cảm thấy bất lực, đành phải

thức người nằm ngủ trở dậy vì một chú lính không đòi phó được.

Freud nhận rằng có những sự khó khăn cho nhà phân tâm khi gặp hoàn cảnh những người bị tai nạn, bị ngoại thương, như thời chiến tranh, hay mộng lại cảnh cũ. Vào những hoàn cảnh ấy ta đành phải công nhận rằng: « Mộng không làm được bòn phận của mình. »

Chúng ta có thể kết luận: « Mộng là một sự mưu toan để thực hiện cái mình thềm muốn ».

Nghiên cứu mộng để đi đến sự tìm biết cái vô thức, nhờ mộng mà nhà phân tâm mới tỏ rõ được cuộc sống tâm linh vô thức của con bệnh.

Mặc dầu người mạnh khỏe cũng hay mộng nhưng mộng vẫn có tư cách bệnh hoạn, đây là một thứ cuồng loạn, hôn mê, trình bày những kết hợp về tâm linh bất thường, những triệu chứng thuộc về bệnh thần kinh. Những ý nghĩ cuồng loạn mà các bác sĩ rất hoan nghênh khi bắt tay vào việc điều trị.




 tri các chứng ho
HO KHAN HO ĐÀM
 SÙNG CƯỜNG PHỔI. SUYỄN
THUỐC HO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM

VIÊN VÀ SIROP

nú gót chân yêu



★ ĐÀO-THANH-KHIẾT (Philippines)
(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Hôm nao lạc đến giáo-đường 'em,
Nghe tiếng hát ca thật êm đềm
Hòa lẫn tiếng kinh, lời khẩn nguyện
Khắp nơi hoan-lạc với bình yên.

Những con chiên Chúa thật hiền ngoan,
Chịu kiếp làm người xuống thế-gian,
Lặn lội hòa mình cùng thế-tục,
Chỉ cho nhân-loại nẻo Thiên-đàng.

Sống ở trần-ai tội đã nhiều
Nên ta muốn nú gót chân yêu
Theo về với Chúa nhân-từ đê
Thoát khỏi kiếp người, kiếp khổ đau!

Em là Thiên-sứ đẹp muôn nơi,
Con Đức Chúa Cha ở trên trời,
Lòng trắng trong như tờ giấy trắng
Ta người phạm tục có nên chăng?

Nhân giải Nobel
Hóa-Học năm 1964

Bà

CROWFOOT
HODGKIN



và SINH
TỔ
CẦN YẾU CHO ĐỜI SỐNG

★ Võ-quang-Yến
(Paris)

VIỆN Hàn lâm khoa - học
Thụy - Điển năm nay ban
thưởng giải Nobel hóa
học cho bà Dorothy CROW-
FOOT-HODGKIN đã có công
khám phá tổ chức cấu tạo của
nhiều phân tử hóa chất rất quan
trọng cho đời sống chúng ta :
những sinh tố như vitamin B12,
những chất thuốc kháng sinh như
pênicilin cùng những vi sinh
như cực trùng hình khâm trong
thuốc lá. Năm nay 54 tuổi, bà
hiện là giáo sư môn tinh học ở
Viện đại học Oxford bên Anh.
Bà là người đàn bà đầu tiên
được hân hạnh tiếp đón ở Royal
Society Anh và là người đàn bà
thứ ba được lãnh giải Nobel hóa
học sau bà Marie CURIE (1911)
và bà Irène JOLIOT-CURIE
(1935) cùng chia giải với chồng.

Công trạng của bà Crowfoot-
Hodgkin là đã thành công dùng
phương pháp phân giải bằng
quang tuyến X để thiết lập cấu
tạo những hóa chất quan trọng
kia. Nói như Viện Hàn lâm khoa
học Thụy-Điển, bà đã biết «điều
hòa ba đức tính học thức, tưởng
tượng và ngoan cố» trong công
tác của bà. Thật vậy, những
phân tử hóa chất nhỏ nhắn biết
bao, nhất là những phân tử bà
học hỏi lại còn phức tạp, khó

thấy, cần phải kiên nhẫn và khéo léo vô chùng mới đạt được đến đích. Trong thời đại này, sinh tố và thuốc kháng sinh lại được đem dùng khắp nơi, biết rõ cấu tạo là một chuyện hết sức cần thiết một mặt để biết thêm tác dụng, một mặt khác để dễ kiểm cách nhân tạo chế ra.

★ Sinh tố cần dùng hằng ngày

Cơ thể con người hằng ngày cần một số lượng sinh tố để những cơ quan vận dụng được điều hòa. Trung bình mỗi người trưởng thành cần mỗi ngày 80mg vitamin C, 1,5mg vitamin B1, 2,2mg vitamin B2, 16mg vitamin PP, 0,2 vitamin A, 0,003 mg vitamin D.

Nhưng tùy theo tuổi tác, tính khí, công việc làm ăn hay nơi chốn sinh sống mà số lượng sinh tố cần thiết nói trên cũng thay đổi. Người nước ta có năng suất quanh năm lễ tất nhiên ít cần vitamin D hơn những người sống ở miền bắc cực luôn sống trong sương tuyết, mây mù. Người lao công vận dụng bắp thịt nhiều phải hấp thụ vitamin C và B hơn các người khác. Hai vitamin này giúp cho cơ

thể tiêu dùng những chất đường bột có sẵn trong đồ ăn. Trẻ con đang lớn lên cần vitamin A và D để điều hòa thăng bằng calci/phôtphi trong thời kỳ cơ thể đang thu nhập chất calci-phôtphát. Người đàn bà có mang cần đủ mọi thứ sinh tố để dưỡng thai được tốt, nhất là vitamin E đặc biệt cần trong công cuộc này. Người đàn bà cho con bú cũng cần nhiều vitamin để chuyển lại cho con.

Những sinh tố thường cần tìm ở đâu ra? Vitamin C nằm trong cây trái. 80mg có thể chứa trong 90g cải xanh, 80g cải xon, 16g (2-3 trái) cam, 228g cà chua chín, 285g gan heo, 570g khoai tây... Vitamin B1 có vừa trong thảo mộc vừa ở thú vật. Thường người ta tìm 1,5mg trong 375g gan heo, 500g đậu (Hà-lan) tươi, 750g bánh mì, 2500g vậ khô... Vitamin B2 thường đi đôi với vitamin B1. 2,2mg chứa trong 100g gan heo, 450g phó mát (Camembert), 980g rau mồng tơi, 1700g sữa tươi... Vitamin PP thường gặp với các Vitamin B. Ăn 100g gan bê, 750g trái chà là, 1000g rau mồng tơi thì nhận được số lượng 16mg vitamin ấy. Vitamin A cần dùng mỗi ngày (0,2mg) thì chứa

trong 25 gan heo, 50g lươn, 40 gam rau mồng tơi, 200g trứng... Còn vitamin D, thay đổi với tình trạng sinh lý học của mỗi người, thì tìm ra được trong gan heo, lòng đỏ trứng, bơ...

Nói chung, trái cây ăn sống, không bóc vỏ, cũng như cà-rốt, xà lách cho chúng ta nhiều vitamin như A, B, C. Nước luộc rau nhiều khi trích ra những sinh tố cần thiết. Khi hoa quả tươi thiếu, đậu gieo ra thành giá cũng hiến nhiều vitamin.

● Thiếu sinh-tố sinh ra bệnh

Từ thuở con người hiện ra trên quả đất, biết bao bệnh tật cũng đồng thời xuất hiện, lắm khi không sao chữa lành. Nguyên do nhiều bệnh như bệnh hoại huyết, bệnh chậm lớn, bệnh thũng phù... là vì thiếu sinh tố. Thầy thuốc thuở xưa mò mẫm cho ăn thức này uống thuốc kia, khi tình cờ, khi theo trực giác, có lúc cũng chữa được bệnh.

Bệnh hoại huyết đã được Hippocrate tả từ trước kỷ nguyên ta. Gần đây, người ta nhận thấy bệnh đập vào thủy binh trước

rồi mới tràn vào lục địa. Sau đây, dân những thành phố bị bờ vây hay quân binh ở chiến dịch cũng hay bị mắc bệnh. Năm 1535 nhà hàng hải Cartier bắt lục trước 25 xác chết của đoàn thủy binh. Những người còn lại đều bộ xuống Terre-Neuve được dân bản xứ cho sắc uống nước kim thông và bệnh lành hẳn. Năm 1593, thủy sư đề đốc Hawkins hàng hành ở các biển miền Nam nhận xét nước chanh cũng chữa lành được bệnh. Sau này đại úy có tiếng tằm Cook vào khoảng 1775, mỗi lần đi thuyền không quên bảo đem theo chanh, cam, su đề phòng ngừa bệnh.

Vào đầu thế kỷ này, hai nhà bác học Holst và Frohlich người Na-uy thí nghiệm trên chuột thấy bệnh biến ra nếu người ta không cho chúng ăn đồ tươi. Cho vào đồ ăn vài mililit nước chanh hay nước cam thì chuột lành bệnh. Các nước này tất nhiên phải chứa một chất chống bệnh hoại huyết đấy là vitamin C.

Ở Viễn đông, một bệnh từ lâu đã hoành hành là bệnh thũng phù. Khoảng thế kỷ 19, nhiều y sĩ người phương tây đã đề ý đến bệnh này nhưng không hiểu nguyên do. Năm 1872, một bác sĩ người Nhật, Takaki, nhận xét thủy binh người phương tây không hay mắc

bệnh thũng mà thủy binh Nhật thì lại bị chết rất nhiều. Ông đề ý khảo sát phép vệ sinh và cách ăn uống của các đoàn thủy binh và nhận thấy thủy binh người Âu không hề dùng gạo chà nhẵn.

Ông thí nghiệm cho thêm thịt vào đồ ăn của thủy binh Nhật thì thấy bệnh dần dần biến đi. Ông không thành công định nghĩa được bản chất của bệnh thũng nhưng đã tìm ra được cách đề phòng. Năm 1889, một bác sĩ người Hòa-Lan, Eijkman, dựa trên nhận xét của Takaki, suy ra chất gây nên bệnh phải nằm trong gạo chà nhẵn. Ông chỉ lướt qua sự thật mà thôi vì một bác sĩ khác, cũng người Hòa-lan, Grijns, khám phá ra được chất bổ chống bệnh thũng nằm trong phần gạo vớt đi là cám. Nhà bác học Funk, khoảng 1911-1912 thành công trích ra được chất ấy và cũng thiết lập được cấu tạo: đây là một amin (nghĩa là một hóa chất hữu cơ có chứa nitơ — đạm khí — trong phân tử); ông đặt tên là vitamin (amin cần cho đời sống). Để phân biệt với « yếu tố » A (sau này gọi là vitamin A) mà Collum, Davis, Orbonne và Mendel cùng đạo ấy đã tìm ra được trong bơ

và lòng đỏ trứng, Funk gọi chất amin của mình là vitamin B.

* Mặt trời cũng hiển sinh tố

Sau này, Randoïn và Simonnet khoảng 1922-1923 và Lecoq, năm 1926, còn tìm thấy vitamin B chia ra hai loại khác nhau: một chất cần cho sự dinh dưỡng đặt tên là vitamin B1, một chất chống được bệnh thần kinh viêm (antinévritique) gọi là vitamin B2. Ngày nay hơn mười chất vitamin B đã ra đời, trong ấy người ta sắp vào cả loại vitamin PP (Pellagra Préventive) tức là vitamin chống bệnh pellagre. Chính Goldberger bên Hoa-kỳ là người đầu tiên đã đề ý đến bệnh này. Nhận xét thấy người da đen chỉ ăn bắp dễ bị bệnh hơn các người da trắng hay ăn thịt và uống sữa, ông thành công chứng minh được chính đồ ăn đã chịu trách nhiệm bệnh này. Cùng với Tannier ông tưởng tượng ra một vitamin PP chống bệnh pellagre tương tự như các vitamin A, B1, B2 đã được tìm ra.

Nếu các bệnh hoại huyết, thũng phù, pellagre hiện ra bất cứ ở người nào và có khi thành

nguy hiểm, bệnh chậm lớn không dẫn lại: Từ thần ngay và chỉ hoành hành ở đám trẻ con. Đi dạo ở những xóm nghèo ta thường thấy nhiều con trẻ chân tay dài lều khều, mình gầy như không mang nổi thân, trên đầu lắc lư một cái sọ to tướng. Nguyên do là vì xương không hấp thụ chất calci — tức là với Glisson, năm 1630, lần đầu tiên kêu gọi các bác sĩ đề ý đến bệnh chậm lớn và Cheadle, vào khoảng thế kỷ 19, khám phá ra bệnh này là do đồ ăn mà lại. Palm nhận xét cho con trẻ da đen thì lành được bệnh. Nhiều người không chịu tin, lấy có dân Châu Phi sống quanh năm trong nắng mà vẫn bị mắc bệnh. Thật ra những bộ lạc thường có bệnh này là vì sống trong những chòi lá âm thấp tối tăm. Có người hỏi dân ở Bắc cực sống 6 tháng không có mặt trời sao lại ít mắc bệnh. Câu hỏi này chỉ trả lời được ngày người ta tìm ra một yếu tố thứ nhì cũng chữa lành được bệnh: đầu mỡ cá. Từ đây vitamin D ra đời, giúp trẻ con dính kết vào được xương số calci và phốtpho cần thiết.

Số sinh tố ngày nay đã tìm ra được còn nhiều nữa, kể hết

rất dài dòng. Chỉ xin chua thêm ở đây Evans và Sure, từ 1922 đến 1925, nhận thấy thiếu mòng mị hay dầu trích ở dấy ra thì giống đực mất tính chất sinh sản tuy vẫn giữ đặc tính bên ngoài, đưa đường lại vitamin E. Và năm 1936-1937, hai người Đan-mạch, Dam và Schoneyder chứng minh thiếu một yếu tố thì dễ băng huyết. Từ đây vitamin K ra đời (từ chữ Koa-gulation mà ra).

● Cấu tạo các chất sinh tố

Tìm ra được yếu tố gây nên bệnh trong cơ thể chưa đủ. Các nhà khảo cứu còn cần phải tìm hiểu cấu tạo của các chất ấy.

Bezsonoff ở Pnáp, Zilva ở Anh và vài nhà bác học Mỹ đồng thời đã trích được vitamin C từ cám, chanh hay su ra. Năm 1932 một người Hung-gia-Lợi, Szent-Gyorgyi trích ra được 500g từ 2000 kg ớt ra. Ông đặt tên là acit ascorbic (nghĩa là acit chống bệnh hoại huyết). Sau cùng, chính Hirst đã xác định được công thức khai triển. Từ năm 1933, Reichstein và Haworth nhân tạo tổng hợp được vitamin C. Ngày nay kỹ nghệ chế tạo

rất dễ dàng sinh tố này.

Vitamin B1 do những nhà bác học Nhật lần đầu tiên trích được từ cám ra (1912). Họ đặt tên là Orizanin. Sau Funk, đến lượt hai người Hòa-Lan, Jansen và Donath, làm việc trong phòng thí nghiệm của Eijkmann, cũng trích ra được vitamin B1 đồng thời với Odaki ở Nhật, Windaus ở Đức và Van Veen ở Java. Nhưng Windaus và Williams đầu tiên xác định được cấu tạo nhân pyrrol của phân tử và sau đây Makino cùng Imai thiết lập nền công thức khai triển. Tên hóa học của vitamin B1 là anorin hay thiamin.

Kuln ở Đức năm 1933 trích ra được vitamin B2 còn gọi là lactoflavin. Một năm sau ông thành công nhân tạo tổng hợp ra được sinh tố ấy.

Về vitamin A, công cuộc học hội lâu dài hơn. Từ 1919-1920, Steenbock đã thiết lập liên quan giữa "yếu tố A" và một chất sắc có rất nhiều trong thiên nhiên là carôten. Chính chất sắc này đã nhuộm màu cam các củ cà-rốt và các trái quả màu vàng: mơ, mận, đào, bầu, bí,... Trong lá cũng có carôten nhưng bị màu lục của clorôphil át đi.

Karrer, Holmes và Corbet là những người có công nhiều nhất trong công cuộc thiết lập cấu tạo của vitamin A. Phân tử sinh tố này không khác gì là một nửa phân tử carôten. Nhưng phản ứng cắt đôi rất khó thực hiện được nên trích carôten thì dễ mà muốn có vitamin A người ta phải trích chất thiên nhiên từ gan cá biển Hypoglossus ra. Ngày nay người ta phân biệt hai vitamin A1 và A2, khác nhau một dấu nối đôi trong phân tử, nhưng tính chất thì giống nhau.

Bên phần vitamin D thì có những 3 chất D1, D2, D3 do Windaus và Bourdillon trích từ các chất ergostêrôl và cholestêrôl ra. Người ta bắt đầu hiểu vì sao ánh nắng mặt trời và dầu mỡ cá đều có ích trong vụ chống bệnh chậm lớn. Mặt trời nhờ có những tia tử ngoại, kích thích những stêrôl trong cơ thể để chế tạo vitamin D, còn dầu mỡ cá thì chứa sẵn sinh tố này trong mình. Sau này, Windaus còn nhân tạo tổng hợp ra được vitamin D4, như tưởng không có trong thiên nhiên.

Evans và Emerson năm 1936 trích được vitamin E từ dầu lúa mì ra và thiết lập được cấu tạo:

alpha, beta, alpha tôcôphêrôl. Sau đây, Karrer thành công nhân tạo tổng hợp ra được. Sau cùng vitamin K thì do Almquist trích từ mỡ ra (1937). Ngày nay 3 loại vitamin K đều có tính chất chống sự băng huyết: vitamin K1 (phyllôkimôn), K2 và K3; hai chất đầu đã được nhân tạo chế ra.

Trong số các sinh tố còn lại, vitamin được nói đến nhiều năm nay là vitamin B12. Dùng để bài trừ chứng thiếu máu, sinh tố này còn được đem cho con trẻ

để sự sinh trưởng được điều hòa. Bà Crowfoot-Hodgkin đã thành công lớn khi thiết lập được cấu tạo vì phân tử vitamin B12 gồm có những 63 nguyên tử cacbi (C) 90 nguyên tử Hy-tri (H), 14 nguyên tử oxi (O), 1 nguyên tử photphi (P) và 1 nguyên tử côbi (Co).

Bà Crowfoot-Hodgkin được giải Nobel hóa học năm nay đã làm tiền bước nền khoa học cận đại và cũng làm rạng danh phái phụ-nữ.



Các bạn xem mỗi ngày trong nhật báo



- ★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRI. của N.V
- ★ THẠCH-BÍCH-SƠN, truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ
- ★ NHẬT KỶ của ĐIỀU-HUYỀN

Chủ nhiệm, Chủ bút: NGUYỄN-VỸ

Mình ơi!

TAI SAO

J. P. SARTRE

từ chối
giải NOBEL

BÀ Tú vừa lột bưởi, vừa hỏi ông Tú :

— Mình ơi, tại sao J.P. Sartre từ chối giải Nobel, một giải Văn-chương quốc-tế có giá-trị bực nhứt trên thế-giới từ mấy chục năm nay?

Ông Tú đang nếm vông chờ món tráng miệng sau bữa cơm tối, chưa muốn trả lời dài giòng về câu chuyện văn-chương. Nhìn mấy múi bưởi mà năm ngón tay nơn-nà của bà Tú đang lột, ông thêm chảy nước miếng... Nhưng bà Tú bảo :

— Mình trả lời cho em, rồi

em cho ăn bưởi. Bưởi này chua-chua, nhưng ngọt-ngọt... Ngon lắm !...

Ông Tú xem chừng không thể hoãn câu chuyện J.P. Sartre được nữa, trả lời lẹ đề ăn bưởi :

— Theo lời chính J.P. Sartre đã giảng giải cho các nhà báo Thụy-điền, thì sự ông từ chối giải Nobel có 5 lý-do :

1.— Sartre bảo : « Sự từ chối của tôi không phải là một hành-động bất ngờ. Từ trước đến nay, tôi vẫn luôn luôn không nhận những giải thưởng của chính quyền, bất cứ của chính quyền nào.

MÌNH ƠI

2.— « Tôi ký Jean Paul Sartre, hay là Jean Paul Sartre, giải Nobel, thì hai chữ ký ấy không phải như nhau. »

— Nghĩa là sao, hả Mình ?

— Nghĩa là khi tôi ký Jean Paul Sartre thì tôi là tôi, tôi là của tôi. Còn nếu tôi ký Jean Paul Sartre, giải Nobel, thì tôi không phải là tôi nữa, tôi là của Tờ-chức Nobel. Nhà văn nhận lãnh một ưu-đãi của một tờ-chức nào có tính-cách chính-thức như giải Nobel, thì không khỏi vướng-víu với tờ-chức ấy. Tôi, thì tôi chỉ vướng-víu với một mình tôi thôi.

Bà Tú trao vào tay ông Tú một múi bưởi đã lột sạch hết lớp vỏ mỏng và gỡ hết hạt. Ông Tú vừa đưa vào miệng ăn, đã nhăn mặt :

— Chua ghê!

— Không chua lắm đâu, Mình. Ăn một lúc sẽ ngọt... Rồi sao nữa, Mình nói tiếp đi.

— Đề anh nuốt hết múi bưởi đã nào !...

Bà Tú đưa thêm một múi nữa, lần này bà có sẵn một đĩa muối ớt để ăn với bưởi cho bớt chua. Ông Tú chấm bưởi vào muối-ớt, ăn có chua, ngọt, mặn, cay, thích thú lắm. Ông nói tiếp :

— Lý do thứ 3 khiến J.P.

Sartre từ chối giải Nobel là Sartre chủ trương cái mà ông gọi « Sống chung hòa-bình của hai Văn-hóa Đông-Tây ». Sartre bảo : « Riêng cá-nhân tôi, tôi tự cảm thấy sâu-xa sự trái-ngược giữa hai Văn-hóa. Tôi thông-cảm sự trái-ngược ấy. Tôi không chối rằng tôi có cảm-tình với chủ-nghĩa xã-hội, nhưng tôi sinh-trưởng và đã được đào-tạo trong một gia-đình tư-bản. Nhờ đó mà tôi thích cộng-tác với tất cả những người nào muốn làm cho hai Văn-hóa gần nhau. Vì thế nên tôi không thể nhận bất cứ một giải thưởng hay một huy-chương nào do các tờ-chức Văn-hóa bất cứ ở Đông-phương hay Tây-phương tặng cho tôi. Tôi không nhận giải Nobel nhưng giả sử đó là giải Lénine, tôi cũng từ-chối. »

4.— « Theo tình-hình hiện tại, giải Nobel đã được coi như là một giải thưởng đặc-biệt và chủ-quan dành riêng cho các nhà Văn Tây-phương, hoặc các Văn-sĩ chống-ngịch của Đông-phương. »

5.— « Lý-do cuối-cùng là lý-do tiền. Hàn-Lâm-Viện Thụy-Điền, J.P. Sartre nói, đã có lời

khen tặng các tác-giả được giải, lại còn kèm theo một số tiền lớn, đó là một gánh thiệt nặng mà Hàn-Lâm-Viện đặt trên vai kẻ được hưởng đặc ân đó. Vấn-đề đó cứ làm tôi thắc-mắc mãi. Hoặc là tôi nhận món tiền rồi dùng tiền ấy để ủng-hộ các phong-trào cách-mạng. Hoặc tôi từ-chối món tiền thì không có dịp ủng-hộ các phong-trào cách-mạng đang cần tiền... Nhưng tôi tưởng không cần đặt sai vấn-đề như thế. Tôi từ chối giải Nobel 250.000 đồng bạc Thụy-điền, tức là 260.000 đồng francs, bởi vì tôi không muốn dính-líu với một tổ-chức công-cộng nào ở Đông-phương hay Tây-phương. »

Ông Tú ăn tiếp mấy múi bưởi nữa sau khi xát muối-ớt vào bưởi. Có mặn có chua, ngon kinh-khủng nhưng vẫn cay quá-xá, và ông Tú vừa ăn, vừa hít-hạ, vừa chảy nước mắt, vừa cười...

Ông uống một ly nước lạnh rồi châm thuốc hút. Bà Tú lại hỏi :

— Ngoài J.P. Sartre, từ trước đến giờ còn nhà văn nào cũng được giải Nobel mà từ-chối không, Minh ?

— Có chứ. Lần đầu tiên là **George Bernard SHAW**, nhà kịch-sĩ trứ danh của nước Anh, đã từ-chối giải Nobel Văn-chương năm 1926, nhưng bị các giới văn-ngệ chỉ-trích thái-độ đó quá xá nên sau ông lại « nhận lãnh cái vinh - dự » ấy. Số tiền trúng giải cũng 260.000 francs, ông nhận xong rồi trao tặng lại một hội Văn-hóa Anh — Thụy-Điền. Người thứ hai, Nobel năm 1958, là nhà văn Nga **Pasternak**, với bộ truyện « Bác-sĩ Jivago », lừng danh khắp thế giới, nhưng ông bị chính phủ Nga-xô bắt buộc phải từ chối giải quốc tế Nobel.

— Sao vậy ?

— Pasternak là nhà văn Nga-Xô nhưng chống chế-độ Cộng-Sản. Sau khi bị chính quyền Nga-xô cấm ông nhận giải Nobel, tác giả « Bác-sĩ Jivago » bị bệnh chết. Vợ ông liền bị Mật-vụ Nga bắt và đưa đi đày tận Sibérie (Tây-bá-lợi-Á). Mãi vừa rồi mới được trả tự do.

— Jean Paul Sartre năm nay bao nhiêu tuổi hả Minh ?

— 59 tuổi.

— Sartre từ chối giải Nobel

như thế thì các nhà văn khác hoan nghênh hay phản đối thái độ ấy ?

— Ý kiến mỗi người mỗi khác. Mấy ông Hàn-lâm-viện Pháp như **François Mauriac** thì bảo : « Tôi hiểu những lý do từ chối đó nhưng tôi không tán thành ». **Jacques de Lacretelle** chỉ trích thẳng tay : « Tôi không ưa cái lối khiêm tốn gần như kiêu căng ngạo mạng ấy ». **Wladimir d'Ormesson** : « Cái lỗi của Hàn-lâm-viện Thụy-Điền là tặng giải Nobel cho Sartre. »

François Poncet mỉa mai : « Từ chối như thế chỉ là một man-hứng (Snobisme) ».

Jules Romains chê hẳn Sartre : « Từ mấy năm gần đây,

ban giám-khảo của giải Nobel đã đi lầm đường. Tôi chẳng có ý kiến gì về Jean Paul Sartre. Nhưng Thế-giới còn có trên hai chục nhà văn tài giỏi hơn ông ta. » Chỉ có một nhà văn hơi khen một tý, là **Jean Rostand** : « Tôi không thích Sartre, nhưng tôi nhìn nhận rằng ông là một nhân vật quan trọng, và có tầm tính rộng lượng. »

— Thế tại sao Hàn-lâm-viện Thụy-Điền lại tặng giải Nobel cho Jean Paul Sartre ?

— Lý do tặng giải Nobel Văn Chương 1964 cho Sartre, mấy ông Hàn-lâm ở Stockholm (Kinh-đô Thụy-Điền) có trình bày rõ ràng :

«... Vì những tác phẩm của ông chứa đầy những ý tưởng



cổ tinh thần tự do và tìm tòi chân lý dẫn chúng cho tự do ấy, mà đã gây một ảnh hưởng rộng lớn trong thời đại chúng ta».

(...pour son oeuvre abondante en idées qui, par l'esprit de liberté et la recherche de la vérité dont elle témoigne, a exercé une vaste influence sur notre époque.)

— Jean Paul Sartre từ chối giải Nobel, thì số tiền tặng giải là 260.000 francs đó sẽ để tặng người khác, hay sao, Minh?

— Theo lời Bác-sĩ **Kart Ragnar Gierow** là Thư-ký Thường-trực của Hàn-lâm-Viện Thụy điển cho biết, thì số tiền kia được giữ lại trong Ngân-sách Nobel, theo đúng điều-lệ. Jean Paul Sartre không nhận tiền, nhưng ông vẫn được ghi tên trong danh-sách Nobel Văn chương Quốc-tế 1964.

— Nhưng sự thật, Jean Paul Sartre có ảnh-hưởng gì đến thế hệ thanh-niên mà ở xứ ta thường quen gọi là « hiện-sinh » đó không, hả Minh?

— Chính Jean Paul Sartre đã rất khó chịu về sự ông bị « hiểu lầm » (un malentendu) từ sau Đệ-nhi Thế-chiến. Những bạn Văn-ngệ ở Saint-Germain-des-Prés và bọn trẻ say mềm rượu và khói thuốc lá dưới các hầm này đều bị thiên-hạ vợ đưa cả năm, mà gọi chung một danh-từ

là « Existentialistes », đáng ra phải là « duy sinh » đúng ý nghĩa hơn là hiện-sinh. J.P. Sartre thường than phiền rằng người ta đã gán bậy bạ phong-trào gọi là thuyết Existentialisme (duy-sinh) của ông. Ông đã tuyên bố rằng ông « chưa hề bao giờ có một chút liên lạc nào với bọn bô-hê-miên trác-táng và suy-đời, lạc-lõng, làm ồn-ào não-nhiệt trong các tiệm rượu mai đến giờ café-crème đầu-tiên mỗi buổi sáng ».

— Thế sao một số thanh-niên Việt-nam hiện nay, và cả một số trí-thức Việt-nam, lại cứ đem cái lý thuyết cuộc sống mà họ gọi là « hiện sinh », đó mà gán cho J.P. Sartre?

— Họ hiểu lầm ! Họ hiểu lầm nhiều quá. Họ đọc « Nausée », « La putain respectueuse », « Les mains sales », rồi cứ lầm tưởng của Sartre là thấy đời sống hiện tại là « buồn nôn », là như « con diêm », là bần-thủ, v.v.. Nhưng Văn-chương của Sartre không phải lấy đó làm tiêu chuẩn. Đọc hết các tác phẩm của Sartre không thấy trang nào có phát động phong-trào lạc lõng, trác-táng, của một lớp thanh-niên tự xưng là « hiện sinh » như ở Việt-nam.

★ *Diện-Huyền*

(Vi bài này còn dài quá nên, sẽ đăng tiếp vào kỳ sau)

SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi có nhận được các tác-phẩm sau đây, xin giới-thiệu cùng bạn đọc :

● **Neuf ans de dictature au Sud-Vietnam. Témoignages vivants sur Mme Nhu et les Ngô** do ông *Giáo-sư Nguyễn-quí-Hùng biên khảo và xuất-bản.*

Với một lối viết Pháp-văn rất giản-dị, sáng-suốt, không màu mè văn-hoa, với một giọng kể chuyện thân-mật, chân thành và trung-trực, tác giả đã cho chúng ta tìm hiểu trong 4 chương đầu những tài liệu khá đầy-đủ từ giòng họ Ngoại, họ Nội, đến luân-lý, giáo-dục và cuộc sống thăng trầm của Trần-lệ-Xuân và bốn anh em nhà Ngô.

Hai Chương V và VI. — Hoàn-cảnh đưa Ngô-đình-Dệm lên nắm chánh quyền, và thành-lập chế-độ Cộng Hòa. Chương VII và IX chế-độ gia-đình trị của 4 anh em nhà Ngô, và Trần-lệ-Xuân.

Từ Chương X đến XIII, là chánh sách sai lầm của họ Ngô và hậu quả, đưa đến cách mạng 1-11-63.

Sách dày gần 300 trang; ấn-loát đẹp trên giấy blancfin dày, nhiều hình ảnh. Giá bán **250\$**.

★ **Việt-Ngữ giảng nghĩa**

Của **Ô. Lý-văn-Hùng**. Sách này giúp người Trung-Hoa học tiếng Việt gồm những bài ngắn về Địa-lý và Sử-ký Việt-nam, phát thanh trên đài Sài-gòn những đêm thứ Ba, Năm, Bảy mỗi tuần từ 21giờ15 đến 21giờ30.

★ **Việt-nam Đại-quan**

Của **Ô. Lý-văn-Hùng**. Sách viết bằng Hán-tự tóm tắt khá đầy đủ về Địa-lý và Sử-ký, Văn-học nghệ-thuật Việt-nam.

Ô. Lý-văn-Hùng là Hiệu-trưởng tư-thục Trung-học « Chấn-Trung », Chợ-lớn.

★ **Chứng nhân của miền Trung tranh đấu**

Nhật-ký của một sinh-viên Huế, Nguyễn-đức-Xuân, có tham gia vào các phong trào tranh đấu của Tổng-hội Sinh-viên Huế. Tạp-chí Nhận-Thức xuất bản.

★ **Tiểu-luận về Bồ-Đề Đạt-Ma (Bodhi Dharma)**

Của **Phạm-công-Thiện**. Bạn đọc **Phồ-Thông** chắc quen biết nhiều với **Phạm-công-Thiện**, một bạn trẻ trí-thức đọc sách nhiều, có tài và có chí. Thường viết nhiều bài sưu-tầm khảo luận về Văn-ngệ trong tạp chí **Phồ-Thông**.

Đạo này, **Phạm-công-Thiện** nghiên-cứu về Phật-giáo thuần-túy, và quyển tiểu luận này là kết quả đầu tiên của một năm nghiên ngẫm các Kinh sách Phật. Các bạn trí-thức muốn tìm hiểu vài chân-lý nguyên-thủy của Phật-giáo, nên xem quyển này. Dày 100 trang, giá 35\$.

Tổng phát hành : 82, đường Độc-Lập, Nha-Trang.

★ **Tình thương**

Nguyệt san tranh đấu Văn-hóa xã-hội do Sinh-viên Y-Khoa chủ trương.

Số 12. Nhiều bài có giá trị.

★ **Vẫn còn thương**

Thi tập của **Hoàng-ngọc-Liên**.

Hoàng-ngọc-Liên là một sĩ-quan trong Quân-đội V.N.C.H. mà cũng là một nhà Thơ rất quen thuộc của thế-hệ hôm nay. Đã xuất-bản những thi-phẩm *Nhớ thương*, *Vẫn còn thương*.

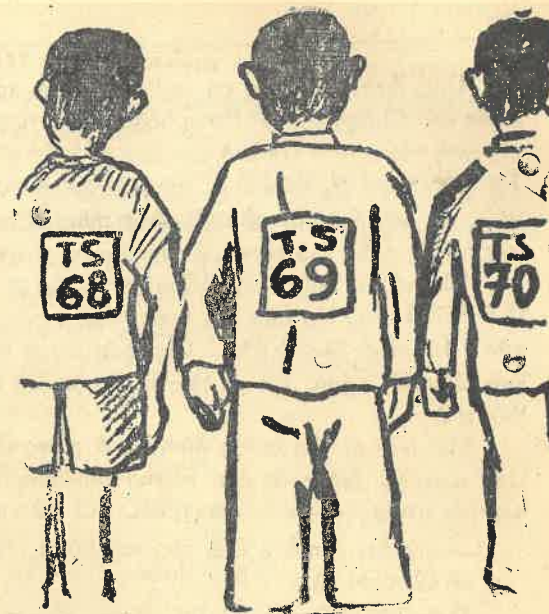
32 bài, in trên giấy satiné xanh trang nhã. Giá bán 60\$.

● **Tìm hiểu bệnh ung-thư**

Của **Bác-sĩ Nguyễn-lưu-Viên**, viện Pasteur Việt-nam, hiện là Phó Thủ-Tướng, Tổng-Trưởng Bộ Nội vụ. Nghiên cứu rất kỹ về chứng bệnh nguy-nan đó, và các phương pháp chữa bệnh, và phòng bệnh. Sách in trên giấy đẹp, trình bày thanh-nhã, đề biếu, không bán.

người
tù

69



Hồi ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 139).

DƯỚI nắng chan-chan, trên đường núi gồ-gề vắng-vẻ không một bóng người qua lại, hai người lính khố-xanh mang súng, và tôi, tay không lặng-lẽ bước đi, mệt-mỏi, nhưng phải cố gắng, mồ-hôi ướt đẫm cả thân người. Đôi mắt bị chói nắng, xốn-xót và mù-mờ, chỉ thấy con đường dài thăm-thẳm phía trước và núi rừng thăm-u, trùng-trùng điệp-điệp bao vây bốn bề. Thình thoảng chúng tôi gặp hai người dân thiếu-số, nước da đen, dưới bụng đóng khố, lưng mang gùi, tay cầm chiếc rựa, từ trong núi đi ra. Họ đứng lại ngó tôi, rồi đi, lằm-bằm trong miệng những tiếng nói mà tôi không hiểu. Tôi có cảm tưởng đi trong một cảnh xa lạ nào, hải-hùng, ghê-gớm, không phải là trong nước Việt-Nam.

Đọc đường, không có một túp nhà, một bóng người, một chiếc xe. Chúng tôi đi trong hoàn-toàn hoang-vắng. Và đến bao giờ mới tới nơi ? Trà-kê còn bao xa ? Có gì chờ đợi tôi nơi đó ? Tôi hỏi Thầy Đội, thầy làm thỉnh bước đi, như thể không nghe tiếng tôi nói. Có đôi phút thoáng qua tôi nghĩ chuyện thoát-ly, muốn chạy trốn vào rừng để tìm đường trở về đồng bằng.

Nhưng suy nghĩ thấy chẳng ích gì. Có lẽ thầy đội và bác lính khổ-xanh không kịp bắn tôi, hoặc không nỡ bắn. Nhưng rồi sao nữa ? Tôi sẽ đi đâu, ở đâu ? Cọp beo trong rừng sẽ chụp lấy tôi làm cái mồi ngon. Tôi sẽ tận-diệt cuộc đời trong bụng Cọp. Thế thôi ư ?

Mặt trời đã lặn xuống đỉnh núi ở phương Tây xa-tít, mờ-mịt khói sương... Nắng đã dịu, nhưng tinh-thần uể-oải như một chiều hấp-hối trong tịch-mịch hoang-sâu. Tôi sốt ruột, lại hỏi Thầy đội :

- Từ đây đến Trà-kê, còn xa không, Thầy Đội ?
- Gần tới rồi.

Thầy Đội khổ-xanh trả lời uể-oải, nhưng tôi cũng không tin hẳn nơi câu đáp của y, nghĩ thầm rằng y trả lời qua-loa như thế để lừa dối tôi, với hảo-ý là đừng để tôi thất vọng vì đường còn dài.

Trời đã tối hẳn, đen như mực. Chung quanh chỉ núi và rừng. Đường đi lờ-mờ vì đêm không trăng, phải dò-dẫm từng bước một... Tôi muốn nói chuyện vui cho đỡ mệt, nhưng Thầy đội khẽ bảo :

- Làm thỉnh đi, đây là Đèo Suối-Quan, nguy-hiểm lắm, nghe !
- Nguy hiểm cái gì ?
- Có tiếng lẩm đậy.
- Có tiếng gì ?
- Trời ơi, cái anh này hòng biết gì hết ! Im lặng mà đi, đừng có nói, và đi mau lên, rủi gặp ông thì chết cha !
- Ông nào ?

Thầy Đội nói rất khẽ :

- Mông-xừ le Tigre...

Tôi muốn phì cười, vì đoán biết Thầy Đội không dám nói tiếng Việt sợ « Ông Cọp » nghe, nên nói tiếng Pháp. Tôi cười, bảo :

— Bộ thầy Đội tưởng rằng mông-xừ le Tigre không hiểu tiếng Pháp sao ? Nhưng dù sao cũng hơi đầu mà sợ ! Chết sống đều do số phận.

Sự thật, tôi sợ điếng người, sợ còn hơn hai ông lính nữa,, nhưng tôi tin rằng hai người đi kèm hai bên tôi đều có súng đạn nếu có cụt Ba Mươi trong rừng nhảy ra, bề nào tôi cũng đi giữa có cách thoát được dễ dàng. Tôi sẽ tìm một cây cao chẳng hạn, và leo lên trên ngọn. Tôi đang nghĩ như thế, thì có một tiếng sột soạt trong bụi. Thầy Đội rồi đến bác lính liền giữ thể thủ, nấp đạn sẵn vào súng. Còn tôi thì đưa mắt tìm lối thoát. Tôi nói trước với thầy Đội :

— Nếu có « Ông » nhảy ra, thì lập tức tôi leo lên trốn trên một ngọn cây gần nhút, Thầy Đội và bác lính đừng bắn tôi nhé.

Tôi nghe bác lính miệng run cầm cập, lẩm bầm : « Nam-mô Quan-thế-âm Bồ-tát ! Nam-mô Quan-thế-âm Bồ-tát ».

Tôi muốn phì cười, nhưng sợ... thấy mờ !

Lại có tiếng sột soạt.. sột soạt... trong rừng, trời thì tối đen tối thui, Thầy Đội và bác lính có mỗi người một chiếc đèn pile mà không dám bật ra.

Bỗng xa xa tôi thoáng thấy có vài ngọn đèn nhấp nháy... Thầy Đội mừng quỳnh, nói khẽ cho tôi nghe :

- Đa gần tới Trà-kê rồi.
- Tôi hỏi, giọng vẫn còn run :
- Chỗ có ngọn đèn đó phải không ?
- Ừ.

Tôi nghe vắng vắng có một tiếng trống đánh, rồi kể tiếp tiếng mõ...

Bác lính nói :

- Trống đồn đó.

- Tôi hỏi :
- Đồn Trà-Kê ?
- Ừ

Thế là chúng tôi đã tới Trà-kê. Trời đã khuya, không biết là mấy giờ ?

Ông | Hoàng | Bé

* Saint Exupéry
● MẠC TRIỀU LINH dịch

(tiếp theo P.T. 139)

Hoàng Bé nói :
— Các người ở với ông, trông năm nghìn bông hồng trong một khu vườn... mà họ không thấy cái họ tìm...
— Họ không thấy...
— Thế mà cái họ tìm đó, có hề thấy được trong một bông hồng hay một chút nước...
— Chắc thế.
Hoàng Bé lại tiếp :
— Nhưng mắt thấy gì đâu, phải nhìn bằng tấm lòng.
Tôi đã uống nước, nên thờ dể chịu hơn. Lúc tảng sáng, cát vàng như mật ong. Trông thấy màu mật ong đó tôi cũng thích. Không hiểu tại sao tôi lại phải

buồn...
Hoàng Bé dịu dàng ngồi gần tôi và nói :
— Ông phải giữ lời hứa.
— Lời hứa nào ?
— Hứa vẽ cái mồm cho con cừu của tôi... tôi chịu trách nhiệm về bông hoa đó mà !
Tôi lấy trong túi ra mấy tấm vẽ dở dang. Hoàng Bé trông thấy vừa cười vừa nói :
— Mấy cây đa của Ông chẳng khác gì mấy bắp cải...
— Ồ !
Tôi đang hãnh diện đã vẽ được mấy cây đa !
— Còn con chồn... tai nó...

hơi giống hai cái sừng... mà lại dài quá...

Hoàng Bé lại cười.

— Em bắt công quá, anh chỉ biết vẽ trần đóng và trần mở thôi mà !

— Thôi thế cũng được trẻ con hiểu.

Tôi lấy bút chì vẽ cái mồm cho cừu. Đưa cho Hoàng, tôi thấy nao nao :

— Em có những dự định gì anh không biết...

Hoàng chỉ nói :

— Ông biết không, tôi rơi xuống địa cầu này... đến mai là ngày kỷ niệm đấy...

Yên lặng một lát Hoàng lại nói :

— Tôi ngã xuống gần chỗ này...

Hoàng đỏ mặt.

Không hiểu sao tôi lại buồn một cách lạ lùng. Tuy vậy tôi cũng hỏi :

— Thế thì ra cách tám ngày, cái buổi sáng mà anh gặp em, em đi chơi một mình, cách xa nơi dân cư gần hai ngàn cây số, đó không phải là việc ngẫu nhiên à ! Em về chỗ em ngã xuống à ?

Hoàng Bé lại đỏ mặt.

Tôi ngập ngừng tiếp :

— Hay có lẽ vì ngày kỷ niệm ?

Hoàng Bé đỏ mặt lần nữa. Hoàng không bao giờ trả lời câu hỏi, nhưng khi người ta đỏ mặt tức là người ta gián tiếp trả lời "phải", có đúng không ?

Tôi bèn nói với Hoàng :

— Anh sợ rằng...

Nhưng Hoàng đáp :

— Giờ thì ông phải làm việc. Ông phải trở về cái máy bay của ông.

Tôi chờ ông ở đây. Tối mai đến nhé..

Nhưng tôi không được yên tâm. Tôi nhớ chuyện con chồn. Nếu mình chịu thuận thực, có khi phải khóc không chừng..

XXV

Bên cạnh giếng có một bức tường đá cũ đã đổ lụn. Tối hôm sau lúc làm việc xong, tôi trở lại. Từ xa tôi đã thấy cậu Hoàng Tử nhỏ của tôi đang ngồi trên bức tường đó, hai chân buông thõng, tôi nghe cậu nói :

— Mi không nhớ sao ? Không phải chỗ này !

Hình như có tiếng trả lời Hoàng, vì thấy Hoàng nói :

— Đúng ! Đúng ! Phải ngày hôm nay rồi, nhưng không phải chỗ này..

Tôi cứ tiến dần đến bức tường. Vẫn không trông thấy ai ; không

ÔNG HOÀNG BÉ

nghe thấy tiếng ai, vẫn chỉ tiếng Hoàng Bé :

— Hẳn thế chứ. Mi sẽ thấy chỗ nào bắt đầu có vết chân của tôi, rồi cứ chờ tại đó. Đêm nay tôi sẽ đến đó.

Tôi còn cách bức tường hai mươi thước, vẫn chẳng trông thấy gì.

Sau một lúc yên lặng, Hoàng Bé lại nói :

— Có nọc thật độc không ? Mi chắc chắn là không làm ta đau đớn lâu chứ ?

Tôi dừng bước, trái tim như bị thắt lại, nhưng vẫn không hiểu.

— Giờ thì mi hãy đi chỗ khác đi... ta muốn xuống !

Đến lúc đó tôi mới cúi mắt nhìn xuống chân tường, giạt mình nhảy tới ! Đó là một con rắn, đang vươn mình lên phía Hoàng, loại rắn mình vàng cần phải người chỉ ba mươi giây đồng hồ là chết. Vừa móc túi lấy khẩu súng lục, tôi vừa chạy gấp tới, nhưng nghe tiếng động, con rắn êm ả lên vào cát, như một tia nước bỗng cạn đi, nó chẳng phải vôi vàng, lách mình vào giữa khe đá, nghe như tiếng kim khí chạm nhau khe khẽ.

Tôi chạy đến chân tường vừa lúc đón vào hai cánh tay cậu Bé Hoàng Tử, mặt nhợt nhạt như

tuyệt.

— Thế là thế nào ? Lúc nãy em nói chuyện với rắn ấy à ?

Tôi tháo chiếc khăn quàng màu vàng lúc nào Hoàng cũng quấn nơi cổ. Tôi thoa hai thái dương và cho Hoàng uống nước. Và bây giờ tôi không dám hỏi Hoàng gì nữa. Hoàng trầm ngâm nhìn tôi và vòng hai tay ôm cổ tôi. Tôi nghe tim Hoàng đập như một con chim thoi thóp khi đã trúng đạn của người đi săn. Hoàng nói :

— Tôi rất vui đã thấy Ông sủa xong máy, Ông sắp được về nhà...

— Sao em biết !

Chính tôi đến hôm nay là để báo tin cho Hoàng là tôi đã chữa được máy. Thật là một may mắn bất ngờ !

Hoàng không đáp câu tôi hỏi, nhưng Hoàng lại tiếp :

— Hôm nay tôi cũng về nhà tôi...

Rồi, với một giọng âu sầu :

— Xa lắm, khổ hơn nhiều...

Tôi biết là có việc gì khác thường lắm đây. Tôi ôm chặt Hoàng trong cánh tay như ôm một đứa trẻ. Vậy mà tôi có cảm tưởng như Hoàng đang tụt thẳng xuống một vực sâu mà tôi không có cách gì giữ lại được...

Mắt Hoàng nhìn nghiêm trang, xa vời lắm.

ÔNG HOÀNG BÉ

— Tôi có con cừu của Ông. Có cái hộp cho con cừu ở. Có cái mõm để buộc cho con cừu...

Hoàng mỉm cười, vẻ buồn rầu. Tôi phải chờ lâu Hoàng mới nóng người lại dần dần :

— Em sợ lắm phải không ?

Chắc là Hoàng sợ ! Nhưng cậu địu dàng cười nói :

— Tối nay tôi lại sợ hơn nữa...

Lại một lần nữa, tôi thấy lạnh người vì nghĩ đến những gì không thể nào tránh được cứ tưởng tượng sẽ không bao giờ được nghe lại tiếng cười kia, tôi thấy chịu không nổi. Đối với tôi, giọng cười ấy như tiếng suối nước róc rách giữa sa mạc vậy.

— Em này, anh muốn nghe tiếng em cười nữa ..

Nhưng Hoàng Bé nói :

— Đêm nay là vừa đúng một năm. Ngôi sao của tôi sẽ ở đúng trên chỗ tôi rớt xuống năm ngoái...

— Em này, câu chuyện con rắn,

hẹn hò, ngôi sao có phải chỉ là ác mộng thôi không em ?

Hoàng vẫn không trả lời, Hoàng nói :

— Cái gì quan hệ mắt người không trông thấy...

— Hẳn rồi...

— Cũng như cái hoa. Khi nào Ông yêu một bông hoa, trên ngôi sao kia, thì ban đêm nhìn trời thật là vui thích. Hết thấy mọi ngôi sao đều nở hoa.

— Hẳn rồi...

— Ban đêm, Ông sẽ nhìn sao nhé. Chỗ tôi ở nhỏ bé quá nên không chỉ được cho Ông thấy ngôi sao của tôi. Thế là hơn. Ngôi sao của tôi đối với Ông sẽ là những ngôi sao kia. Thế thì Ông sẽ thích nhìn tất cả mọi ngôi sao... Tất cả các ngôi sao sẽ là bạn của Ông. Và tôi định tặng Ông một món quà...

(còn nữa)



K.N. số 25/BYTBQCD/18.10-62

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ Ông Lê Sỹ Ngọc, Ty Thông Tin Kiến-Tường

Ngày 5-11 - Bính Tý = ngày thứ sáu 18-12-1936. Ông không dự kỳ thi đầu, có thể dự kỳ hai được.

★ Em T.C.K. — Đalat

Em cho biết địa chỉ rõ ràng, chị sẽ tìm gửi cho em mấy số thiếu đó.

● Ông Vương trọng Bình, 549/8 I Phan đình Phùng, Saigon.

Ông cứ viết thư thẳng cho ông Nguyễn văn Cồn theo địa chỉ sau đây : Monsieur Nguyễn văn Cồn, Ministère de l'Education Nationale, 110, rue de Grenelle, Paris 7è.

● Em Nguyễn đình Phục, Phan bội Châu, Qui-Nhon

Em nên làm tờ trình bị mất cấp, đến Quận hoặc Phường mình cư trú thị thực việc trên, rồi đem tờ trình ấy đính kèm với đơn xin đến Bộ, hoặc Nha xin sao lục lại, may ra hy vọng Quý Ông nghĩ tình mà cấp cho bản phụ.

★ Ông T.G. KH. KBC 4377

Những bài vở gửi về tòa soạn, chúng tôi đều nhận được đầy đủ. Ông đón đọc ở Phở Thông, nếu trong 3 số liền không thấy đăng tức là những bài ấy bị loại bỏ.

★ Ông Phạm Hiền Lương, sinh viên Y-khoa, Rennes

Những nhân xét trong bài của bạn, sự thật ở nước nhà khác hẳn, và có nhiều điều mà các bạn không biết được. Nên không thể đăng như ý bạn yêu cầu.

★ Ông Nguyễn trung Trực, KBC 3430

Ông phải mua đủ số mới biết được. Vì loạt bài "Một khoa học mới" đăng liên tiếp trong nhiều số, bắt đầu từ P.T. 122 đến 129 là hết.

● Ông Trương xuân Dưỡng, 4 Huỳnh thúc Kháng Nhatrang

Ngày 17-2-1923 tức là ngày thứ bảy, mồng 2-1 năm Quý Hợi.

ĐÃ PHÁT HÀNH

ĐỢI MÙA TRẮNG

Thơ của TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

Họa sĩ Ngọc Dung vẽ bìa

Sách dày 108 trang— Giá 40đ. Bản đặc biệt trên giấy trắng đẹp 80đ.

Các bạn yêu thơ có thể mua tại tòa soạn Phở Thông Tạp Chí số 233 Phạm Ngũ Lão Saigon, hoặc 125 đường Trần hoàng Quân Chợ Lớn.

CẢM-TẠ

Trong chuyến xuất-ngoại kỳ rồi, từ Nhật-Bản qua Đài Bắc và Hương-Cảng, chỗ nào tôi cũng được sự tiếp đãi nồng nàn, sự giúp đỡ tận tâm của những thân-hữu, nhiều giới đồng bào nơi hải-ngoại.

Xin thành thật tri ân : — Ông Bà Nguyễn văn Lộc, Cố vấn Tòa Đại sứ V.N. tại Đông-kinh, — Kỹ sư Lê văn Quý ở Nhật-bản, — Ông Nguyễn thành Nam, Giám đốc hãng Radio National Saigon, — Ban Giám đốc nhật báo Mainichi, — Đài phát thanh vô tuyến hình Nhật, — Hãng viết máy Pilot, — Hãng làm máy phát thanh và điện National, — Hãng làm đồng hồ Seiko, — Hãng Jintan, — Phim trường Toho v.v..

- Ông Bà Nguyễn Thiệu Hộ, Tòa Tổng lãnh sự Hồng - kông.
- Ban Võ Huy Hoàng, Tòa Tổng lãnh sự Hồng - kông.
- Ông Huỳnh văn Tư, Tòa Đại sứ V.N. tại Đài Bắc.

NGUYỄN ANG-CA

Đại diện nhật báo DÂN TA và tạp chí PHỞ THÔNG tại Thế Vận Hội Đông-Kinh 64

HO, BỔ-phế linh-đơn Thụy-Lâm loại A

TRJ : Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho đàm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-đối, hoàn Thụy-Lâm

TRJ : Cứng đầu cơn, ngứa cửa mình, ra huyết trắng (các tiệm thuốc Bắc đều có bán)

Đại-minh tê thấp hoàn

TRJ : Hay mờ mắt, nhức đầu. Tê, nhức gân xương cơ rút, yếu gân, xương, mỏi vai, chạy đau đầu đó, phù thũng, sẵn sùi ngứa lác chấy nước vàng, nhiều đàm, nổi hòn đau lưng, đau bụng chậm tiêu, sinh hơi, hay ợ ứ rai.

Nhà thuốc THỤY-LÂM 191 Gia-Long, Saigon

KN. số 425 ngày 25-9-63

HOÀN-TOÀN TỰ-BỒ VÀ CHẤM-CHÍNH VỚI ĐẤT
ĐỦ TIỆN-NGHI TÂN-THỜI

Nhà hàng **ĐẠI - LA - THIÊN**

Điện-thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn Ông (R. Théâtre cũ) — **CHỢ-LỚN**

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Lăn đặt tiệc liên hoan và Đám cưới
- Sạch sẽ, vệ sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép,



Có máy điều-hòa không-khí ở lầu 3 lộ thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung-cảnh huy-hoàng diễm-ảo.

- Ăn bánh trưa từ 12 giờ tới 15 giờ.
- Ăn cơm tối từ 18 giờ tới 23 giờ.

Quý khách chiếu cố, thưởng thức và phê bình để chúng tôi sửa chữa đặng cải tiến

Nước Ngọt « **CON CỌP** » "Nguồn mạch Sức Khỏe và Vui Tươi"



Nước Ngọt « **CON CỌP** » mỗi chai
là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

TÌM VIỆC

Sinh viên có Tú Tài II toán, muốn dạy học sinh tại tư gia từ đệ Tứ trở xuống (rất tận tâm, có kinh nghiệm dạy) để có đủ điều kiện học thêm.

Xin biên thư về cho:

PHAM PHI HÙNG

94 Duy Tân — Saigon

Gần Đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống: **Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **Ông Tiên**, Phú Lâm Cholon K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà **Tết, uống Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3— 9-5-63

1) **CÁC CHỨNG HO** Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang tức ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HUỆT PHÁT PHÒNG-LAO THẢO** do Tang Nha chế tạo, để mạnh Phổi lạnh ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng **AN THẦN BỬU** trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xâm chóng mặt, Dùng để an thần định trí, mat gan dễ ngủ.

3) **ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH** : Thuốc bổ cho người lao tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu.

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt mét, đau lưng, bạc đãi hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chơn quí Bà dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ**.

5) Bệnh Phong Thấp đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chơn hay đổ mồ hôi tứ chi bại hoại dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa

6) Quí Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra yếu mửa, bần thần, mỏi mệt, thai trắng đau lưng. Quí Bà dùng : **ĐƯƠNG THAI BẢO SẢN HOÀN** Di An Hòa.

7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc lở loét ngoài da tìm thuốc **PHONG NGỨA** Di An Hòa để lọc máu giải phong.

(Có để bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI AN HÒA**

252-A LÊ THÁNH TÔN Saigon BYTK em Nhận ngày 18-12-1963

CÙ-LÀ



古
那
油

VIÊN BẢO CHẾ
NGUYỄN-CHÍ
K.N. 697.BYT/QCDP. 21/2/64

GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KEO SINH TỐ

CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ỨC,
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẤU-ĐƯỢC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

EM NHỎ NÔNG!

Stay cho em uống

THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN
(PAKEMID 33 Q)

NHA THUỐC TÂY KIM-QUAN
SỐ 1-NGANG CHỢ BẾN THÀNH SAIGON

K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

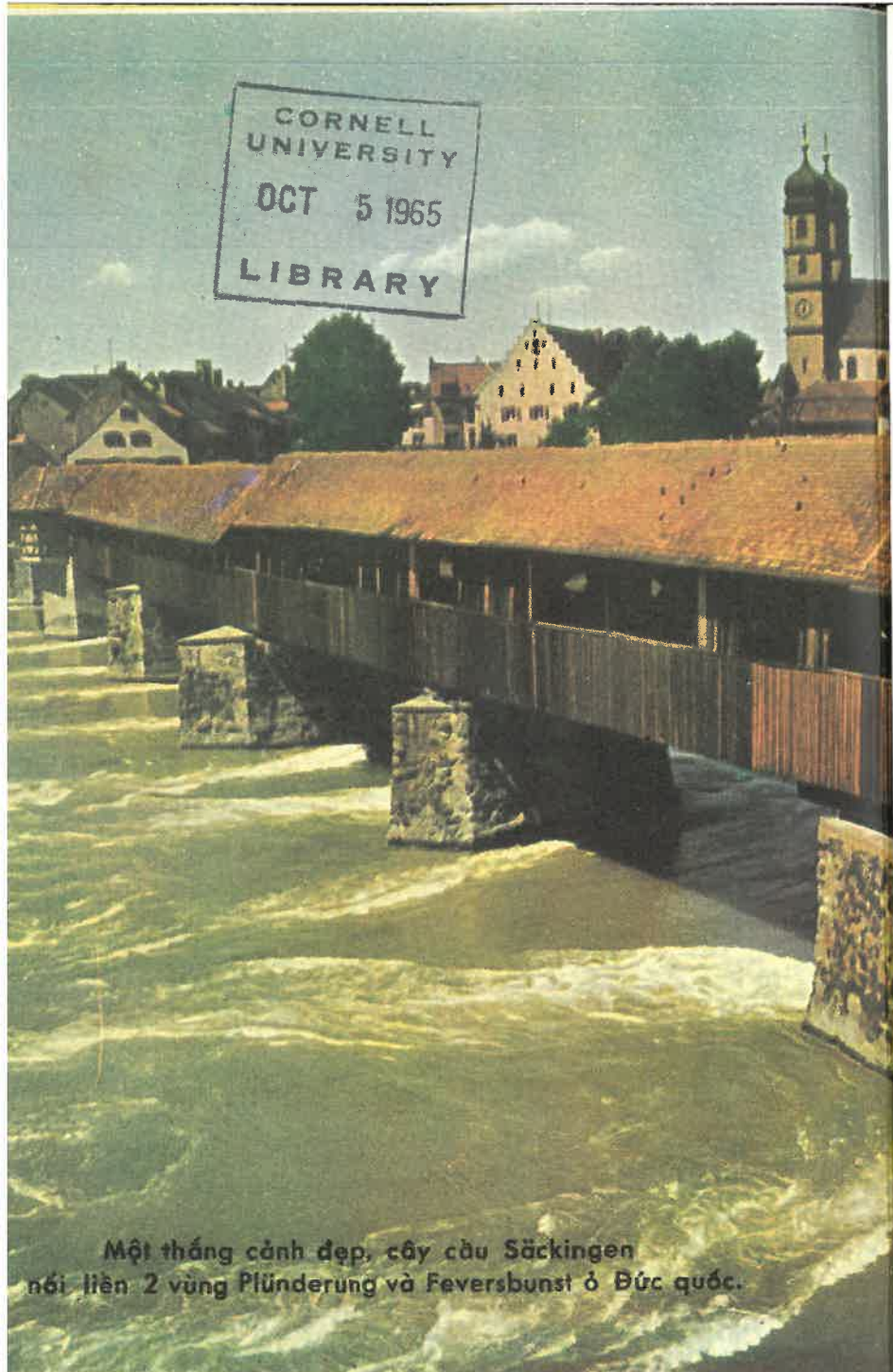
Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961
Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**
In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

K.D. số 309 ngày 14-12-1964

CORNELL
UNIVERSITY
OCT 5 1965
LIBRARY



Một thắng cảnh đẹp, cây cầu Säckingen
nối liền 2 vùng Plünderung và Feversbunst ở Đức quốc.